

SỐ 14 NGÀY 1 - 8 - 1965

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ chín

VŨ BẢO ông Shastri trước những vấn đề của Ấn độ *
TẠ TRỌNG HIỆP đọc cuốn «Hiệu chú Bích câu kỳ ngộ»
của ông Hoàng Xuân Hãn * TRÀNG THIÊN vụ án
Mihajlov ở Nam Tư * TRẦN VIÊN — HÀ DUY DÂN —
HỒ HỮU TƯỜNG góp ý về bài «Lịch sử Lạc Việt»
của Ô. Nguyễn Phương * NGUYỄN HIỂN LÊ vấn đề đánh
trẻ * LÊ TẮT ĐIỀU trong ván cờ cuối * THANH TÂM
TUYỀN cát lầy * TÚY HỒNG tóc mai nghìn năm *
SINH HOẠT LÊ PHƯƠNG CHI thi sĩ Vũ Hoàng
Chương với hội nghị Văn Bút
Quốc Tế lần thứ 33 tại Bled *
THỂ NHÂN 15 ngày tin tức.

206



Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO

EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



PRODUIT FABRIQUÉ SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{te} F^{me} DES DISTILLERIES DE L. L. C. DiC

EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vụn
đinh ốc còn nguyên vẹn.

DiC



BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI *trong số này*

Số 206 ngày 1 - 8 - 1965

VŨ BẢO ông Shastri trước những vấn đề của Ấn Độ	3
TẠ TRỌNG HIỆP đọc cuốn « Hiệu chú Bích-Câu Kỳ-Ngộ » của Ô. Hoàng-Xuân-Hãn	13
TRÀNG THIÊN vụ án Mihajlov ở Nam-Tur	23
TRẦN VIÊN trở lại vấn đề Hùng-Vương Lạc-Vương (2)	37
HÀ DUY DÂN Hùng Vương biểu tượng liên thiêng của dân tộc V.N.	41
HỒ HỮU TƯỜNG đi tìm nguồn gốc của dân tộc	42
NGUYỄN HIỂN LÊ vấn đề đánh trẻ	47
LÊ TẮT ĐIỀU trong vấn đề cuối (truyện ngắn)	53
THANH TÂM TUYỀN cát lầy (truyện dài)	65
TÚY HỒNG tóc mai nghìn năm (truyện 3 Kỳ)	71

SINH HOẠT

LÊ PHƯƠNG CHI thi sĩ Vũ Hoàng Chương dự hội nghị Văn Bút quốc tế lần thứ 33 tại Bled	81
THẾ NHÂN 15 tức ngày tin tức	86

CÁO LỖI

Vì lên khuôn lầm số trang nên trang 65 của truyện « Tóc mai nghìn năm » và trang 71 của truyện « Cát lầy » đặt lộn chỗ nhau.

Chúng tôi xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc, và mong bạn đọc sửa lại giùm cho.
B. K.

Cùng quý vị độc giả và đại lý của BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

- Vì sự lưu thông bằng đường bộ bị gián đoạn nên các báo chuyển ra miền Trung từ mấy tháng nay phải hoàn toàn gửi bằng đường hàng không. Vậy trân trọng yêu cầu quý vị độc giả ở miền Trung đã mua dài hạn và các vị nhận báo biếu, gửi về tòa báo Bách Khoa thêm 20đ. tem, để ty quản lý có thể gửi báo đều đặn bằng đường hàng không cho tới hết năm 1965, báo khỏi bị chậm trễ và thất lạc.

- Cũng xin trân trọng lưu ý quý vị độc giả là giá mua báo dài hạn gửi ra miền Trung từ nay sẽ cộng thêm cước phí máy bay là 24đ. một năm hay 12đ. nửa năm. (Như vậy, giá mua dài hạn cộng thêm cước phí sẽ là : 224đ. một năm và 112đ. nửa năm).

- Mọi sự thanh toán tiền nong xin gửi cho : Ô. Lê-Ngộ-Châu, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon ; nếu ở xa, có thể trả bằng bưu-chi-phiếu gửi cho "Tạp chí Bách Khoa Thời Đại, Trương mục 27-46 Trung khu Saigon."

Ông Shastri trước những vấn - đề của Ấn - Độ

• VŨ BẢO

Kế nghiệp chính trị thường là một việc vất vả. Vì chỉ có hai trường hợp hay xảy ra : một là người đi trước đã để lại một cái gia tài mục nát mà kẻ tới sau phải dày công gây dựng lại ; hai là người đi trước đã là một nhân vật phi thường khiến cho kẻ tới sau dù có cố gắng tới đâu cũng vẫn bị lu mờ. Gặp một trong hai trường hợp đó cũng đủ mà tổn hao tâm trí, nhưng gặp cả hai trường hợp một lúc thật là một cảnh ngộ đáng thương. Và đó đang là cảnh ngộ của ông Shastri, kế nghiệp thủ tướng Nehru trên một năm nay. Vì ông Nehru đã để lại cho ông Shastri những vấn đề mà chính ông Nehru cũng không giải quyết nổi. Ngoài ra ông Nehru lại còn đề thêm cho ông Shastri những vấn đề mà chỉ ông Nehru giải quyết mới xong.

Khi ông Nehru còn sống, người dân Ấn Độ nhìn các vấn đề đó qua tầm thước của người lãnh đạo, không thấy hết sự lớn lao của những nỗi khó khăn.

Nay ông Nehru chết đi, nhường lại gánh nặng cho đôi vai gầy yếu của ông Shastri nhỏ ốm, người dân Ấn Độ mới càng thấy tất cả khuôn khổ của những vấn đề vẫn chờ đợi họ ở trong nước cũng như đối với các nước ngoài.

Bên trong

Ấn Độ độc lập tới nay đã 18 năm. Đêm hôm 15 tháng 8 năm 1947, Nehru đứng trước diễn đàn Quốc hội lập hiến, tuyên bố với quốc dân :

« Đêm nay khi chuông đồng hồ điểm 12 tiếng, trong khi thế giới đang ngủ, Ấn Độ sẽ bừng giấc sống đời tự do. »

Từ đó tới nay, đối với Nehru cũng

như đối với Shastri, ở trong nước lúc nào cũng đặt ra 4 vấn đề chính :

- dân số
- kinh tế
- ngôn ngữ
- đảng phái.

Một phần bảy dân số thế giới

Ấn Độ hiện nay gồm 456 triệu dân.

Con số này rất có thể còn thấp hơn thực tế vì mặc dầu từ 1871 trở đi cứ 10 năm Ấn Độ lại tổ chức tổng kiểm tra dân số một lần, vẫn có một tỷ lệ khá lớn dân chúng không chịu khai báo với các nhân viên điều tra.



Ông Shastri

Mỗi năm dân số lại sinh sôi nảy nở một cách đáng ngại với tỷ lệ tăng gia trên 2,2 phần trăm nghĩa là cứ mỗi năm Ấn Độ lại có thêm 9 triệu miệng phải nuôi.

Do đó mà chính phủ Ấn Độ đã phải chủ trương kế-hoạch-hoá gia-đình (family planning) và hạn chế việc sinh sản.

Trên 30 triệu Mỹ-kim đã phải chi tiêu để lập 9.090 y xá riêng, phát không thuốc ngừa thụ thai và giải phẫu cho 433.000 người vừa đàn ông vừa đàn bà đã làm đơn xin chánh phủ giúp cho họ có thể yêu đương không hậu quả.

Du khách tới các thị trấn của Ấn Độ thấy những biển lớn đủ màu sắc quảng cáo cho những dụng cụ hay những dược phẩm trái tự nhiên. Và nữ ký giả Madeleine Biardeau trong một chuyến thăm viếng Ấn Độ đã được giới thiệu với một bà mẹ đã gây được thành tích là đã cản ngăn không cho tới 15.000 đứa trẻ chào đời.

Nhưng chính sách đó chỉ có đôi chút ảnh hưởng với một số dân chúng thành thị sống theo lối Tây Phương còn đối với dân chúng nông thôn, thì mặc dầu chính phủ đã huy động tới gần một triệu cán bộ để giải thích, các bà mẹ gia đình đông con vẫn lắc đầu cười và trả lời :

« Của Trời cho, ai lại chê ? »

Trời sinh voi nhưng không sinh đủ cỏ

Đó là nỗi khổ tâm của Nehru, và bây giờ là của Shastri. Vì Ấn Độ đã thực hiện được gần 3 kế hoạch ngũ niên phát triển kinh tế, nhưng năm nào cũng vậy sự gia tăng lợi tức do các kế hoạch mang lại không làm sao đuổi theo kịp mức gia tăng dân số.

Từ năm 1951 là năm phát động kế hoạch ngũ niên lần thứ nhất, người ta đã ghi nhận nhiều sự tiến bộ rõ rệt.

Trong vòng chưa đầy 10 năm, mức sản xuất lúa gạo từ 65 triệu tấn đã lên

tới 80 triệu tấn mỗi năm — Nhưng các bà mẹ Ấn Độ để lại còn mau hơn và trong thời gian đó, Ấn độ vẫn còn phải nhập cảng trên 3 tỷ mỹ kim lúa gạo.

Hai năm trước khi Nehru mất, tình hình canh nông đã không có gì là khả quan. Năm 1962, mức sản xuất tăng được có 1,2 phần trăm thì năm 1963 lại tụt xuống 3 phần trăm. Đến năm 1964 mùa màng tưởng đã khá nào ngờ thời tiết đổi thay lại đem ra mất mùa và ông Shastri vừa mới tựu chức đã phải lo ngay vẩn đề thiếu lúa, nạn chợ đen và vật giá lên cao. Phải ghi nhận về điểm này, nhờ những biện pháp cứng rắn ông Shastri đã thành công trong việc giải quyết nạn đói kém, mặc dầu nhiều tiểu bang Ấn Độ vì tư lợi đã không tích cực hợp tác với chính quyền trung ương.

Về kỹ nghệ, Ấn Độ cũng đã có những cố gắng đáng kể. Ấn Độ sản xuất tất cả số thép mình cần dùng, chế tạo xe hơi, đầu máy xe lửa, thiết lập được nhiều cơ sở điện năng.

Năm 1958 là năm kết quả khả quan hơn hết, sản xuất kỹ nghệ tăng gia được tới 11%.

Giữa Trung Hoa và Ấn Độ tuy không nói ra mà vẫn có một cuộc chạy đua về kinh tế. Tới nay dù có thiện cảm với Ấn Độ, người ta vẫn không dám nghĩ rằng Ấn Độ đã thắng. Một vài chuyên gia đã đưa ra những con số sau đây : Từ 1951 đến 1958 tổng số lợi tức quốc gia của Trung Hoa đã tăng được 173 phần trăm và của Ấn độ chỉ có 120 phần trăm. Nhưng căn bản so sánh này cũng không có chi là vững chắc trước hết là vì thống kê của Trung Cộng có

những tác dụng chính trị hơn là kinh tế, và ngoài ra Trung cộng gần như không trồng cây được vào ngoại viện trong khi đó Ấn Độ luôn luôn được chích thêm sinh tố loại này (Năm 1951 Ấn Độ nhận được 84 triệu mỹ kim ngoại viện và năm 1963 con số đó lên tới 800 triệu mỹ kim)

Cả thế giới chăm chú theo dõi cuộc chạy đua kinh tế hào hứng này, không phải là vì được xem giữa Ấn Độ và Trung-Hoa có kẻ bại và người thắng mà chính là vì đây là cuộc trắc nghiệm về hiệu năng giữa hai đường lối phát triển kinh tế. Các nước kém mở mang có thể nào thoát khỏi tình trạng chậm tiến mà không cần có cả một bộ máy cưỡng chế nghiền nát mọi tự do cá nhân không ? Ấn Độ không cần phải thắng một cách rõ rệt, chỉ cần chạy ngang Trung Hoa là tự nhiên món hàng chủ nghĩa mà Trung Hoa đang muốn du nhập vào các nước Á Phi sẽ trở nên ế ẩm.

Những nhà lãnh đạo Ấn Độ đã đặt hết tin tưởng và thành tâm nhiệt chí của họ vào đường lối phát triển dân chủ nhưng tới nay họ vẫn chưa thay đổi nổi tâm lý và nếp suy nghĩ của người dân quê Ấn Độ đã bao nhiêu thế kỷ nay sống trong nghèo đói và đã mỗi ngày một quen dần với một thứ triết lý tự an ủi mình bằng cách cho rằng chính sự nghèo đói giúp mình tìm thấy con đường vào cõi chân phước. Ấy là chưa kể có những nhà lãnh đạo không nhìn thấy những khía cạnh tổ chức và kỹ thuật trong các vấn đề kinh tế, đã quan niệm kinh tế như là một vấn đề đạo đức chỉ việc di thuyết pháp là thành công. Tỷ như ông Vinoba Bhave đã chủ trương thực hiện cải cách điền địa một cách hết

sức "tinh thần" khi ông ta mở một chiến dịch đi bộ khắp nước để hô hào các điền chủ trong tình huynh đệ mang ruộng đất ra tặng không cho dân nghèo.

Với uy tín lớn lao của mình, Nehru khi sống cũng chưa làm nổi cuộc động viên tâm lý đó. Ông Shastri rồi đây liệu có làm gì hơn không, khi hàng triệu người Ấn Độ đói khát và thất nghiệp nhìn thấy hàng triệu con bò rông dài trên đường phố, ăn tranh cả thực phẩm của mình vẫn cho đó là một cảnh tượng nên thơ ?

Sức mạnh của ngôn ngữ

Một điều ít ai ngờ tới là Ông Nehru nói chuyện với đồng bào của mình thường phải dùng thông ngôn. Vì Ấn-Độ là một nước có tới 179 ngôn ngữ và 544 thổ ngữ khác nhau. Có 14 thứ ngôn ngữ chính trong đó quan trọng nhất là tiếng Hindi, tiếng nói của 190 triệu dân Ấn-Độ miền Bắc và tiếng Tamil, tiếng nói của miền Nam. Ngay từ hồi Ông Nehru mới lên cầm quyền, Hiến-pháp ban hành ngày 26 tháng Giêng năm 1950 đã quy định trong Thiên 1, Chương XVII như sau : « ngôn ngữ chính thức của Ấn-Độ là tiếng Hindi viết theo lối devanagari ». Các thứ tiếng khác vẫn được dùng tại địa-phương nhưng trong giấy tờ chính thức giao thiệp với Trung-Ương thì các Tiểu-bang phải dùng tiếng Hindi. Hiến Pháp cũng trù liệu một thời gian chuyển tiếp là 15 năm nghĩa là điều khoản của Hiến-Pháp ấn định tiếng Hindi là ngôn ngữ chính thức của Ấn-Độ chỉ áp dụng từ ngày 26 tháng Giêng năm 1955. Mười mấy năm trôi qua

dưới thời ông Nehru không thấy ai nói năng gì cả. Ông Nehru vừa chết đi thì đến ngày 26 tháng Giêng năm 1965 vừa qua, Ấn-Độ tổ chức lễ kỷ-niệm Thập Ngũ Chu Niên Hiến Pháp, một lễ kỷ-niệm đầu tiên không có Nehru và cũng là lễ kỷ-niệm đầu tiên dưới quyền chủ tọa của ông Shastri. Sinh viên ở Madras một tiểu bang miền Nam, đã xuống đường phản đối việc áp dụng Thiên I Chương XVII của Hiến Pháp cùng sự « áp bức » của tiếng Hindi. Thế là cả một phong trào chống đối bùng lên, nào người tầm đầu tự thiêu, nào cảnh binh bị chôn sống, nào đốt xe, đánh phá các chuyến xe lửa vân vân... Ông Nehru còn sống cũng không chắc đã ngăn nổi những vụ bạo động đó, nhưng ông Nehru đã chết đi trước đó 8 tháng khiến cho một việc được trù liệu trong Hiến-Pháp từ 15 năm trước, tới nay đã trút đồ lên đầu ông Shastri tất cả những gió táp bão bùng. Nhưng ông Shastri đã tỏ ra nhiều mềm mỏng. Một mặt ông cam kết không có phân biệt trong việc tuyển dụng và thăng thưởng công chức giữa những người nói tiếng Hindi và những người ngôn ngữ khác, một mặt ông đề cho dùng tiếng Anh như là một thứ ngôn ngữ phụ hiệp (associate language) để giao thiệp giữa các tiểu bang và Trung-Ương. Những vụ bạo động vì ngôn ngữ nhờ đó mà đã lắng dịu đi, nhưng cho tới bao giờ thì chưa ai biết.

Vấn đề đảng phái.

Mọi người đều công nhận Ấn-Độ là một nước dân chủ, nhưng khác với các nước dân chủ khác, Ấn Độ chỉ có một đảng chính trị quốc gia : đó là

đảng Quốc-hội Ấn (Indian National Congress). Đảng này thành lập đã 80 năm và đã tích cực tranh đấu cho nền độc lập của Ấn-Độ dưới thời độ hộ của Anh-quốc. Với thánh Gandhi, đảng Quốc-hội Ấn đã đi tới thời kỳ toàn thịnh, nhưng vài năm sau ngày độc lập, như mọi đảng phái quốc gia của bao nhiêu nước mới độc lập, đảng Quốc-hội Ấn đã lần lần bị suy nhược vì những chia rẽ nội bộ. Uy tín của Thủ tướng Nehru đã giúp cho đảng Quốc-hội Ấn vẫn hàn gắn được những vụ phân tranh nhưng khi Nehru chết đi thì Đảng đã rạn vỡ thành nhiều khuynh hướng địa phương, đã phân tán ra cách tả, cánh hữu hay đã bị tê liệt vì những sự kháng đối cá nhân.

Sở dĩ ông Shastri đã được chọn làm Thủ Tướng là vì giữa sự lục đục nội bộ đó ông chẳng có người yêu mà cũng chẳng có kẻ thù và ông lại có nhiều tinh thần thỏa hiệp để dàn xếp được các vụ xích mích.

Nhưng những người đã chọn lựa ông Shastri không phải là đã thực tâm cộng tác với ông ta.

Desai, nhóm cực hữu, vẫn cho là ghế thủ tướng đáng lý phải là chỗ ngồi của mình. Menon, nhóm tả khuynh, tuy không ưa gì Desai nhưng đã liên kết với ông này vì cả hai cùng có một đối tượng Shastri để vật ngã một ngày nào đó. Bộ trưởng Quốc phòng Chavan thì dựa vào vai trò quân đội giữa lúc biên thù bị quấy rối để gây ảnh hưởng cá nhân. Bà Pandit, em gái của Nehru cũng đã tỏ ra nhiều tham vọng trong lời

nói cũng như trong việc làm, Bà India Gandhi, con gái của Nehru thì luôn luôn có những lời tuyên bố đề cao cha mình và ám chỉ Shastri chỉ là một bóng mờ của kẻ đã khuất. Còn chính Thủ tướng Shastri thì lại phải dựa vào chủ tịch đảng Quốc hội, ông Kamaraj thuộc tiểu bang Madras, vào ông Ghosh lãnh tụ tiểu bang Tây Bengale và ông Patil thuộc Bombay. Nhưng khi phải dựa vào những lãnh tụ đảng tại các địa phương ông Shastri cũng không khỏi băn khoăn thấy quyền hành của New Delhi phải chia sớt phần nào với các tiểu bang.

Trong khi anh em nhà lục đục như vậy trong đảng Quốc hội, ông Shastri còn phải canh chừng ảnh hưởng Cộng sản tại tiểu bang Kerala.

Đây là tiểu bang nhỏ nhất của Ấn độ, dân số 17 triệu người, nhưng tỷ lệ người biết đọc biết viết thì lại cao nhất Ấn độ (46 phần trăm) trong khi lợi tức tính đầu người lại thấp nhất (50 mỹ kim một năm).

Kỳ tuyển cử năm 1957, do sự bất hòa trong đảng Quốc hội Ấn, phe cộng sản chiếm được 60 trong 127 ghế của Nghị viện tiểu bang và dựa vào mấy nghị sĩ độc lập đã nắm quyền hành tại Kerala trong hơn 2 năm.

Đến năm 1960, lại có cuộc tuyển cử mới. Lần này phe Cộng sản thua, nhưng đảng Quốc hội cũng lại chia ra làm 2 khuynh hướng: một cánh theo hệ thống toàn quốc, một cánh muốn tách rời ra làm một tổ chức địa phương riêng biệt.

Đến kỳ tuyển cử năm 1963 thì lại đến lượt phe Cộng sản chia làm 2 nhóm:

nhóm thân Nga xô và nhóm thân Trung cộng. Rốt cuộc cả hai phe Cộng sản lẫn 2 phe Quốc gia, chẳng ai chiếm đủ đa số để thành lập chính quyền tiểu bang cả. Và Kerala đã được đặt trực thuộc tổng thống (President's rule), nghĩa là đặt dưới quyền một công chức liên bang do Trung ương bổ nhiệm trong khi không bầu nổi chính quyền địa phương.

Như vậy cũng tạm yên, nhưng đến năm tới, 1966, lại có tuyên cử và từ nay đến đó ông Shstri nếu không củng cố được đảng Quốc hội tại Kerala, sẽ lại phải đối phó với sự xâm nhập của Cộng sản tại tiểu bang này.

Đối nội đã vậy, đối ngoại làm sao.

Phải công nhận rằng với ông Nehru chánh sách đối ngoại của Ấn độ đã có một thời vàng son, và trên chính trường quốc tế, Ấn độ đã giữ một vai trò hết sức quan trọng. Trong lúc các nước lăm le nói chuyện bằng súng đạn, ông Nehru đã cất tiếng nói đạo đức làm thức tỉnh lương tâm của thế giới và làm quang đãng được nhiều buổi bầu trời vẫn đục giông tố. Chánh sách đối ngoại của ông Nehru hướng vào 3 mục tiêu :

- hợp tác các dân tộc Á Phi
- tranh đấu chống thực dân
- xây dựng một cộng đồng thế giới hòa bình.

Ngay từ khi Ấn độ chưa độc lập, ông Nehru đã có sáng kiến triệu tập một hội nghị các nước Á Châu vào năm 1946 để cho Ấn độ và các dân tộc láng giềng ý thức được vận hội mới đang chờ đợi họ. Năm 1948 khi Hòa Lan gửi lực

lượng cảnh sát tới Nam Dương, ông Nehru triệu tập hội nghị Á Châu lần thứ hai để hỗ trợ tinh thần cho các nước bị trị đang chiến đấu cho nền độc lập của mình. Rồi đến hội nghị Colombo năm 1950 đưa ra ý kiến hợp tác giữa các nước chậm tiến để phát triển kinh tế với sự giúp đỡ của các nước đã mở mang. Sau đó là hội nghị đoàn kết các dân tộc Á phi họp lần thứ nhất tại Bandung năm 1955 : ông Nehru đã được tất cả các nước dự họp coi như là một người anh lớn có ảnh hưởng quyết định tới mọi việc trong gia đình.

Ấn độ đã được độc lập giữa lúc mà chiến tranh lạnh giữa Nga-sô và Hoa-kỳ bắt đầu bước vào giai đoạn gay cấn nhưng ông Nehru với nhiều cương nghị và can đảm lúc nào cũng giữ được cho Ấn độ ở ngoài sự tranh chấp giữa hai phe, và không chịu gia nhập một liên minh quân sự nào.

Nhưng vài năm trước khi Nehru chết thì chánh sách đối ngoại của Ấn độ đã gặp nhiều mâu thuẫn ngập ngừng.

Trước hết Ấn độ chủ trương hợp tác giữa các dân tộc Á Phi nhưng chính Ấn độ đã có những chuyện lục đục với các nước láng giềng.

Lục đục với Pakistan từ khi xứ này lập quốc vì chuyện tiểu bang Cachemire. Pakistan coi tiểu bang này là một phần đất mình vì đa số theo Hồi-Giáo, nhưng đến năm 1957, Nehru vì những lý do tình cảm (gia đình ông ta quê ở đó) đã sáp nhập Cachemire vào lãnh thổ Ấn độ. Rồi đến chuyện nước tưới ruộng miền Panjâb. Ấn độ muốn ngăn nước ở vùng thượng lưu các con sông Satlej, Chenâb

và Ravi nhưng làm vậy thì miền Panjâb của Pakistan sẽ chết khô vì thiếu nước.

Mục tiêu thứ hai của chính sách đối ngoại Ấn độ là tranh đấu chống mọi tàn tích thực dân nhưng chính Ấn độ cũng là một thứ thực dân có hạng.

Thí dụ như ở Ceylan mà 12 phần trăm dân số là người Ấn độ Tamoul chiếm gần hết các quyền lợi trong các đồn điền trà. Tại Miến-điện, các ông Chetty Ấn độ sau khi làm giàu bằng cách cho nông dân vay cửa cồ lại còn kiếm cách mua lại bằng giá rẻ mạt những đất đai con nợ của mình.

Bà thủ tướng Ceylan, Bandaranaike đã phải dọa tổng khur các ông Tamoul về nước trong khi đó chính phủ Miến đã quốc hữu hóa 2 triệu rưỡi mẫu đất khiến các ông Chetty mất gần 1 triệu mẫu.

Nhưng một việc khác đã làm cho cả tòa kiến trúc chính sách đối ngoại của Ấn độ bị lung lay đến tận móng đó là việc Trung cộng cho 135.000 quân tới chiếm vùng Ladakh của Ấn độ vào năm 1962. Ấn độ tự nhiên bị rơi vào một thế kìm kẹp, không tăng quân số thì không giữ được biên giới, tăng quân số thì phải sén bớt một ngân sách vốn đã không dư dật dùng cho việc phát triển kinh tế. Đau đớn hơn nữa là tất cả những lý thuyết "đạo đức quốc tế" của Nehru đã gần như bị Trung cộng nhạo báng một cách công khai. Các nước nhược tiểu lại được dịp thấy không thể nào theo gương Ấn độ mà nói chuyện luân lý, chỉ có sức mạnh mới có thể làm hậu thuẫn đắc lực cho ngoại giao.

Còn lại vai trò thứ ba của Ấn độ là

giữ nhiệm vụ một lực lượng thăng bằng trong sự tương tranh hai khối để duy trì hòa bình thế giới thì vai trò đó cũng xuống hàng thứ yếu khi mối tương quan giữa Nga xô và Hoa kỳ đã thay đổi hẳn với chủ trương hòa hoãn của hai ông Kennedy và Krouchtchev. Một đường điện thoại riêng đã nối liền hai phòng giấy của hai nhà lãnh đạo giúp họ có thể nói chuyện thẳng với nhau về những vấn đề nóng hổi và khiến cho hình ảnh sứ giả hòa bình của ông Nehru đã bị tiêu tan trước khi mà thể xác của ông được hỏa táng bên bờ Hằng hà.

Ngăn nẩy nhược điểm trong chính sách đối ngoại vào mấy năm cuối cùng của ông Nehru đã là những mối trở ngại lớn khó vượt đối với ông Shastri, một vị Thủ tướng chưa từng hoạt động trên chính trường quốc tế và cũng chưa từng ra khỏi nước xa hơn xứ Nepal.

Mối lo âu đầu tiên của ông Shastri là vấn đề *Cachemire*. Không yên ổn về phía đó thì luôn luôn 2 phần ba quân đội Ấn độ bị giữ cầm chân ở biên giới. Nên ngay từ khi Nehru còn sống, ông Shastri đã vận động trả tự do cho Sheik Mohammad Adullah, một trong những chính khách có uy tín nhất của *Cachemire* mà Ấn độ đã giữ cầm tù trên 10 năm.

Khi ông Shastri lên cầm quyền thì giữa ông và tổng thống Pakistan, ông Ayub Khan đã trao đổi với nhau nhiều lời chúc tụng êm ái và hai người cùng hy vọng sẽ gặp nhau tại Hội-Nghị các Thủ tướng trong Liên Hiệp Anh nhóm tại Luân Đôn vào tháng 7 năm 1964 để có cơ hội thảo luận về việc cải thiện mối bang giao



Được phẩm ngừa thụ thai được quảng cáo và bán công khai tại Ấn-Độ.

giữa hai nước. Nhưng Shastri ngồi ghế Thủ tướng chưa được 24 ngày đã bị đau nặng, không đi Luân Đôn được, cuộc hội kiến Shastri — Ayub Khan không thành và những vấn đề dở dang vẫn còn nguyên dang dở.

Kịp đến tháng 4 năm 1965, quân đội hai bên lại nổ súng vào nhau chỉ vì một mảnh đất khô cằn gọi là Rann Kutch nằm giữa hai nước (Rann có nghĩa là đầm lầy). Ấn độ thì cho rằng biên giới của mình đi vòng qua phía bắc Rann Kutch còn Pakistan lại cho rằng Ấn độ đã lấn đất vì biên giới Ấn chính ra ở phía Nam Thủ tướng Anh, ông Wilson đã phải dàn xếp đi tới cuộc ngưng bắn ký kết vào đầu háng 7 vừa qua. Quân đội hai bên đã rút ra khỏi Rann Kutch nhưng lý do thực a không phải là vì đã có thỏa hiệp ngưng

bắn nhưng chính là vì mùa mưa đã tới Rann Kutch bị ngập trên một thước nước biển mặn, trong một vùng rộng gần 8.000 dặm vuông, nên hai bên cũng chẳng có cách nào mà dân quân đánh nhau được nữa. Đến tháng một sắp tới đây, Rann Kutch lại bắt đầu khô ráo, và ta thử chờ xem đến lúc đó hai bên có còn đi tìm kiếm biên giới trên mảnh đất hoang vu nữa không ?

Đối với **Trung Cộng**, ông Shastri chủ trương rằng ngày nào mà quân đội Trung Hoa còn chiếm đóng vùng Ladakh thì ngày đó hai bên chưa có thể nói chuyện với nhau được. Một mặt khác Ấn độ lo tăng cường tiềm lực phòng thủ vận động các cường quốc viện trợ quân sự đề đề phòng mọi bất trắc từ phương Bắc tới. Nhưng tới khi Trung cộng cho thử trái bom nguyên tử đầu tiên tại Lobnor thì Ấn độ là nước bàng hoàng nhiều nhất. Riêng ông Shastri đã ở vào một tình thế rất khó xử vì chính ông trong một cuộc vận động ngoại giao đầu tiên của đời mình đã đề nghị với một số nước gửi một phái đoàn đi Bắc kinh khuyên ngăn Trung Cộng không nên thử bom. Nhưng Trung Cộng cứ thử. Không những chính sách đối ngoại của Ấn độ đã qua một bước thất bại mà với quả bom nguyên tử hung hăng kia, cả hệ thống phòng thủ hiện nay của Ấn độ cũng bỗng trở nên sơ sài yếu ớt.

Với **Hoa Kỳ**, ông Shastri đã nghĩ rằng mối giao hảo có thể thêm tốt đẹp khi ông sẽ viếng Hoa kỳ vào tháng năm 1965. Nhưng một chuyện bất ưng khác đã xảy ra. Tổng thống Johoson tự nhiên

xin Thủ tướng Shastri hoãn lại cuộc hành trình, lấy lý do là tòa Bạch Cung đang bận về các dự án đệ trình Quốc hội và về tình hình ở Việt-Nam. Nhưng thế giới thừa biết đó không phải là lý do chính vì tổng thống Johnson đâu có đề nghị hoãn cuộc viếng thăm của ông Aldo Moro Thủ tướng Ý đại lợi và của Tổng thống Cao ly Phác chánh Hi. ?

Lý do chính là tổng thống Johnson đã ngại rằng thủ tướng Shastri trong khi viếng thăm có thể yêu cầu Hoa kỳ ngưng thả bom Bắc việt và đặt ông Johnson trong tình thế tế nhị, thứ nhất là ông Johnson vừa đệ trình quốc hội Hoa kỳ chuẩn phê một ngân sách 435 triệu mỹ kim để viện trợ cho Ấn độ.

Lý do muốn là thế nào đi chăng nữa thì ông Shastri cũng còn mất nhiều thì giờ mới gạt bỏ được khỏi óc mình ý nghĩ là Hoa kỳ đã bỏ mặt ông ta.

Và đó cũng là nguyên nhân khiến ông Shastri, một người vốn rụt rè kín đáo đã đi thăm Nga Xô trong một cuộc hành trình với nhiều tính cách phô trương. Lẽ tất nhiên Nga xô cũng không bỏ lỡ dịp khai thác chuyến công du này. Nhưng bản thông cáo chung Shastri - Kossyguine công bố sau đó cũng không cho người ta thấy Ấn độ đã thâu hoạch được kết quả gì đáng kể: Hai nước sẽ mở rộng các trao đổi thương mại, Ấn độ có yêu cầu Nga xô tăng thêm viện trợ quân sự, nhưng Ấn độ cũng cam kết không kêu gọi đến các cường quốc nguyên tử trong việc phòng thủ của mình. Một đoạn khác của thông cáo, viết

theo đúng lối hành văn của cộng sản, đã nói lên sự hợp tác giữa hai nước trong công cuộc thanh toán thực dân và đế quốc.

Tuy nhiên không có một lời nào đã động đến Tây Tạng hay các nước chư hầu cộng sản tại Đông Âu, không có một chữ nào ám chỉ đến biên giới Ấn độ và vụ xâm lăng của Trung cộng tại vùng Ladakh. Nghi là dạ muốn nói mà lời còn e và kết quả thực tế của cuộc viếng thăm Nga xô đã không đi đôi với sự thù tiếp trọng hậu.

Không ai chối cãi là ông Shastri đã có nhiều cố gắng. Ông ta làm việc đều đặn 18 giờ mỗi ngày và cái thẻ chất nhỏ thó kia quả có chứa đựng một linh hồn tôi luyện. Một năm giờ cầm quyền hãy còn là một thời gian quá ngắn để nhận xét về ông Shastri thứ nhất là những vấn đề mà ông phải giải quyết đã mang khuôn khổ của một đại lục phức tạp. Ấy là chưa kể cái gia tài nặng nề về tích sản cũng như về tiêu sản mà ông Nehru để lại. Ông Shastri hẳn phải cảm nghĩ như vậy hơn ai khác, khi ông tuyên bố với một ký giả : « Tôi không có viết trên một cái bảng đen còn sạch » (I do not write on a clean slate).

Nhưng dù ông có nói vậy, dân Ấn độ vẫn xét ông, thế giới vẫn xét ông qua cái bảng đen kia, nghĩa là vẫn xét ông qua những dòng chữ ông viết và qua cả chữ người khác.

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài «Tür Ben Bella tới Boumédiénne» của Vũ-Bảo, đăng trên BKTĐ số 205 ngày 15-7-65 — do một sự sơ xuất đáng tiếc ấn-công không kịp sửa bản vổ sau chót, nên đã để lại rất nhiều lỗi, trân-trọng xin quý độc giả sửa lại cho đúng giùm cho :

— Trang 3 :

cột 1, hàng 5, đã đăng : *Evian-les-Bains*, xin sửa là : **Evian-les-Bains**.

cột 1, hàng 15, đã đăng : *Pháp và F.L.*, xin sửa là *Pháp và F.L.N.*

cột 1, hàng 18, đã đăng : *(quân Đội Bí mật)*, xin sửa là : **quân đội bí mật**.

cột 2, hàng 4, đã đăng : *tại Reggane quyền hành*, xin sửa là : *tại Reggane. Quyền hành*.

— Trang 4 :

cột 1, hàng 21, đã đăng : *tủi nhục được coi*, xin sửa là : **tủi nhục chỉ được coi**.

cột 2, hàng 17, đã đăng : *Diddonche*, xin sửa là : *Diddouche*.

— Trang 5 :

cột 1, hàng 18, đã đăng : *nắm vững vấn đề*, xin sửa là : **nắm vững những vấn đề**.

cột 2, hàng 2, đã đăng : *Cộng-sản — thật là*, xin sửa là : **Cộng-sản. Thật là**.

hàng 32, đã đăng : *bị đô hộ đang khao khát*, xin sửa là : **bị đô hộ đang khao khát**.

— Trang 6 :

cột 1, hàng 30, đã đăng : *là một thí dụ*, xin sửa là, **là một vài thí dụ**.

cột 2, hàng 1, đã đăng : *chủ trươn*, xin sửa là : **chủ trương**.

— Trang 7 :

cột 1 : hàng 15, đã đăng : *Siên-sô*, xin sửa là : **Liên-sô**.

cột 2 : hàng 12, đã đăng : *mới thu hồi*, xin sửa là : **mới thu hồi**.

— Trang 8 :

cột 1 : hàng 14, đã đăng : *muốn cho người*, xin sửa là : **muốn. Cho người**

cột 2 : hàng 21, đã đăng : *Những người có mặt đúng úc trong quá trình diễn biến*, xin sửa là : **Những người có công trạng thực ra chỉ là những người có mặt đúng lúc trong quá trình diễn biến**.

cột 2, hàng 36, đã đăng : *Evian le Bains*, xin sửa là : **Evian les Bains**

— Trang 9 :

cột 1, hàng 5, tiêu-đề : *Khi ngón tay cái dưởng mình là bàn tay*, xin sửa là : **Khi ngón tay cái tưởng mình là cả bàn tay**.

cột 1, hàng 34, đã đăng : *thư ký cục chính trị*, xin sửa là : **thư ký Cục chính trị**.

— Trang 10 :

cột 2, hàng 4, đã đăng : *vì dự bất hòa*, xin sửa là : **vì sự bất hòa**.

Xin trân-trọng cáo lỗi cùng quý vị độc-giả và bạn Vũ-Bảo, tác-giả bài nói trên đây.

Tòa-soạn Bách-Khoa Thời-Đại



• TẠ TRỌNG HIỆP

đọc cuốn

Hiệu-chủ Bích-câu Kỳ-ngộ
của ô. Hoàng Xuân Hãn

(xin xem từ BK số 205)

NHẬN XÉT RIÊNG

1. Ai là tác-giả nguyên-tác BC chữ Hán?

Vấn-đề mới nhìn thì tưởng không cần bàn-cãi gì cả : nay còn chứng-tích gán rõ nguyên-tác cho Đoàn Thị Diễm-tức là chữ ghi ở trang đầu bản in TK và lời chép của Phan Huy Chú trong sách *Lịch-triều hiến-chương* (mục Văn-tịch-chí).

Nhưng cũng có lời của Phạm Đình Hồ (trong *Tang-thương ngẫu-lục*) gán nó cho Đặng Trần Côn. Do đó mà nảy ra mối ngờ. Trải qua khảo-chứng của hai học-giả HXH và TVG, cả ba chứng tích ấy đều lộ ra những nhược-diểm như :

a) ngay giữa TK và Phan Huy Chú đã có điểm bất-đồng.

b) ô. HXH đã phân-tích cách-thức ấn-loát đề nghi-ngờ giá-trị của chứng-

tích TK. Ta cũng thấy ô. TVG dùng phương-pháp ấy đề nghi-ngờ *Tang-thương ngẫu-lục* (sau đây sẽ gọi tắt là TTNL) : Phạm Đình Hồ hẳn là một nhà kê-cứu đáng tin, nhưng văn-bản TTNL *hiện-hành* thì chưa thể tin hoàn-toàn được. Ngót một trăm năm sau khi viết ra, trải qua bao nhiêu lần sao chép truyền tay, đến năm 1896 TTNL mới được khắc in, thì văn-bản tránh sao khỏi sai-ngoại. Câu gán BC Hán-văn cho Đặng Trần Côn có thể là một câu chấp-vá, vì nó nằm lạc-lỡ ở mãi cuối truyện họ Đặng, sau khi dứt hẳn mạch văn, nghĩa là câu ấy «có thể lấy ở đâu đem đặt vào cũng được, hoặc đem đặt vào dưới tiêu-truyện ai cũng được» (TVG).

Nhưng thuyết HXH không phải chỉ dựa vào TTNL mà thôi. Ông còn đưa ra hai lẽ khác :

a) một chứng tiêu-cực, bất-lợi cho Đoàn nữ-sĩ, là các người thân-cận của bà (như chồng, anh, cháu rể) đều không đả-động gì đến BC khi kê tên các tác-phẩm của bà trong gia-phả hay trong văn-tế.

b) một chứng, thuộc về tâm-lí xã-hội, là bài thơ *Truyền-kì* 60 vắn (cf. bản dịch-thơ của HXH, tr. 108-113; có ảnh chụp nguyên-văn trong bản TVG, phụ-lục IV/1-2), hình-tượng tuy gián-tiếp nhưng xét kĩ nội-dung tả-chân khá táo-bạo (tả hình, nhất là tả thú vui của đêm hợp-cần), nếu gán cho kẻ lạc phách họ Đặng (hoặc một Hồ Xuân Hương nào đó!) thì hợp tình-lí hơn là gán cho bà cung-trung giáo-tập họ Đoàn.

Theo tôi, chứng thứ hai này là điểm quyết-định nhất — tuy chưa phải là *chứng* theo nghĩa hẹp: nếu không thì đã chẳng cần bàn-cãi! — trong thuyết HXH, nó phù-hợp viên-mãn với những gì ta đã biết về cá-tính phóng-túng của họ Đặng.

Riêng trong thuyết TVG, có một luận điểm mà tôi cho là không vững cho lắm. Ô. TVG đã có đủ cảnh-giác để nghi-ngờ bản in TTNL hiện-hành, không hiểu sao ông vẫn còn quá tin vào uy-quyền của bản in TK? Ông nhắc đi nhắc lại hai lần (cf. bản TVG, tr. 10 và 24) rằng nguyên-tác «chỉ là một truyện trong sáu truyện trong sách TK», «không thấy có một bản BC chữ Hán riêng nào khác»; mà trang đầu bản in TK đã ghi rõ tên hiệu và tên họ bà Đoàn, vậy BC chữ Hán hẳn phải là của bà.

Thật ra, ngoài bản TK, ta biết rằng

nay còn ít nhất là hai thoại khác, tuy tôi chưa được đọc nhưng cũng xin kể ra, để phê-phán hai chữ *chỉ là* của Trần-quân:

— một thoại trong tập mang kí-hiệu A. 845 của thư-viện trường Bác-cổ cũ (cf. E. Gaspardone, *Bibliographie annamite*, tr. 113, chú số 1; cả tập gồm 176 tờ chép tay),

— một thoại trong tập *Truyền-kì tập-lục* (cũng là sách chép tay, gồm 110 tờ) mà chính Trần-quân đã giới-thiệu cho chúng-ta biết, cách đây vài năm (1)

Trong cả hai tập, ấy, BC đều đề vô-danh, chứ không thấy ghi tên bà Đoàn. Cũng chính nội-dung *Truyền-kì tập-lục* (theo như ô. TVG đã giới thiệu) giúp ta tài liệu để phủ-nhận một luận-cứ khác của ông. Ông viết: «không một lí-do gì cả một tập văn in của một tác-giả mà ở giữa lại xen vào một bài của người khác» (2). Nourng ta thấy *Truyền-kì tập-lục* đã làm việc «xen kẽ» ấy một cách rất hiên-nhiên: trong tập ấy có chép 4 truyện trong TK xen lẫn với 10 truyện trong *Truyền-kì mạn-lục* của Nguyễn Dữ! Trong văn-học ta, thiếu gì những chuyện «đầu Ngô mình Sở» như vậy; đây tôi muốn lật ra hai trường-hợp bất ngờ như:

a) La-sơn phu-tử có bài thơ nôm *Nhà Cả Triêm giáo Cả Trung* chép trong *Hạnh-am thi-cảo* (3) là tập do chính tay phu-tử gộp các thi-văn của

(1) cf. bài *Dẫn* cuốn *Trình-thử* của TVG Hanoi 1959, nhà x.b. Văn-hóa, tr. 10-12

(2) cf. bản BC/TVG, trang 24.

(3) cf. HXH, *La-sơn phu-tử*, trang 198, 305.

mình mà thành ; nay không còn nguyên-cảo, nhưng ô. HXH có tham-khảo được bản khá cồ (bản sao từ trước đời Tự-đức), đầu bài thơ lại có chưa thời-diểm viết ra là « năm kỉ-vị (1779) nhân ở nhà Giới-thạch-trai », vậy có thể tin là thơ ấy của phu-tử. Vậy mà nay ta thấy bài ấy cũng chép xen vào thơ nôm trong tập *Hồng-dức* (1) !

b) Lại như bài *vịnh Vững Bình-than* đã thấy gán cho một « viên triều-sĩ ở Hải-dương » và chép trong *Công-dư tiếp-kí* (2), lại thấy xen vào tập thơ *Hồng-dức* (3), rồi lại ngang-nhiên xuất-hiện như thơ Hồ Xuân Hương (4).

Trở lại câu-chuyện BC : hoặc-giả có thể cho rằng hai thoại BC chép tay kể trên chỉ là thoại mới chép từ bản TK (riêng tôi cũng muốn nghĩ như vậy) ; và có thể cho rằng các chuyện « đầu Ngô mình Sở » mà tôi vừa kể chỉ là hiện-tượng tam sao thất bản của loại sách *chép tay*, không đủ đề nghi-ngờ thuần-xác-tính của loại sách in đã có ghi rõ tên hiệu tác-giả ngoài bìa.

Nhưng có thật rằng hễ là sách in thì đáng tin không ? Như sách *Nguyễn-Trãi gia-huấn*, đúng là sách in đó, lại ghi rõ tên tác-giả thế mà có xen lẫn văn *Phụ-trâm tiện-lâm* của Lí Văn Phúc thì Trần-quân giải-thích ra làm sao ? Không những phần *Phụ-trâm* phải trả lại cho họ Lí, mà ngay các phần khác trong sách, có ai sẽ tin đó là thơ Nguyễn-Trãi không ? Đến một bản in đáng tin-cậy như *Ức-trai-tập*, mà phần thơ quốc-âm trong tập VII có xen lẫn thơ rút từ tập *Bạch-vân* của trạng Trình nữa đó thì

SÁCH BÁO MỚI

Bách-khoa đã nhận được :

- **Gạo chợ nước sông**, tiểu thuyết của Ngọc-Linh do Miền Nam xuất-bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 383 trang, Giá : 10đ.
- **Năm mộ lòng**, tập thơ của Song-Hoài do tác-giả gửi tặng. Sách in ronéo, gồm 32 trang thơ, không đề giá bán.
- **Người xa lạ**, nguyên-tác của An-Be Ca-Muy, bản dịch của Võ Lang, do Thời Mới xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 135 trang, bản đặc biệt không đề giá.

sao ? ấy là chưa kể những ngoa án to-tát hơn nữa, như bản in sách *Lĩnh-nam đặt-sử* ở nước ta, lấy nguyên-văn một cuốn tiểu-thuyết của Trung-hoa (5) rồi bịa ra « giai-thoại » Trần Nhật Duật dịch một nguyên-tác bằng tiếng Hán ra chữ

(1) cf. bản phiên-âm thơ *Hồng-dức* của Bùi Văn Nguyên và Phạm Trọng Diễm, Hanoi 1912, nhà x.b. Văn-hóa, trang 111-112.

(2) bản dịch của cụ Tô-nam, Saigon 1962 tập III, trang 109-110. Đây là phần bỏ-di, không phải là nguyên-văn của Vũ Phương Đề.

(3) bản phiên-âm đã dẫn, trang 145.

(4) cf. bản Xuân-lan in lại trong cuốn *Hồ Xuân Hương thi-tập* của Thuần Phong (Sai-gon 1958, nhà x.b. Đoàn Văn), trang 26.

(5) về nguyên-tác Trung-hoa, cf. Tôn Khải Độ, *Trung-quốc thông-tục tiểu-thuyết thư mục tái bản Bắc kinh* 1957, trang 150

Hán (1), đủ khiến ta tin thế nào vào đức trung-thực của *bản in* cổ...

2. Vũ Quốc Trân là tác-giả BC nôm?

Thuyết này do ô TVG đưa ra trong dịp ông công-bố hai bản PT và TVG, công-phu sưu-tầm của ông quả thật đáng khen, nhưng phần lập-thuyết thì còn quá ư lỏng-lẻo, chưa có gì là quyết-định cả. Nay ông HXH dò kĩ thế thức viết húy và dị-diêm của các bản in (kể cả bản phiên-âm của ô. TVG), tìm ra được một mốc thời-gian rất nghịch với thời diêm sinh-tử của nhân-vật Vũ Quốc Trân thì mỗi ngò đối với thuyết TVG lại càng tăng thêm. Như Nguyễn Văn Hoàn đã nhận-xét rất đúng (2) tài-hiệu do ông TVG tìm ra chỉ cho phép ta khẳng-định rằng "hiện nay trong gia-phả họ Vũ làng Đan-loan có một bản BC nôm chép tay" chứ chưa đủ để "kết-luận chắc-chắc rằng Vũ là tác-giả bản nôm kia". Thế thôi, không hơn không kém. Tạm thời, tôi nghi rằng ý của ông HXH có thể đúng khi ông nghi rằng tác-giả BC nôm thuộc đám người thân-thuộc với nhóm Hồng-sơn cuối Lê đầu Nguyễn. Truyện có một nghệ-thuật «mĩ-cảm lí-trí», thanh mà luyện, rất dễ khiến ta liên-hệ nó với *Mai-dình mộng-kí* và *Hoa-tiên*.

3. Lai-lịch cốt chuyện BC.

Chuyện có vẻ thuần-túy Việt-nam, Hoàng-quân chưa tìm ra truyện Trung quốc nào tương tự, mà cũng không thấy trong sử sách ta "có bút-tích gì trước bài TK kể chuyện Tú Uyên kết-duyên cùng tiên-nữ nhờ một bức họa". Nhưng ông nghi rằng chuyện có từ trước đời

Đặng Trần Côn, họ Đặng chỉ "thêu dệt cho văn-hoa thêm" mà thôi.

Tôi chưa tìm ra sử-chứng cổ hơn bài nguyên-tác, nhưng có đọc một vài bút-tích cổ hơn sách *Hoàng Việt địa-dư-chí* (sơ-ấn : 1833) mà Hoàng-quân đã dùng để dò lịch-sử, xin trình dưới đây cùng với một vài tài-liệu khác — loại này không phải là sử-liệu theo nghĩa hẹp nhưng có thể hé cho ta thấy khía cạnh xã-hội-học của câu chuyện — để củng-cố một phần nào giả-thiết của ông (3).

A. — đoạn [Hà-sinh] khuyên-giải Tú Uyên (trong TK 48 b 49a, đương-đối với các vế 229-238 trong BC nôm), có nhắc đến chuyện vua Lê Thánh-tông gặp tiên và làm thơ quốc-âm trước chùa Ngọc-hồ. Ngoài TK, nay còn thấy hai bút-tích trong sách nửa sau thế-kỉ XVIII :

a) *La-thành cổ-tích dẫn-vịnh* của Trần Bá Lãm (hoàng-giáp năm 1787), mục Ngọc-hồ-tự có bài dẫn và bài thơ như sau (4).

(1) cf biện-luận của Bùi Văn Nguyên, nguyệt-san *Nghiên-cứu Văn-học* (tháng 12/1962) trang 92.

(2) cf *Tạp-chỉ Văn-học*, tháng 4/1963, trang 63.

(3) Ngoài *Hoàng Việt dư-địa-chí*, sách *Tây-hồ-chí* cũng có nhắc đến sự tích Tú Uyên : cf. bản dịch Saigon 1962 của ô. Trần Thanh Đạm, trang 51-52, và 81. Nhưng sách viết cuối đời Tự-đức, không đáng kể.

(4) Về Trần Bá Lãm, cf. cuốn LSPT của HXH, trang 185-187. Dưới đây trích-dịch theo bản chép tay trong tủ-sách của giáo-sư Demi-éville.

Tiêu-dẫn

«Chùa ở xóm Tả (tả-thôn), huyện Thọ xương, nơi ấy có một nông gò đất, hình-trạng giống bầu rượu. Năm Kiến-gia thứ 8 (1218) đời Lí Huệ-tông, sai dựng chùa Phật ở đó, đặt tên là chùa Ngọc hồ (bầu ngọc). Sau nhà Trần đổi làm chùa Tiên-phúc vì thường có tiên-nữ đến đó bay lượn nhõn-nhờ. Lê Thánh tông đi chùa thắp hương, có một cô gái thấy xa-giá tới thì lánh vào trong một bụi mầu-đơn, vua sai tìm cô, thấy nàng da tuyết mặt hoa, rõ ra bức tuyết-thể giai nhân, bèn bảo lên ngồi cùng xe (1). Về đến trước cửa Đại-hưng (2), tiên-nữ nói : «Thiếp là tiên-tào bị đày xuống trần, vốn có duyên nợ với bề-hạ. Nay hằng xin tạm biệt, rồi ra còn gặp nhau». Nói xong, cười hạc mà bay đi. Vua nhớ nàng khôn xiết, sai dựng lầu Vọng-tiên trước cửa Đại-hưng, những mong được tái-ngộ. Nhưng lối vào nguồn đào đã khuất xa...

Thơ

(đây mượn lại bản dịch-thơ của ông Hoa Bằng) (3).

«Dầu không Bồng-đảo có tiên sa /
Tiếng ngọc rung rinh, núp dưới hoa /
Ngoài cửa Đại-hưng mờ-mịt bóng /
Nguồn đào ngăn lối, rẽ duyên ta.»

b) phần tục biên sách *Công-dư tiếp-kí* cũng chép tích ấy, lại có chép cả bài thơ nôm (như trong TK) (nhưng gán cho Thân Nhân Trung vâng mệnh vua thảo ra) cùng hai câu chừa của tiên-nữ (4). Phần tục-biên không phải do tay Vũ Phương Đề, nhưng chắc cũng đã viết trong nửa sau thế-kỉ XVIII (hoặc đầu

ĐẠI - NAM VĂN - HIỂN XUẤT-BẢN CỤC

Hộp thư 1123 Saigon

Thế-Phong Giám-đốc Văn-học

Đã cho tái bản bằng typô :

Frederick NIETZSCHE

Thế-Phong viết * 48 đồng

Việt-Nam bi thảm Đông-dương

của ROUBAUD * Bản dịch Đường-Bá-Bôn
* 16 đồng

Hàn-Mặc-Tử và Quách-Thoại

Thế-Phong viết * 56 đồng

— Những tác-phẩm văn-học nghệ-thuật
của người lớn đọc.

Nguyễn) vì ta còn thấy một đoạn khác trong tục-biên có được trích-dẫn trong TTNL của Phạm Đình Hồ (5).

B. — một mẩu-chốt quan-trọng trong truyện là đoạn tiên-nữ trong bức họa lên hiện ra những khi nhà vắng, dọn sẵn bữa cơm ngon-lành cho Tú Uyên, rồi lại tiến vào trong tranh ; một khi cô bị «bắt quả-tang» thì đành ở lại mà sống cho trọn trần-duyên với người yêu. Theo tôi, đây là một tình-tiết có gốc sâu-xa trong nền tín-ngưỡng bình-dân ; nếu

(1) nguyên-văn : mệnh bồi ngự liễn. Do đó mà có chuyện Bồi-liễn tiên-ương, cf. Nguyễn văn Huyền, sách đã dẫn ở cước-chú số 9, trang 11-32, và phụ-bản IV, bản họa này có in lại trong Phạm Văn Diêu, *Văn-học Việt-nam*, I, Saigon 1960, nhà x.b. Tân-Việt, trang 315.

(2) của Nam ngày nay.

(3) trong *Lịch-sử thủ-đô Hà nội*, 1960, Viện Sử-học, trang 357.

(4) cf. bản dịch đã dẫn ở cước-chú 2, trang 3, III, trang 114-115.

(5) Cuối truyện Nguyễn-Thực. Cf. bản dịch của ô. Đạm Nguyên, Saigon 1962, trang 147.

tạm không xét khía-cạnh văn-chương, có thể cho rằng chuyện kể trong TK là bản ghi lại một thoại cổ-tích (variante d'un conte), một thoại Việt-nam của một cổ-tích lưu-truyền khá rộng ở Á-đông, mà điểm trung-tâm là : nhờ một linh-vật *làm môi-giới* mà có tiên lên hiện ra làm cơm cho người trần, sau khi bị chẹn lối về thì phải ở lại làm vợ cho người ấy. Đó là đồng-diêm chung trong các thoại, còn linh-vật môi-giới thì có thể là :

a) một quả trứng, trong cổ-tích Tày và Mường (1).

b) một chiếc nhẫn cắt trong một cái hũ, trong cổ-tích Mông (2).

c) một giống gốc gỗ cây mai, trong cổ tích Mán Cao-lan (3),

d) một củ sắn, trong chuyện Bả Khó, tồ-tích Thái (4).

đ) một bức tranh, trong cổ-tích Mông-cổ và trong truyện *Thiết-ngưu-hành* (cổ-tích Hán) (5).

e) một chiếc da chó, trong cổ tích Tây Tạng (6).

Trong mỗi cổ-tích ấy, linh-vật đưa duyên hân là có ý-nghĩa tượng-trưng mà ta phải xét riêng hệ-thống hình-tượng thần thoại (représentations mythologiques) của từng dân-tộc một, mới có thể giải-thích được. Ở đây tôi chưa tiện viết dài, xin trở lại vấn đề này trong một dịp khác.

Nếu xét riêng công-dụng của *bức tranh* trong BC, là giúp người trần gặp tiên và hành-lạc với tiên mà đạt được đạo trường-sinh, ta không khỏi liên-tưởng đến một lễ-lối tu đạo của Đạo-giáo thời cổ : đó là khoa *phòng trung*

chi thuật, dạy cách hoàn tinh bồ não theo bí-truyền *bây vẽ* (hân là có vẽ) trong sách *Tổ-thư* của nàng *Tổ-nữ* (7). BC là một truyện tiên, thì công-dụng của bức tranh *Tổ-nữ* trong truyện có thể giải-thích theo ý-nghĩ huyền-nhiệm ấy ; công-dụng trần-tục của bức tranh có thể ví như loại *shunga* (xuân-họa) của người Nhật vậy. Đây không phải là tôi tán rộng đâu : ta còn nhớ đến cách tu tiên theo *phòng trung chi thuật* của Nguyễn Hoàn, một người sống gần đồng thời với Đặng Trần Côn (8), một hiền chứng về tập truyền Đạo-giáo ở nước ta thời ấy.

Xét chung lối thủ-tài của các truyện trong tập *Mạn-lục* và trong tập TK, ta cũng thấy một số truyện bén rễ trong tín

(1) *Truyện cổ dân-gian Việt-nam*, Hanoi 1963, nhà x.b. Văn-hóa, tập 1, trang 47 ; tập II, trang 51.

(2) idem, I, 69.

(3) id. 81-82.

(4) cf *Nghiên-cứu văn-học* (1/1960) 95.

(5) F. SERRUYS, Folklore Ordos, trong tập-san *Han-hine* (Hán-học), III, 1-2 (1948), trang 155, 158-159.

(6) idem, 156. Ngoài ra, Serruys còn dẫn tác-giả người Đức Wolfrang EBERHARD là người có sưu tầm nhiều thoại trong cổ-tích Trung-Hoa. Tôi nhớ có đọc một cổ-tích Mán (cf. B. E. F. E. O. , II (1902) trang 276) nhan là « chuyện con cây biết nói » (Histoire de la civette qu parlait), cũng có tình-tiết như ở đây ; nhưng vì đọc đã lâu, tôi không nhớ rõ linh-vật là vật gì.

(7) cf. bản dịch *Lie-sien-tchouan* (Liệt-tiên truyện) của M. KALTENMARK, Pékin 1953, trang 181-183.

(8) cf. HXH, LSPT, 93-95.

ngưỡng dân-gian, như chuyện Liễu Hạnh, Từ Thức. Đặc-biệt là truyện *Dạ xoa bộ-soái* (cuối tập Mạn-lục), gốc chuyện chính là thần-tích thần ôn-dịch của làng Thượng-hội (huyện Từ-liêm, phủ Hoài đức, Hà-đông), đến những năm gần đây dân làng hễ còn thờ, hằng năm có lệ rước thần vào buổi rằm tháng giêng (1).

4 / Ý-nghĩa triết-lý của BC nguyên - tác và nô-m

Hai ông TVG và HXH đều vạch ra một nét lớn trong BC, đó là ước vọng thoát-li. Ô. TVG lại nhận-xét rằng, trái với ý mọi người, căn-bản tư-tưởng trong truyện xây trên triết-lý, Phật-giáo, phối-hợp với ít nhiều yếu-tố Đạo-giáo và một vài dư-hương của Nho-giáo. Theo tôi, nhận-xét ấy chưa đúng và chưa đủ, vì ta còn muốn biết hai tác-giả TK và BC nô-m đã sử-dụng như thế nào những yếu-tố tinh-thần *chung* (Nho, Đạo, Phật) để thực-hiện dự phóng văn-chương *riêng* của họ, muốn thấy cái độc-đặc của từng cá-tính một.

Muốn vậy thì phải xét riêng từng tác-phẩm một, chứ không thể nhập hai làm một như Trần-quân đã làm; rồi so sánh kĩ chỗ giống nhau và khác nhau giữa nguyên-tác và BC nô-m (như ô. HXH đã làm rất tinh-tế). Hơn nữa, còn phải đặt cả hai cái BC ấy vào trong dòng văn-học-sử, mới có thể định-nghĩa cho đúng đâu là phần sáng-tạo và đâu là phần kế-thừa của nó. Xét về nguyên-tác, còn phải liên-hệ nó với văn-học Trung-quốc mà dò ra uyên-nguyên thể-tài (cả hình-thức lẫn nội-dung). Có so-sánh

SÁCH BÁO MỚI

Bách-khoa đã nhận được :

- **Tính điện-học: Tĩnh điện** (2) của A. Ricoux do Việt-Nam Đại-Học Tùng Thư dịch sang tiếng Việt và ấn hành, Ông Phạm-Long-Điền gửi tặng. Sáng dày 80 trang, khổ 21x26, in ronéo 2 mặt, dành cho sinh viên vật-lý đại-cương, không đề giá bán.
- **Giữ thơm quê mẹ**, tập san Văn-nghệ do Lá Bối xuất-bản và gửi tặng. Số 1 tháng 7-65 có những bài của Nhất Hạnh, Phạm-Công-Thiện, Hồ-hữu-Tường, Tam-Ích, Hoài-Thanh, v.v... Mỗi số dày 104 trang, khổ 18x25. Giá : 20đ. Thư từ bài vở xin gửi cho Hoài-Khanh. H.T. 935 Saigon.

nhiều tầng như vậy, mới nảy ra ánh-sáng.

Khung hướng thoát-sáo của BC, ai cũng dễ nhận ra ; nhưng ý-hướng ấy xuất-phát từ căn-bản tư-tưởng nào ? đi tới đâu ? tới mức-độ nào ? mang ý-nghĩa gì ?

Về câu-hỏi thứ nhất, muốn tán-thành ý-kiến của ô. TVG thì phải quên đi, phải bỏ qua nhiều đoạn quan-trọng trong nguyên-tác, tỉ như hai đoạn mà ô. HXH đã phân-tích :

(1) Năm 1922, giáo-sư P. Demiéville có đến làng ấy chứng-kiến lễ rước thần. Ông đã cho tôi xem các ghi chép của ông, cùng tập thần-tích mà ông thuê một thầy bùa chép lại.

a) khi tiên-nữ khuyên Tú-Uyên bỏ lưu-luyến với cái phù-hoa của công-danh trong trần-thế (BC nôm cũng diễn lại thật đủ đoạn ấy, ở các vế 587-628), lí-luận và ngôn-từ thật đậm mùi Đạo-giáo. Trừ mấy chữ *Diêm-phù* và *mê sông chìm biển*, (trong BC nôm) trong cả đoạn ấy đồ ai tìm được chút dấu vết gì tỏ ảnh-hưởng Phật-giáo.

b) bài thơ *Truyền-kì* 60 vắn trong TK lại càng không có chút gốc-gác gì trong sách Phật (trừ loại tiểu-thuyết nhảm-nhi như *Nhục-bồ đoàn* !). Nếu ta nhớ lại khía cạnh *phòng trung chi thuật* trong Đạo-giáo, bài thơ tả nhục-tình này mà gán cho ảnh-hưởng Đạo-giáo, là phải hơn cả. Bài ấy lại là một điểm giúp ta đo mức « thoát sáo » khác nhau giữa nguyên-tác và BC nôm : trong khi tác-giả TK đã dám « lấy văn-chương ca-ngợi cuộc truy hoan một cách không kiêng-dè » (nhận-xét của HXH), cực tả cuộc mây-mưa bằng hơn 20 câu thơ, ta thấy BC nôm chỉ gói gọn « câu-chuyện » ấy trong hai vế rất chung chung (v. 415-416). (Riêng Trần-quân, khi dịch bài thơ ấy, cũng đã lược bỏ gần hết các câu « gay-go » nhất).

Hai đoạn trên đây, tôi đồng-ý với Hoàng-quân, nhận rằng đó chính là « tinh túy của ý-tưởng phản Nho của Đặng-Trần-Côn ». Vậy chẳng thà nói như ông TVG, thà là ta nói :

a) TK xây trên căn-bản tư-tưởng Đạo giáo, thêm ít nhiều yếu-tố Phật-giáo, và hoàn-toàn cự-tuyệt Nho-giáo : lạc phách triệt-đề, thoát-li đến cùng, không kiêng-dè gì nữa.

b) BC nôm cũng noi theo TK (tỉ như ở đoạn đả-kích phù-hoa của kiếp trần, v. 587-628), nhưng với khá nhiều rút-rè tỉ như rút gọn bài thơ *Truyền-kì*, bỏ hẳn những chỗ TK kể chuyện xin xăm và lễ tạ ơn thần ở đền Bạch-mã, hoặc chữa hẳn TK (không đề Trần-nhi lên tiên cùng một lượt với cha mẹ nó, giữ nó ở lại trần-gian, bắt phải trả xong cái nợ thi-cử rồi sau mới được lên tiên) ; chứng tỏ rằng diễn-giả còn « nho » lắm, thiết-thực lắm, chưa dứt khoát cởi được mối mâu thuẫn giữa xuất và xử.

So-sánh cấp một như vậy, ta thấy được đặc-điểm tư-tưởng của hai tác-phẩm, trong cái chung thấy cái riêng. Một so sánh cấp hai, đặt BC vào dòng văn-học-sử, sẽ giúp ta thấy được cái kế-thừa trong sáng-tạo của hai BC. Tôi xin lật ra hai điểm là :

a) quan-niệm đề-cao luyến-ái tự-do, thật ra không phải là chỉ mới xuất-hiện với BC. Trước đó, tuy các cụ văn cho đó là phong-tình bất-chính, nhưng nó đã ám ảnh hầu hết các nhà nho. Từ truyện *Bạch-viên*, cho đến một vài truyện *Mạn-lục*, hay trong chuyện *Chúa Thao*, và trong hầu hết các truyện-thơ diễn ca như *Hoa-tiên*, *Phan-Trần*, *Kiều*, *Tây-sương*, đời nào cũng có nhà nho say sưa làm văn kể chuyện tài-tử gặp giai-nhân, cực tả « cái buổi ban đầu lưu-luyến ấy » với mọi diễn-biến của nó, từ chạm mặt đến chia tay, rồi nhớ nhau, rồi ốm đau xiềng-liềng, trông hoa nhớ người, đối cảnh nhớ tình, rồi xúc hứng làm thơ. Mà cuộc tình duyên nào cũng đều « xảy ra » ngoài vòng an-bài của

danh-giáo, lễ-nghi, của bác-mẹ cha-chú hay của kẻ mai-dong chính-thức !

b) dám táo bạo tả-chân nhục-tình, như trong TK, kể ra trong thơ-văn cổ cũng không phải là không có. Tỉ như mấy chỗ trong *truyện cây gạo* (1), trong *truyện Tây-viên kì-ngộ* (2) ở tập *Mạn-lục* ; đoạn tả đêm vui-vầy với tiên trong diễn-ca *truyện Từ-Thức* của một tác-giả vô-danh cuối Lê đầu Nguyễn (3) ; đoạn tả cuộc « đùa-nghịch » giữa Lí Chiêu-hoàng và Trần Cảnh, trong *Thiên-nam ngữ-lục* (4) ; đoạn tả Oanh oanh thất-thân với Trương Cung, trong diễn-ca *truyện Tây-sương* (5).

Hai điểm ấy thể-hiện cái chất người phồn-biến ở mọi thời và mọi nơi (người đây dù là nhà nho hay không, dù có viết văn hay không, dù thuộc giai-cấp nào cũng vậy), đặc-biệt là ở trong tâm tình nhà nho từ muôn đời lúng túng trong mối mâu thuẫn giữa danh-giáo và hưởng thụ, giữa nghĩa-vụ và cá nhân. Vậy, khi hai BC đề-cập đến, chỉ là kể thừa một đòi-hỏi đã xuất-hiện từ lâu trong văn-học. Tuy kể-thừa nhưng có giác-sắc mới : trong văn-học trước đó — tỉ như trong các đoạn tôi vừa dẫn, ái-tình đã được đề-cập, nhưng vẫn còn gói-ghim trong một cốt chuyện có hậu, phần kết-luận vẫn vẽ ra cảnh đắc-thắng của luân lí chính-thống, số-phận của nhân-vật kết thúc bằng một thất-bại thể-thảm (vì họ đã nghi bậy, đã làm bậy !) hoặc bằng một sự « hoàn-lương » rất ngoan-ngoãn, khiến *đâu lại ra đấy*, chông vinh vợ hiền, tử ấm thể phong... Còn trong hai BC thì cách đặt vấn-đề khác hẳn : luyện

ái không phải là một cái tội lỗi mà nhân vật phải ăn-năn hối-hận, mà là một chặng dẫn vào con đường lia bỏ giá-trị trần-gian, con đường lên tiên. Cùng đi hành-trình giải-phóng ấy, hai BC có phong-cách khác nhau : tác-giả BC nôm còn rụt-rè lắm (xem so-sánh cặp một trên đây), riêng đối với khía-cạnh nhục-tình của luyện-ái ông còn tỏ ra cần-thủ hơn các tác-giả mà tôi đã dẫn ; đến như BC nguyên-tác thì sự độc-đáo rất rõ. Viết về nhục-tình, dễ chùng trong văn-học cổ-diễn chưa có ai viết dài và tỉ mỉ như trong TK. Viết về ái-tình, TK không còn thấy cần biện-chính bằng giáo-lý có hậu nào nữa. Mối mâu-thuẫn cũ được cởi, mà cởi đến cùng không chút bịn-rịn.

Đó là nói riêng về Việt-nam. Thật ra, thể-tài tập TK là mô-phỏng từ *Mạn-lục* của Nguyễn Dữ, mà cả hai đều rập theo khuôn của các tập *Tiến-đăng* (*Tân-thoại*

(1) và (2) : bản dịch Trúc Khê của nhà Tân Việt, trang 41, 60-61.

(3) phiên-âm theo bản nôm trữ ở trường Langues Orientales Paris, các vế 281-282, 285-288, 291-298 : *đầu khi hoa-chúc động-phòng / Mặc chàng rung đóa nhụy hồng bẻ vin ; Nguồn ơn dầy-rỡ tung-bùng / Chiều càng gió trúc, trận từng mưa mai / Nương vàng tựa ngọc canh dài / Đã xôn cù-lượng lại nài triều-vân ; Ngư đầy thuyền, Lữ trở câu / Thời kẻ bãi Sở lại châu sông-Phân / Trận cười ngàn nén khôn cân / Tiên-phàm cũng vậy lòng xuân khác nào / Đường nắng hạn gặp mưa rào / Triều dâng nước rẫy, sóng vào buồm lay...*

(4) cf. bản Nguyễn Lương Ngọc và Đinh Gia Khánh, Hanoi 1958, nhà x.b. Văn-hóa, vế 5699-5702, 5709-5719.

(5). cf. bản Vũ Ngọc Phan, Hanoi 1961, nhà x. b. Văn-hóa, vế 1371-1376.

của Cù Hựu, *Dư-thoại* của Lí-Xương-Kì) đời Minh, uyên-nguyên phát-khởi từ một loại truyền-kì xuất-hiện đời Đường tỉ như *Du-tiên-quật* của Trương Thốc: đó là một thể truyện dùng văn-ngôn biền-ngẫu xen lẫn luật-thi và từ-khúc, kể những chuyện luyến-ái tự-do giữa

người và tiên (tiên đây có khi là « ma trâu, vượn, rắn » biết phép hiện làm mi-nữ) ; một đặc-điểm là ngay từ buổi đầu loại truyện ấy đã mạnh-dạn đề-cập đến khía-cạnh nhục-tình (érotisme) (1).

(còn tiếp)

ĐÃ PHÁT HÀNH

đêm

tập truyện mới nhất của
DƯƠNG NGHIÊM MẬU

GIAO-ĐIỂM xuất bản — 152 trang, giá 50đ

TẠ TRỌNG HIỆP

(1) cf *Trung-quốc văn-học nghiên-cứu* của Trịnh Chấn-Đặc, tái-bản Hươu-cảng 1957, 321-327 ; *Topics in Chinese Literature* của Hightower, tái-bản Cambridge (Mass.) 1962 của viện Harvard, 77-79 ; và các bài của H. Franke, trong *Zeitschrift der Deutschen Morgenlandischen Gesellschaft* 108/2 (1948) 338-382, 109/2 (1959) 340-401, 110/2 (1961) 401-421, và các tập *Tiên-dăng*.

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DẶN LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY DẶN CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone 20.821 — SAIGON

Vụ án Mihajlov ở Nam-Tu

● TRĂNG THIÊN

TỪ khi có những thứ máy bay do thám, như loại U2, trang bị những máy chụp hình tinh vi, người ta cho rằng khắp lãnh thổ Nga-xô và Trung-cộng không còn gì là bí mật đối với Hoa kỳ nữa. Trên cả miền lục địa mênh mông vô tận đó, một giàn phóng hỏa tiễn vừa dựng lên là đã bị phát giác liền, mấy cánh cây che đây giấu giếm một vũ khí cũng có thể bị khám phá.

Thế nhưng trong việc tìm tòi những sơ hở, những nhược điểm của xã-hội cộng-sản, thì máy móc hóa vô hiệu. Hay ít ra nó cũng tỏ ra vô hiệu khi phải chứng minh trước dư luận, thuyết phục dư luận các quốc gia tự do tin ở những sơ hở, những nhược điểm nọ. Trong trường hợp này, chỉ có những người cộng-sản, những tay lãnh tụ, những nhà trí thức bên phía cộng-sản, là đặc lực.

Thật vậy, Staline độc tài, Staline phản phúc, bất nhân, chuyện đó không phải do Âu-Mỹ tố cáo. Lời tố cáo có giá trị quyết

định đối với dư luận Tây-phương là lời của Krushev. Xã-hội cộng-sản phân hóa thành giai cấp, giai cấp thống trị đang vơ vét bóc lột giai cấp bị trị, sự thực đó do Djilas nói ra. Nga-xô đầy dẫy bất công, tàn bạo, cuộc tố giác đầu tiên làm sôi nổi dư luận là của Kravchenko. Trại giam Nga-xô hết sức bi thảm, cảnh bi thảm đó do Soljénitsine mô tả. Thế-giới cộng-sản là một thế-giới phi lý, đề tài tiểu thuyết ấy là của Tibor Dery viết trong tù (cuốn ông G. A. ở X. vừa được một tổ chức văn-hóa ở Pháp chọn làm cuốn sách ngoại quốc hay nhất trong năm 1964). Krushev chửi mắng Staline nhưng Krushev cũng độc tài không kém: sự thực đó do Valery Tarsis trình bày. Trong thời cách mạng 1917, ở Nga sinh hoạt điều linh như thế nào, nhân tâm hoang-mang ra sao, điều đó lại cũng nhờ Boris Pasternak phô diễn. Rồi thì mới đây báo chí Âu-Mỹ rộn lên vì sự kiện chính Lénine, ông tổ cộng-sản đáng kính, (chứ không phải Staline) đã lập ra

các trại giết người tập thể ở Nga-xô, và sự kiện Nga xô vượt xa Hitler trong thành tích diệt chủng : những cái đó cũng lại do một nhà trí thức của xứ Nam-tư cộng-sản tiết lộ. Nhà trí thức nhỏ tuổi này, giáo sư Mihajlo Mihajlov, đang được coi như một Milovan Djilas mới của Nam-tư.

Ngoại trừ Krushev, những kẻ khác đã ra tay khơi đến cái bí mật xấu xa của cộng-sản là phải trả ngay bằng một giá đắt. Kravchenko bỏ xứ mà đi, Djilas bị tám năm tù, Pasternak chết trong cảnh cô lập, Valéry Tarsis bị nhốt vào nhà thương điên, Tibor Dery viết sách trong tù, Mihajlov thì cũng lại mới vào tù. Đã biết một số phận như thế nào chờ đợi mình, thế mà vẫn cứ nói thẳng sự thực, nhiều người trong các tên tuổi kể trên đã có thái độ can đảm phi thường.

Chẳng hạn như Valéry Tarsis. Nhà văn này chỉ còn thiếu một tuổi nữa thì đúng sáu mươi, nhưng cuộc tấn công mới nhất của ông vào chế độ Nga-xô vừa xảy ra cách đây có vài tháng. Đó là cuốn *Phòng số 7*, xuất bản ở Franfort. Ông bí mật đưa tác phẩm ra ngoại quốc, trong khi ông vẫn bị kẹt lại ở Nga, tám thân già sẵn sàng chịu mọi thứ búa rìu. Và thái độ khẳng khái ấy đã trải qua nhiều lần thử thách. Trước đây, Krushev kết tội Staline và tuyên bố chính sách tự do, Valéry Tarsis cho rằng vẫn chưa có tự do : Ông bất bình, năm 1960, ông nộp đơn ly khai đảng Cộng sản, ông viết thư lên Khrouchev xin mang tất cả gia đình rời bỏ nước Nga. Khrouchev bác đơn. Ông liền viết

một cuốn tiểu thuyết hoạt kê chế giễu xã hội Nga-xô dưới thời Khrouchev. Cuốn tiểu thuyết đó tên là *Con Ruồi Xanh* — được gửi t-oát ra nước ngoài năm 1962 (1). Sách xuất bản, tác giả bị tóm, nhốt vào nhà thương điên. Tại đây, ông gặp bao nhiêu là nhà trí thức khác cũng lâm vào hoàn cảnh như mình. Nhà thơ Alexandre Essénine Volpine bị « điên » vì đã lén cho in sách ở New York, nhà điêu khắc Michel Naritzki, « điên » vì bí mật chuyển một *Khúc ca đang dở* sang Đức v.v... (2) Năm 1963 Valéry Tarsis lại viết truyện chống chế độ, và lại bí mật đưa ra ngoại quốc.

Phòng số 7 của V. Tarsis chính là thứ phòng điên kỳ quặc mà tác giả đã từng bị nhốt. Nhân vật tiểu thuyết được đặt tên là Almazov Xung quanh Almazov (cũng như xung quanh V. Tarsis) trong phòng số 7, những « con bệnh » khác ngày ngày cũng khổ sở vì tình trạng oái oăm của mình. Đêm đến, họ thức đề bàn luận, thắc mắc. Một đêm nọ, một người trịnh trọng tuyên bố : « *Hỡi các bạn thân mến tôi tự hỏi không biết làm sao các bạn lại nhớ tiếc tự do. Người ta nuôi cho chúng ta ăn, người ta cho chúng ta mặc, và người ta lại còn không đem cái chủ nghĩa Cộng-sản ra quấy rầy chúng ta nữa. Chúng ta có thể nghĩ*

(1) Bản tiếng Pháp của nhà xuất bản Table Ronde mang một bút hiệu khác : Ivan Valéry. Kỳ thực đó vẫn là Valéry Tarsis.

(2) Xem phần « Chứng điện truyền nhiễm » trong bài « Những chặng đường quan trọng trong văn học Nga-xô hiện đại » của Trùng Thiên đăng trên *Bách Khoa* số 189 và đã được nhà xuất bản *Thời mới* in thành sách,

sao thì nói vậy. Trong khắp xứ sở chúng ta, ở chỗ nào mà có được những điều kiện sinh sống sung sướng như vậy chẳng? » Một lần khác, Almazov giải thích cho một anh chàng nhạc sĩ nhốt cùng phòng biết rằng đáng lẽ anh ta không nên bỏ nước Ý mà đến Nga, bởi vì Ý là một xứ tự do. « Ở đó, bọn cảnh binh không ngự lên trên nghệ thuật và trên đầu đồ đệ của nghệ thuật, như ở nước chúng ta. Ngay đến các địch thủ của chế độ, những chính khách tiếng tăm lừng lẫy, cũng không bị mật thám bắt bớ. Người cộng-sản sử dụng vô tuyến truyền thanh và vô tuyến truyền hình để kêu gọi lật đổ nhà cầm quyền... Anh có thể nào tưởng tượng ra việc gì tương tự như thế xảy ra tại cái xứ siêu-cảnh-chế của chúng ta chẳng? Ở trong cảnh rừng già này, nghệ sĩ và họa sĩ phải lo định hướng, mặc dù họ hoàn toàn xa lạ đối với chính trị. Họ không biết tới chính trị, nhưng chính trị thì biết tới họ. Chính ở tại nước Nga này mà chế độ phát-xít đầu tiên được thiết lập. Thế giới hoảng hốt vì những tội ác lớn lao của chế độ xô viết cho nên đã bắt đầu tìm phương kế phòng vệ, cái đó là sự thường. Và trong những quốc gia phản động nhất, chủ nghĩa phát-xít cũng nảy sinh vì đề chống lại sự bạo tàn của xô-viết. Dĩ nhiên là phải thanh toán xong tất cả bọn phát xít đó, phải giải phóng, trước nhất, những dân tộc bị Nga-xô thống trị và lập lại nền dân chủ trên khắp hoàn cầu. »

Đến nay chúng ta chưa biết, sau những lời lẽ như thế, V. Tarsis bị đối xử ra sao.

Nhưng còn về M. Mihajlov thì số phận đã định đoạt rồi, chúng ta có thể trình bày rõ ràng hơn.

Trường hợp Mihajlo Mihajov.

Mihajlov sinh năm 1935, nghĩa là thuộc vào thế hệ trẻ, cách thế hệ M. Djilas khá xa. Cách đây hai năm, Mihajlov được chọn làm giáo sư phụ giảng về văn học Nga tại viện đại học Zagreb ở Zadar. Từ nhỏ ông đã sở trường nghiên cứu về văn học Nga, và đặc biệt thích Dostoievski. Về Dostoievski, ông đã dịch nhiều tác phẩm ra tiếng Nam-tư, và đã có những bài biên khảo giá trị.

Giữa Nam tư và Nga xô có ký kết một văn kiện về việc trao đổi văn hóa, theo đó nhiều giáo sư chuyên về văn học Nga được qua Nam-Tư nghiên cứu, và ngược lại, một số giáo sư Nam tư cũng được qua Nga.

Năm 1964, M. Mihajlov được sang Mạc-tư-khoa một tháng. Ở Nga về Mihajlov đem những điều tai nghe, mắt thấy, những điều ông nhận xét, suy nghiệm ra viết một bài tường thuật, nhan đề là *Một mùa hè ở Mạc-tư-khoa*. Bài này đăng lên tạp chí *Delo* ở Belgrade (*Delo* có nghĩa là *Tác phẩm*). Bài báo khá dài, phải đăng làm ba kỳ mới hết.

Kỳ đầu tiên đăng vào số tháng giêng 1965, không được dư luận chú ý mấy. Kỳ thứ hai đăng vào đầu tháng hai. Ngày thứ bảy 6-2-1965, tờ tuần báo

Một tuần lễ của *Belgrade* liền có bài ca ngợi thiên phóng sự của Mihajlov, sự ca ngợi đặc biệt chú ý vào tính cách « xác thực » của tài liệu và vào những trang « cảm động ».

Rủi thay, cũng đúng vào ngày 6 tháng 2 năm 1965 ấy, đặc phái viên của tờ *The New-York Times* và đặc phái viên của tờ *Le Monde* lại từ *Belgrade* đánh điện về Mỹ và về Pháp báo tin rằng bài tường thuật của Mihajlov đã tiết lộ những trại lao công khổ sai Nga xô từ thời Lénine, trước thời Hitler.

Đồng thời một nhà ngoại giao Nga lại cho chính phủ Nam tư hay rằng theo ý kiến của tòa đại sứ Nga xô tại đây thì « không có ký giả Hoa Kỳ nào mà lại công kích chúng tôi đến mức đó. »

Thế là thiên phóng sự có những trang « cảm động » và « xác thực » kia liền bị coi là « xít-căng-đan ». Tờ *Delo* bị tịch thu. Viên chủ bút xuất ngoại vắng mặt, người xử lý bị kiểm thảo, thay thế, trưng trị. Và dĩ nhiên đoạn cuối cùng bài báo của Mihajlov không bao giờ còn được đăng tại Nam tư nữa.

Đến đây, Mihajlov được Tito chú ý. Ngày 11-2-65, Tito triệu tập các vị biện lý của sáu nước cộng hòa liên bang và vị chủ tịch lý của Quốc gia Nam tư, và bảo họ : « Các ông có thấy cái gì vừa xảy ra trong bài tường thuật trên tạp chí *Delo* không ? Lẽ ra phải cấm chỉ bài đó ngay lập tức và ông biện lý phải công bố ngay lập tức sự cấm chỉ đó... Lẽ ra các ông phải mở cuộc thăm cứu ngay lập tức về

kẻ đã viết bài báo đó và công bố quyết định ấy trên báo chí... »

Dĩ nhiên là các giới hữu trách tại Nam tư phải làm « ngay lập tức » những điều « lẽ ra » họ phải làm.

Trước hết là công bố trước dư luận tội trạng của Mihajlov, làm sao cho ai nấy nhận thấy Mihajlov là « kẻ thù của nhân dân ». « Ngay lập tức » trong ngày 11-2 ấy, tờ *Komunist*, cơ quan ngôn luận đảng cộng sản Nam tư, đăng hai bài thóa mạ Mihajlov, quả quyết rằng « trong hoàn cảnh phát triển dân chủ của chúng ta, không thể nào tha thứ được » thái độ của ông giáo sư trẻ tuổi phản xã hội chủ nghĩa này. Phụ họa theo tờ *Komunist*, các báo khác nhao nhao nổi lên công kích chửi bới Mihajlov đủ điều. Thú vị nhất là trường hợp tờ tuần báo *NIN*.

Tờ *NIN* cũng thuộc một cơ sở xuất bản với tờ *Một tuần lễ của Belgrade* (tờ tạp chí đã ca ngợi Mihajlov hôm 6 tháng 2 vừa rồi). Ngày 28-2, tờ *NIN* đăng bài *Mùa hè quá giờ của Mihajlo Mihajlov*, mắng nhiếc ông này thậm tệ, kết tội rằng ông ta đi « du lịch » bên Nga cho sướng rồi về trở mặt nói xấu Nga, ông ta là đồ vong ân bội nghĩa, là quân ăn tiền để quốc, là quân thị vệ bảo hoàng của Nga v.v...

Mihajlov tức giận vô kể. Tức tốc nội ngày hôm sau ông gửi một bức thư ngỏ đến chủ bút báo *NIN*, bản sao gửi đi khắp các tờ báo khác. Trong thư, ông bảo là không hề đi « du lịch », ông sang Nga trong khuôn khổ chương trình trao đổi văn hóa, trong lúc ông ở Nga thì một giáo sư Nga qua ở Nam tư,

Ông ta không phải mang ơn ai. Vả lại chính vì mến yêu dân tộc Nga mà ông đã nói ra những sự thực có thể làm phiền nhóm người cầm quyền ở xứ này. Mihajlov nổi nóng nhất là ở chỗ người ta xuyên tạc nguồn gốc của ông, bảo ông làm tay sai ngoại nhân. Có lẽ trong các cuộc bút chiến công khai trên báo chí, trên các thư từ trao đổi trong lịch sử văn học các nước, ít khi gặp được những giọng chữ sôi nổi đến như thế này :

« Thưa ông Chủ bút báo NIN, khi cuộc thế chiến thứ hai bắt đầu ở Âu châu thì tôi mới lên 5 tuổi (tôi nhắc lại, viết toàn chữ : « năm tuổi ») và khi song thân tôi đến ở xứ Nam tư này, thì cha tôi được 17 tuổi và mẹ tôi có 7 tuổi. Cha tôi học tại một trường đại học Nam tư, thi hành nhiệm vụ quân dịch trong quân đội Nam tư, đã từng góp phần tích cực trong cuộc chiến đấu giải phóng quốc gia Nam tư, và đã từng điều khiển trong bao nhiêu năm một viện nghiên cứu về khoa học của Nam tư.

Tôi sinh ra trong một thành phố Nam tư là Pantchevo. Tôi học tiểu học ở một trường Nam tư tại Zrenjanine. Tôi học trung học tại một thành phố Nam tư, Sarajévo. Tôi học đại học tại những trường Nam tư, ở Belgrade và Zagreb. Tôi đã đắp một con đường xa lộ Nam tư trong hàng ngũ những đội thanh niên lao động. Tôi đã phục vụ trong quân đội Nam tư. Tôi được chọn làm phụ giảng trong một viện đại học Nam tư, và trong giấy căn cước tôi, nơi mục « quốc tịch », có ghi rõ là « Nam tư ».

SÁCH BÁO MỚI

Bách-khoa đã nhận được :

- **Năm thi-sĩ Hoa-Kỳ**, nguyên tác cuốn « The Poets of America », bản dịch của Phan-Khai và Nguyên-văn-Cơ, do Ziên-Hồng xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 214 trang, gồm thân thể và sự-nghiệp của W. Stevens, R. Frost, W. Whiman, E.A. Robinson, W.C. Williams. Giá : 30đ.
- **Sống vui**, số 2 ngày 31-5-65, đặc san phổ biến lý-thuyết Ohsawa : tự chữa những bệnh gọi là « nan y » không dùng tới thuốc, do 8 Ngô-Thành-Nhân quản-lý, ở 159 Phan-Bội-Châu (Huế). Mỗi số khổ 16-24, dày 32 trang. Giá : 10đ.
- **Trăng**, tập thơ của Minh-Viên do tác-giả xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 128 trang gồm 55 bài thơ, tựa của Vũ-Hoàng-Chương, bản đặc biệt không đề giá bán.

Ông Tosovitch, tôi khinh bỉ ông ! Không phải vì tôi, mà là vì các bạn bè và các độc giả của tôi trong khắp xứ Nam tư, tôi cảm thấy phải trả lời lại tất cả những điều nói láo, tất cả những sự xuyên tạc về bài du ký của tôi đăng trên tờ báo của ông.

Bức thư ngỏ không được báo NIN đăng, mà cũng không được một tờ báo nào ở Nam tư đăng cả.

Lúc đó là đầu tháng 3-65 rồi. Tình hình đã trầm trọng rõ rệt. Phóng viên báo *New-York Times* lo ngại, tìm đến hỏi Mihajlov xem ông có nghĩ rằng mình sẽ bị bắt chăng. Ông đáp: « Có thể, nhưng ở đây không như ở bên Liên xô. » Hôm đó là ngày 2-3.

Tám ngày sau, hôm 10-3, thì nhà cầm quyền Nam tư bắt ông. (Từ đó, không nghe thấy Mihajlov so sánh gì về nền dân chủ giữa Nam tư và Liên xô nữa).

Thế là tất cả những điều Tito bảo « lẽ ra » phải làm đã được làm xong.

Tin đó được loan ra, tức thì trong giới trí thức ở Âu Châu nổi lên một phong trào phản đối xôn xao. Báo *Times* đăng một lá thư phản kháng chánh phủ Nam tư, mang nhiều chữ ký của những tên tuổi lừng lẫy (3). (Dường như trong những cuộc chống đối này vắng bóng J. P. Sartre. Nhà văn ham chuộng tự do này đang sùi bọt mép phản đối Mỹ thả bom Bắc Việt ! Theo J. P. Sartre thì đối với một nhà văn, lời nói có ý nghĩa, mà sự im lặng cũng phải mang một ý nghĩa).

Ngày 25-4, nhà cầm quyền Nam tư cho Mihajlov hưởng tự do tạm. Ngày 29-4, mở phiên tòa xử, và Mihajlov lãnh 10 tháng tù.

Bài báo của Mihajlo Mihajlov.

Như chúng ta đã biết, dân chúng Nam tư không bao giờ được đọc những bức thư ngỏ của Mihajlov, được đọc trọn bài *Một mùa hè ở Mạc tư khoa* của Mihajlov. Họ chỉ đọc có 1/3 đoạn

đầu. Đoạn giữa bị tịch thu. Đoạn sau bị cấm đăng.

Tuy vậy, tất cả những văn kiện nói trên đều được đăng cả trên tờ *Est & Ouest*, số 341, ra vào đầu tháng 5-1965 (4).

Mihajlo Mihajlov sang Nga một tháng. Lẽ dĩ nhiên, ông cũng có sống trà trộn với dân chúng ngoài đường, ngoài phố, ông cũng vào công viên, ông cũng ngó quanh ngó quất, chú ý đến mọi cái khoái tai lạ mắt của một thành phố đông sáu triệu người, cảm tưởng của ông cũng có nhiều phần giống như cảm tưởng của mọi du khách khác. Nhưng sau đó, nhiệm vụ đặc biệt của ông là tiếp xúc với giới sinh viên, giáo sư đại học, với các nhà văn, nhà thơ, các nghệ sĩ.

Trong tư cách du khách, Mihajlov có những ghi nhận lý thú, vô thường vô phạt về mặt chính trị. Chẳng hạn đọc thiên du ký của ông, chúng ta biết cách đi *métro* ở Mạc tư khoa ra sao, các tay bơm nhậu say sưa ngoài đường thì tìm tới những chỗ nào để giải độc, nữ sĩ Bela Akhmadoulina đẹp thế nào mà được nửa số sinh viên Mạc tư khoa mê say, Ilya Ehrenbourg bảo thủ ý kiến và hay nổi dóa, Staline đích thân cầm bút chì đỏ sửa chữa bản thảo của Léonid Léonov như thế nào mà đến nỗi bây giờ về già Léonov phải mất công lui cui viết lại các tác phẩm cũ để cho được đúng nguyên ý mình...

(3) Xem báo Văn học số 41, bài « Chân trời Văn học ».

(4) Tờ *Est & Ouest* là bán nguyệt san, của Hiệp hội nghiên cứu và thông tin chính trị quốc tế.

Nhưng ta không thể nêu lên hết thấy các chi tiết như thế. Chúng ta cũng không thể kể lại hết cả những chi tiết khác, quan trọng hơn, chắc chắn thuộc vào những điều đã làm phiền lòng nhà cầm quyền Nga xô. Chẳng hạn Mihajlov cho rằng cái quang cảnh người người nối đuôi chờ được chiêm ngưỡng di hài Lénine, quang cảnh ấy chỉ là do một mảnh lời mà thôi: du khách đâu có phải lúc nào cũng vào đây được! mấy ngày mới có một hôm linh miếu mở cửa, mà chỉ mở cửa từ 11 giờ tới 14 giờ. Hãy nghĩ đến con số dân cư khổng lồ của nước Nga, con số khách du lãm từ bốn phương tới, và nghĩ đến cái khoảng thì giờ eo hẹp nói trên! Trong tình thế ấy tự nhiên di hài Lénine phải hóa ra một cái gì hết sức quý báu, ai nấy đều khát khao chiêm ngưỡng.

Lại chẳng hạn như câu chuyện về những nơi thủ tiêu hàng loạt dân chúng. Đó không phải là sáng kiến của người Đức, trái lại đó là của người xô viết tại Nga. Trại giết người đầu tiên, tức trại Holmogor, được khánh thành năm 1921 (Lénine chết năm 1924) tại một miền gần Arkhangelsk. Trại hoạt động đặc lực trong nhiều năm liền, và đã giết không biết bao nhiêu đảng viên menchévik, đảng viên xã hội cách mạng v.v., tức là những kẻ mới vừa liên minh với bọn bolchevik để làm cuộc cách mạng 1917 xong. Một chứng nhân còn kể lại rằng từ 1920 đến 1921, chính quyền xô viết của Lénine đã bắn đi một triệu 200 ngàn người không cần xét xử tại Crimée. Thời ấy, có một cô gái tên Vera Grebenjakova, tự tay cô ta giết chết 700 tù nhân.

Lại nữa, chẳng hạn như câu chuyện diệt chủng của Nga xô. Trước cuộc thế chiến thứ hai và ngay cả trong thời chiến tranh, có nhiều nhóm dân các vùng biên giới Thổ nhĩ kỳ, Iran, bị lưu đày tập thể sang Sibérie để chịu chết lạnh ở đây, có những nhóm dân Kal-mouks, Tartares, Tcherkesses, và nhất là quân Cosaques miền Don, bị tàn sát hàng loạt. Hiện nay, những việc ghê tởm đó, mỗi ngày một ít, bị phanh phui ra, cho nên nhà cầm quyền Nga xô bắt đầu né tránh, không muốn nhắc nhở đến những cuộc bạo sát tập thể của Đức quốc xã nữa, sợ vô tình gọi lên một sự so sánh bất lợi cho mình.

Lại chẳng hạn như những mảnh khoe của nhà cầm quyền Nga xô dùng để phá hoại tôn giáo v.v...

Nhưng không tiện ngừng lại ở quá nhiều sự việc chi tiết như vậy, sau đây chúng ta chỉ nêu lên một số hiện tượng lớn ở Nga dưới con mắt quan sát của Mihajlov.

a) Nga-xô đang trải qua một giai đoạn lúng túng, mập mờ, đối với những tội ác của Staline.

Đối với Staline, thoát tiên vẫn dễ tưởng như thật giản dị. Staline sai lầm; người lãnh tụ kế tiếp ông ta vạch ra sự sai lầm ấy và tuyên bố thay đổi chính sách. Thế là xong. Còn những nạn nhân của Staline? Thì kẻ nào còn sống sót trong các trại giam được thả ra, kẻ nào chết rồi được phục hồi danh dự và đảng tịch.

Có lẽ trong trí tưởng tượng của ông

Khroutchev lúc ông đọc bản báo cáo tại đại hội Cộng sản lần thứ XX, sự việc không thể có gì rắc rối quá đáng. Thế mà rồi thực tại diễn biến vẫn phức tạp hơn ông ta tưởng.

Con số những nạn nhân của chính sách Staline tại Nga xô ước chừng từ 8 đến 12 triệu người. Hầu như khắp nước Nga, không có gia đình nào là không có một đôi người thân thích trong số nạn nhân ấy. Thỉnh thoảng một gia đình nhận được một mảnh giấy của nhà chức trách, chứng nhận tên ấy họ ấy đã chết oan trong các trại lao công khổ sai và được phục hồi danh dự. Chết ở đâu? lúc nào? Chết ra sao (bị bắn giết hay bệnh hoạn)? Hiện thời còn dấu vết mờ mịt gì chăng? — Không biết. Hoàn toàn không ai có thể biết được những điều ấy. Gia đình nào cũng có một nỗi ám ức, nạn nhân nhân sống sót nào cũng có một niềm tâm sự, cả một dân tộc sống với một mối ảm ức. Cần phải làm sao thoát được ảm ức ấy mới giải quyết xong vấn đề.

Người cầm quyền quan niệm rằng thả tù ra, bỏ trại giam, thay đổi chính sách, đó là những việc thiết thực cần làm và làm xong là đủ. Nhưng đối với cái khối dân chúng Nga thì thời kỳ khủng khiếp vừa qua, những nỗi oán hờn đau khổ vừa trải qua, nó làm tổn thương sâu xa đến đời sống tinh thần của họ. Dân tộc Nga như một con bệnh thần kinh, phải chữa bằng phương pháp phân tâm của Freud. Người Nga cần nói, cần kể lể thật nhiều, cần nhắc lại và phân tích đến tận cùng nỗi khổ đau của họ, nhiên hậu mới tự thanh toán

được di họa của quá khứ.

Vì lẽ đó mà người ta nhận thấy trong văn học Nga gần đây xuất hiện nhiều cuốn hồi ký danh tiếng (như của Ehrenbourg, của đại tướng Gorbato...), cuốn truyện (như *Một ngày của Ivan Denissovitch* của Soljenitsyne, *Mặt trời kẻ chết* của Ivan Smeljov vv...) lấy thời kỳ đen tối dưới chế độ Staline làm đề tài. Tuy nhiên, con số văn phẩm đã ra đời so với con số còn nằm trong hình thức bản thảo thực chưa thấm vào đâu. Trước đây hơn một năm, Khrushchev ước lượng còn chừng một vạn bản thảo đã hoàn thành và nằm chờ trong tủ các nhà báo, nhà xuất bản. Ông căn dặn những ai có trách nhiệm đối với lũ bản thảo ấy: *phải hết sức dè dặt*. Nhưng tầng lớp lãnh đạo càng « dè dặt » càng ém nệ, thì nhu cầu bộc lộ của quần chúng càng thúc bách. Đến bây giờ, Mihajlov cho rằng con số một vạn bản thảo ấy bị vượt xa rồi, và tất cả mới chỉ là bước đầu! (Theo Leonov, đề tài trại giam sẽ còn được khai thác trong tám mươi năm nữa).

Hơn nữa, sự tiê li'n nỗi khổ đau của dân tộc Nga còn tràn lan ra ngoài phạm vi văn tự. Không phải chỉ ngăn ngừa nơi các nhà in, các nhà xuất bản mà đủ. Một đêm nọ, Mihajlov đang ở tại cư xá sinh viên trường đại học Mạc tr khoa, tênregon đời Lénine. Mọi người chuyện trò, ca hát, ăn uống, đàn địch, vui chơi. Bỗng một thanh niên người xứ Sibérie bước đến, mang theo cây Tây ban cầm Anh ta cất tiếng hát. Xung quanh, ai nấy say mê, và đồng thanh hát theo anh ta các điệp khúc. Khúc ca gì mà lôi cuốn vậy? Đó

là một bài hát của tù nhân các trại tập trung khổ sai.

Mihajlov bảo rằng những bài dân ca ấy, cảm động có, hùng tráng có, bi thảm có, hài hước có, mỉa mai có, trắng trợn cũng có..., làm thành một kho tàng văn học truyền khẩu lớn lao của Nga xô ngày nay. « Chính là nước Nga đang nói lên qua những bài ca ấy. » Nước Nga của những Tolstoi, Dostoevski, nước Nga truyền thống, chứ không phải nước Nga của những sản phẩm văn nghệ bị « lãnh đạo » sau này, những sản phẩm văn nghệ được phổ biến trên các đài phát thanh.

Đối với thứ văn chương truyền khẩu ấy, cố nhiên giới lãnh đạo cũng cho rằng cần phải « dè dặt ». Cho nên sự phổ biến bị hạn chế rất nhiều. Sinh viên là phần tử tiền phong can đảm phá bỏ giới cấm. Họ dám tổ chức trước tiên những cuộc trình diễn công cộng các bài hát tù nhân. Họ ghi âm vào băng nhựa các bài hát này, và lén lút chuyển đi khắp nơi. Những tác phẩm ấy đang lan rộng dần dần vào quần chúng. Những bài ca tù nhân ấy, từ những trại giam xa xôi heo hút bí mật nào vang về, đối với quần chúng ngày nay thành ra tiếng vọng của một thời đau thương của dân tộc, đối với từng gia đình có thể nó gợi lại một kỷ niệm thâm thiết, nó là tâm sự của một người con, một người chồng không còn nữa. Một bản báo cáo của Khrushchev đọc tại đại hội, một mảnh giấy có khuôn dấu của cơ quan công quyền gửi đến, đối với họ không đủ giải quyết được gì hết. Đời sống của con người còn có

BÁCH-KHOA đã nhận được :

Miền khát vọng — Cần thiết (Ngọc-Trai, Hủy-Diệt (Trần-Chi-Thiên), Khuya đêm trắng... (Phong-Lâm), Điều Tàn (Viết Xuân Lợi Thiệp), Cao nguyên tháng sáu... (Đoàn-Yên-Linh), Lời ru mùa thu... (Lương-Giang-Tứ), Thực trạng điều linh... (Phiên-Linh-Tử), Cho em... (Mai Ngân Sao), Từ hôn (Ngọc-Trung), Góp ý về công việc hiện đại hóa Phật giáo (Trần-Giao), Lăn tràng hạt (Bà Mai-Oanh), Mẹ .. (H.T. Thủy-Tiên) Tình lạ (Giang-Thùy), Chứng tích...(Lâm-Bình-Phong), Nỗi buồn tuổi trẻ (H.V.TH.), Định mệnh (Trần-Xuân-Hùng), Hồn quê (Băng-Sơn), Lời của mẹ(Nhượng-Thy Phan-Thương)

một khía cạnh tình cảm, với những nhu cầu rắc rối của nó.

Giới cầm quyền bực mình : đã chịu lỗi rồi, đã hứa sửa lỗi rồi, còn nhắc đi nhắc lại chuyện lỗi làm gì nữa ? Nhắc mãi, khơi mãi như thế, dần dà sẽ vỡ lở ra những điều không hay, sẽ làm mất tin tưởng của quần chúng, sẽ như là trò bêu riếu nửa thế kỷ chế độ cộng sản trước dư luận thế giới, sẽ cung cấp đề tài cho tuyên truyền tư bản khai thác v.v : Nhà cầm quyền có lý của họ khi phải « dè dặt ». Nhưng dân chúng có một khối oan tình phải bộc lộ, phải sống miệt mài với những văn thơ đề cập đến mỗi oan tình ấy, kỳ cho đến lúc nào đã nư, đến lúc thỏa mãn mới thôi. Chính quyền cản lại,

quần chúng cũng bực mình không kém. Một thắc mắc được Mihajlov nêu ra: ủa, tại sao chế độ Staline bị kết tội, mà những gì chống lại chế độ Staline cũng bị kết tội nữa? Đã nhận Staline làm sai, tại sao ngăn cấm không cho ai nấy công kích bởi xấu Staline thả cửa?

Tình trạng ấp úng, mập mờ, khó hiểu. Mihajlov cho rằng không thể chịu mãi như vậy được, sớm muộn phải có một giải pháp minh bạch. Giải pháp ra sao, ông không đoán được.

b) Sự cách biệt càng ngày càng xa giữa chế độ và dân tộc Nga.

Con người điển hình, mẫu người mơ ước của chế độ chính trị tại Nga đáng lẽ phải là « con người xô viết ». Các nhà lý thuyết của cộng sản thường nói tới con người mới, sẽ xuất hiện trong cái xã hội không giai cấp của họ. Từ trước tới nay đã sinh sống một loại người cũ; bây giờ nhân loại được đón tiếp một giống người mới.

Mihajlov đặt tên nó là giống *homo sovieticus*, và mô tả mấy đặc điểm căn bản của giống đó. Theo ông, đức tính thiết yếu của con người *homo sovieticus* là biết vâng lời thượng cấp. Nếu trên báo chí mà dám có những ý kiến khác với ý kiến chính thức của giới lãnh đạo thì đó là một hiện tượng khó tin không thể quan niệm nổi, tóm lại là một hiện tượng phi lý. Một đức tính nữa, của thiết yếu, ấy là sự hẹp hòi. Đối với người *homo sovieticus* hạng trí thức, thì ở nước Pháp hiện đại chỉ có hai ông văn sĩ, một ông tên là Barbusse, một ông nữa tên là Aragon (còn bao nhiêu có lẽ toàn là bồi bút của tư bản hết) Khi có chuyện dính líu đến nhiệm vụ « cách mạng » thì người *homo sovieticus* xử dụng không chút nhân tính,

hoàn toàn không biết thông cảm với ai hết, và họ tin tưởng ở phương tiện bạo động và dối trá.

Bức chân dung phác họa của Mihajlov ai cũng thấy là không có mục đích làm tăng vinh dự cho « người mới ». May thay, Mihajlov bảo rằng ở Nga loại người ấy cũng không lấy gì làm nhiều. Ở Nga có chừng 8 triệu đảng viên cộng sản; con số « người mới » thấp hơn con số đảng viên. Còn lại bao nhiêu là người cũ, người thường.

Nói chung, người thường dân Nga, những người Nga trung bình, tâm lý của họ khác hẳn với con « người mới ». Ước vọng của họ khá đơn giản. Thứ nhất là họ thích các ban quản trị kolkhoze đừng có giữ thẻ căn cước của họ, để họ được tự do đi lại. Thứ hai, họ không thích cái tình trạng công nhân hưởng lương 60 rúp mỗi tháng (giá tiền 2 đôi giày) mà nhân viên quản trị hưởng 600 rúp mỗi tháng (giá tiền hai máy vô tuyến truyền hình). Thứ ba, họ không thích con cái họ hết bậc trung học phải bắt buộc đi tham gia lao động hai năm, trong khi con cái cán bộ cao cấp được tiếp tục học trong loại trường « kín » (école de type fermé) dạy tới ba ngoại ngữ v.v.. Câu chuyện sau đây cho ta thấy thái độ của đại đa số người dân Nga đối với những gì liên quan đến giới lãnh đạo xứ họ. Một hôm, tại công viên Gorki, Mihajlov, trông thấy khoảng 200 người nối đuôi nhau chờ đợi trước một vũ trường. Chủ nhân bước ra bảo đám đông nên đến một vũ trường khác, gần đấy; ở đó thừa người mà lại có một giàn nhạc hay, do « nhạc trưởng của điện Kremlin » điều khiển. Đám đông liền cười ầm lên, một

người trả lời : «Ồ ! hễ cái gì mà do người của Kremlin điều khiển thì chả ra sao đâu». Đám đông ấy gồm phần lớn là thợ thuyền.

Còn sinh-viên, thì sau khi thăm trường đại-học Lomonosov ở Moscou, sau khi tiếp xúc, hỏi han, thăm dò rất nhiều sinh viên tại đây, Mihajlov tuyên bố : ông ta không hề gặp một người nào thích chủ nghĩa hiện thực xã-hội giáo điều (Cho tới hiện nay, hiện thực xã hội vẫn còn là lý thuyết chính thống của văn nghệ tại Nga xô). Trong khi đó thì sinh viên khoái thích những cái gì mà giới lãnh đạo không tìm thấy một liên quan gì với nguyên lý chủ nghĩa mác-xít, với chế độ chính trị xô viết hết : họ thích nhạc Jazz, thích tiểu thuyết Kafka, thích *Lolita* của Nabokov, *Ulysse* của Joyce v.v. Nhạc thì tinh viên lên ghi vào băng nhựa phổ biến cho nhau, sách cấm thì họ bí mật mua giá chợ đen (một cuốn *Ulysse* bán 10 rúp).

Trước sự thúc đẩy của một phong trào như thế, giới cầm quyền cứ lùi dần. Nhạc jazz trước cấm sau này đài *Younost* (Thanh niên) đã phát thanh. Kafka trước bị chỉ trích nghiêm khắc, gần đây đã bắt đầu cho một ít tác phẩm ra đời, và giới phê bình chánh thức đã dịu giọng. Đối với tranh trừu tượng, Krushev đã mạt sát thậm tệ ; gần đây, giới lãnh đạo vẫn không chịu nó nhưng không khắt khe quá với nó nữa...

Nói chung, gần như bất cứ cái gì quần chúng Nga ham thích thì nhà cầm quyền Nga đều cấm đoán, và nếu không cấm đoán nổi thì cũng ngăn chặn bớt lại. Du khách tới Mạc tư khoa tưởng có thể mua về một ít sách danh tiếng để làm kỷ niệm. Kỳ thực, sách Nga,

thứ hay, khó tìm thấy ở Nga lắm. Tại đây chỉ có thứ truyện khoa học giả tưởng là được in tự do, còn những sách nổi tiếng của Doudintsev, của Bakhtine, của Tourbine, của Brecht v.v. thì số lượng ấn hành bị hạn chế rất ngặt. Bởi vậy, một đảng thi độc giả tranh nhau vớt vả, đảng khác tác giả có tài lại túng thiếu. Mihajlov tới thăm Doudintev, thấy nhà văn này sống với một vợ và ba con trong cảnh chật vật, cả hai vợ chồng đều phải dịch sách bằng tiếng Ukraine suốt ngày mới đủ ăn, vì vậy thiếu hẳn thì giờ để sáng tác. Nhưng trước cảnh đó, Mihajlov không ngạc nhiên bằng một nhà xuất bản Đức, bởi vì nhà xuất bản này đã từng gửi sang cho Doudintsev những món tiền rất lớn, trả tác quyền các sách của ông được in bên Đức : đáng lẽ Doudintsev phải được hưởng 70% của món tiền này, nhưng « người ta » đã chặn hết của ông ! Còn về sự phổ biến tác phẩm của ông ở ngay tại Nga thì Doudintsev có đưa cho Mihajlov xem một cuốn truyện... đánh máy, do một người hâm mộ ở tỉnh xa gửi đến tặng. Vị giáo sư nước Nam tư cho rằng đó chắc chắn là cuốn tiểu thuyết độc nhất của thế kỷ thứ 20 được truyền đi theo lối sao chép.

Cũng vì những lý do tương tự, nghệ sĩ được quần chúng mến chuộng nhất của nước Nga hiện đại bị nhà cầm quyền giấu nhem kín bưng. Thực vậy, mặc dù Nam tư ở sát bên cạnh nước Nga mà một giáo sư đại học chuyên về văn học Nga vẫn không hề hay biết gì về Boulat Okoudzava.

Bước đến Mạc-tư-khoa, Mihajlov mới sững sốt về sự phát giác lạ lùng

này : Boulat Okoudzava mới chính là nhà thơ nổi tiếng nhất. Mihajlov phải đuổi theo đến tận Leningrad để tìm gặp con người kỳ dị. Đó là một người 41 tuổi, cao lớn, gầy, đôi mắt thông minh mà buồn thẳm. Ở khắp nơi trên đất Nga : trên tàu, trong công viên, trong các dạ hội, trong những bữa tiệc tùng, hội họp... đâu đâu cũng là dịp để người ta trình bày tác phẩm của Okoudzava. Và khi chính Boulat Okoudzava ra mắt công chúng trình bày các bài hát của mình, thì người ta tụ họp xung quanh ông ta có khi đến 18 nghìn thính giả ! Người ta ghi tác phẩm ông vào băng nhựa, chuyển cho nhau. Nhưng tuyệt nhiên, không có bao giờ đài phát thanh của chính quyền chịu trình bày tác phẩm của ông.

Trước sự hâm mộ nồng nhiệt của quần chúng, chính quyền không tiện cấm ông. Chỉ có thỉnh thoảng gọi ông đến « góp ý kiến » về một vài bài hát « đáng tiếc ». Thế rồi ông cứ được tiếp tục sáng tác, tiếp tục trình bày, tiếp tục vui thú với quần chúng ; còn nhà nước thì làm ngơ, không hề nói đến tên ông. Ở ngoài nước Nga, cứ căn cứ theo những sách báo, tin tức, phê bình của giới chính thức thì không ai ngờ có Boulat Okoudzava.

Và cái nghệ thuật làm say sưa quần chúng của Okoudzava là sự tiếp nối cái truyền thống chân chính của văn học Nga, nó không chịu sự ràng buộc của thứ chủ nghĩa hiện thực xã hội chút nào.

c) Lớp trẻ lẫn lớp già.

Cholokhov, Léonov, Erhenbourg... là

những văn hào Nga tiếng tăm vang lừng khắp hoàn cầu. Khi Mihajlov thăm dò ý kiến của hạng trí thức trẻ tuổi về Cholokhov và Léonov thì được nghe họ bảo : « *Ấy là những ngôi đền.* » Có kẻ nói : « *Hồi tiền chiến, xưa kia, Cholokhov là một nghệ sĩ.* » Còn ngày nay ? Ngày nay, thì lớp trẻ tuổi không tính các vị ấy vào số những văn sĩ còn sống nữa !

(Nhân tiện, tưởng cũng nên đưa ra đây danh sách một số văn nghệ sĩ « hôm nay » tại Nga. Về thơ : Boulat Okoudzava, Bela Akhmadoulina, André Voznessenski, Ecegene Evtouchenko, Novela Matveiva, Iouna Morits, Robert Rojdestvenski, Victor Sosnor... ; về văn : Soljenitsyne, Doudintsev, Vladimir Tendriakov, Iouri Bondarew, Victor Nekrassov, Vassili Aksionov...)

Mihajlov gặp nhiều người trẻ, và cũng chịu khó đến hầu chuyện nhiều người già.

Lớp già không phải họ không hưởng ứng việc đá phá Staline. Nhờ có hạ bộ Staline, Léonid Léonov mới chữa lại được các truyện của mình theo ý muốn. Nhờ có hạ bộ Staline, Erhenbourg mới có tập hồi ký tiếng tăm đã xuất bản, và Cholokhov mới hoàn thành bộ tiểu thuyết trường giang vĩ đại của ông.

Tuy nhiên, mỗi người trong số nói trên đều có một chỗ cố chấp. Mihajlov kêu rằng câu chuyện nói với Léonov thực « chán » và « tầm thường », rằng ông phải thú nhận sự « thất vọng sâu xa ». Léonov không chịu được hội họa mới, và đây là luận điệu công kích :

« Nếu tôi không đeo kính trên sống mũi mà đeo ngay vào miệng thì ông thấy thế nào ? »

Erhenbourg thì cái tay đôi với Mihajlov ba giờ đồng hồ về cái tương lai mà ông nghĩ phải là hạnh phúc của con người, khi được đầy đủ trong đời sống vật chất, Mitrajlor thì không nghĩ rằng hạnh phúc là chuyện đơn giản như vậy : theo ông, không có gì đáng « tởm » bằng cái viễn tượng một nhân loại được tổ chức như đàn kiến, về mặt xã hội và vật chất. Ehrenbourg say sưa tin ở cái tương lai rạng rỡ (cái « tương lai » mà tại Nga xô, nhân danh nó, người ta đã tàn sát bao nhiêu triệu con người), Erhenbourg không eó lỗ tai để nghe lý luận của kẻ đối thoại. Mihajlov lấy làm lạ rằng ở một người thông minh như Erhenbourg trí thông minh ấy lại tịt đi trước một vài vấn đề.

Sau một hồi tranh cãi, văn hào lão thành Nga đâm giận ông giáo sư trẻ tuổi của Nam tư, khi chia tay vẫn còn lạnh nhạt.

Trái lại, trong khi tiếp xúc với phái trẻ, Mihajlov không gặp những trường hợp như vậy. Đôi bên tỏ vẻ tương đắc. Chúng ta đã biết Mihajlov thích Dostoievski, lớp trẻ bên Nga cũng vậy. Khi Mihajlov hỏi một sinh viên ở trường đại học Mạc-tư-khoa bao giờ thì Nga dịch truyện của Joyce và của Proust, sinh viên nọ đáp : « Dịch liền ngay mai, nếu do chúng tôi quyết định ».

Mihajlov có cảm tưởng mỗi lần trò chuyện với một giáo sư đại học (lớp già) người ta tiếp xúc với một thế giới khác

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Bếp lửa** tiểu thuyết Thanh-Tâm-Tuyền, do Sáng-Tạo xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 80 trang, in lần thứ 2, Giá : 40đ.
- **Một mình** tiểu thuyết của Võ-Phiến do Thời Mới xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sáng dày 324 trang, có ba phụ bản của họa-sĩ Phạm-Tăng, bản đặc biệt không đề giá.
- **Hiện-sinh, một nhân-bản thuyết** của J.P. Sartre. Dịch-giả : Thụ-Nhân do Nhị-Nùng do xuất-bản và dịch-giả gửi tặng. Sách dày 82 trang. Giá : 40đ.
- **Ý Thu vườn Xuân**, tập thơ Cao-Xuân-Tứ, từ sách Hương-Xa, do tác-giả gửi tặng. Sách dày trên 60 trang gồm 36 bài thơ và một phụ bản của họa-sĩ Lương-Thế-Hiền, không đề giá bán.

mà mỗi lần gặp một vị phụ giảng (lớp trẻ) người ta lại tiếp xúc với một thế giới khác hẳn. Lớp trẻ hiện thời thực ra chưa được quyền « quyết định » như sinh viên nọ đã nói. Nhưng họ tin (và Mihajlov cũng tin) rằng ngày họ quyết định không còn xa. « Cái gì đặc biệt cốt yếu trong tình trạng hiện tại của nền văn học xô viết, ấy là sự chuẩn bị và sự đợi chờ một cuộc giải phóng hoàn toàn và dứt khoát khỏi mọi trở ngại »

của chủ nghĩa mác xít giáo điều ». Và có những dấu hiệu báo trước rằng những trở ngại ấy đã chịu lui bước dần dần. Bakhtine là nhà lý thuyết bênh vực những tư tưởng mới, vẫn bị xem là tiêu biểu cho « trường phái hình thức chủ nghĩa ». Tất nhiên là lâu nay Bakhtine bị các lãnh tụ văn nghệ nắm vững hiện thực xã hội chủ nghĩa kết tội là đi lạc hướng. Thế mà gần đây (năm 1963) cuốn *Các vấn đề về thi nghệ của Dostoievski* của Bakhtine ra đời, tán dương Dostoievski, bị một số phê bình gia bảo thủ công kích, tức thì được một số đông khác che chở. Điều đáng chú ý là ngay cả V. Iermilov, lý thuyết gia chính thức của hiện thực xã hội chủ nghĩa, lần này cũng bênh Bakhtine. Câu chuyện ấy chứng tỏ rằng phái trẻ đã đủ mạnh để làm hoang mang phái già, và

thỉnh thoảng « chiêu hồi » được một vài phần tử thuộc phái già đào ngũ để chạy sang phía mình.

Một tác giả danh tiếng Nga đã nói với Mihajlov. « *Người ta đang tiến tới một năm 1956 mới* ». Có thực vậy chăng? Nước Nga đang chờ đón một biến đổi sâu xa nữa đây chăng?

Những máy móc do thám của Hoa Kỳ, trong địa hạt này, không thể mách trước gì cho thế giới bên ngoài bức màn sắt cả. Chỉ còn biết chờ sự ứng nghiệm những lời tuyên bố của chính những người từ trong các xứ cộng sản nói vọng ra.

Tháng 7-1965

TRÀNG THIÊN

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn — Hỏa Hoạn — Hàng Hải — Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong Tananarive — Tamatave Addijan Bouala

GÓP Ý VỀ BÀI « LỊCH SỬ LẠC-VIỆT » (1)

TRẦN-VIÊN

Trở lại vấn-đề Hùng-Vương hay Lạc-Vương

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 205)

KIỂM ĐIỂM LẬP LUẬN CỦA ÔNG NGUYỄN - PHƯƠNG

Khai-triển thuyết của Maspéro, ông Nguyễn-Phương cố gắng tìm cách chứng minh rằng Thăm - Hoài - Viễn, tác-giả Nam-Việt-Chí (thế-kỷ V) và tác-giả khuyết-danh của Việt-sử-lược (thế-kỷ XIV) đều đã cố tình làm chữ Lạc ra chữ Hùng (2). Nhưng lập luận của ông không dựa trên một bằng-chứng xác thực nào mà chỉ dựa trên những ước-đoán thuần có tính cách tâm-lý.

Đối với Thăm Hoài-Viễn là người Tàu, ông Nguyễn-Phương chủ-trương : Thăm Hoài-Viễn không biết rằng Lạc chỉ là một danh từ phiên-âm, đọc những chữ Lạc-diễn, Lạc-dân, Lạc-vương thấy vô nghĩa, khó hiểu, bèn « tìm cách đề hiểu, đề thoát chỗ bí » (3). Thoát thế nào ? « Về cách viết chữ Lạc của Sử-ký lối thoát thật khó thấy, nhưng với chữ Lạc của Quảng-châu ký làm gì mà không tìm được một cách giải-thích hợp

lý. Không phải chữ Lạc 𣪠 rất giống chữ Hùng đó sao ? Mà chữ Hùng đặt lên trước các tiếng dân, vương chẳng hạn thì ý nghĩa tốt đẹp biết đường nào, kêu biết bao !... Nhưng để dẫn chữ Hùng vào, cần phải có những lời đưa đường nên tác giả tạo ra một đoạn văn dài hơn » (4).

(1) Trong L.T.S đặt trước bài «Trở lại vấn-đề Hùng-Vương hay Lạc-Vương » của ông Trần-Viên trên BKTĐ số 205, trang 47, hàng 14, có in lầm là : « nhiều tài liệu và luận chương lịch-sử », xin sửa lại cho đúng là : « nhiều tài liệu và luận CHỨNG lịch-sử ».

(2) — Phạm vi bài này chỉ giới hạn trong vấn đề danh hiệu Hùng-Vương hay Lạc-vương nên xin miễn bàn về những điểm khác trong Lịch-sử Lạc-Việt có liên quan nhiều ít tới vấn đề như : nguồn gốc tập truyền Hùng-Vương, tính cách hoang đường của Hùng-Vương v.v...

(3)— B.K. số 197, tr 28.

(4)— B.K. số 197, tr 28.

Thoạt tiên chúng ta khó lòng chấp-nhận được rằng Thầm-hoài-Viễn -- hay bất cứ một sử-gia Tàu nào khác -- đã cầm bút chép sử mà lại không biết rằng chữ Lạc chỉ là một chữ phiên-âm. Mà dù có non-nót, ngây-thơ đến độ ấy chẳng nữa, Thầm-hoài-Viễn vẫn có thể giải-thích những danh-từ Lạc-diễn, Lạc-dân, Lạc-vương một cách giản-dị và hợp-lý gấp trăm lần cách giải thích mà ông Nguyễn-Phương gán cho Thầm hoai-Viễn. Thật thế, chữ Lạc 𣥂 thuộc bộ chuy, viết giống chữ Hùng, tự nó có nghĩa là con ngựa đen bờm trắng : ông Nguyễn-Phương nếu không tin xin tra cứu lại Khang-hi-tự-diễn đính-chính trang 3.099. Thầm-hoài-Viễn là nhà văn Tàu làm sao không biết nghĩa đó ? Do đó Lạc-diễn, Lạc-dân, Lạc-vương không đến nỗi khó hiểu như ông Nguyễn-Phương tưởng-tượng mà có nghĩa là ruộng, dân, vua của một nước có nhiều ngựa đen bờm trắng, cũng như nước Ba là nước có nhiều rắn, nước Thục là nước có nhiều tầm. Nhưng ông Nguyễn-Phương không cho phép Thầm-hoài-Viễn hiểu một cách đơn-giản như thế. Ông bắt Thầm-hoài-Viễn phải đổi chữ Lạc thành chữ Hùng cho có nghĩa « tốt đẹp » cho « kêu » và phải bịa luôn ra cả một đoạn văn đề « đưa đường » cho chữ Hùng. Chúng ta tự hỏi danh-hiệu của người lãnh-đạo dân tộc ta, tốt đẹp hay xấu xa, kêu hay không kêu, đối với Thầm hoai-Viễn là người Tàu, có chi là hệ-trọng đến nỗi ông phải đổi chữ, bịa văn đề bóp méo cả sự thật ? Cho nên theo ước-đoán của ông Nguyễn-Phương, Thầm hoai-Viễn vừa ngây-thơ non-nót, vừa phức-tạp, nhiều-khê. Ôi khó hiểu thay

là tâm-lý sử-gia, nhất là các sử-gia sống cách đây 15 thế-kỷ !.

Sau nữa giá-trị lập luận của ông Nguyễn-Phương sẽ rút lại vừa bằng con số không nếu chúng ta chịu khó kiểm-soát các tài liệu do chính ông dẫn. Ông quả quyết Quảng-châu-ký chép chữ Lạc 𣥂 thuộc bộ chuy rất giống chữ Hùng nên từ đó Thầm-hoài-Viễn mới đổi Lạc ra Hùng. Hẳn ông chưa đọc Quảng-châu-ký ? Nhưng cần gì phải đọc chánh-bản Quảng-châu-ký mới biết sách này chép chữ Lạc khác hẳn lời ông nói. H. Maspéro nhận xét như sau về cách viết chữ Lạc của Quảng-châu-ký : « May thay có Quảng-châu-ký, cuốn sách cổ thứ ba giúp ta giải-quyết vấn đề đó. Sách ấy chép chữ Lạc 𣥂 một cách không thể lầm lẫn được ». (1). Vậy chữ Lạc của Quảng-châu-ký là chữ Lạc thuộc bộ mã 𣥂 khác hẳn chữ Hùng chớ không phải chữ Lạc thuộc bộ chuy 𣥂 rất giống chữ Hùng. Chắc ông Nguyễn-Phương không nghi-ngờ sự hiểu biết về Hán-tự của người khai-sinh ra giả-thuyết Lạc-vương mà ông đang cồ-vỗ và khai-triển. Nếu có nghi-ngờ, một lần nữa xin mời ông dở lại Khang-hi-tự-diễn đính chính : nơi trang 3259 sách này dẫn một đoạn của Quảng-châu-ký và chép rõ ràng là chữ Lạc thuộc bộ mã 𣥂.

Đối với tác-giả Việt-sử-lược là người Việt ông Nguyễn-Phương chủ-trương :

(1) — Nguyên văn : Un troisième ouvrage ancien, le Kouang-Tcheouki, nous donne heureusement la solution du problème en écrivant le caractère (lạc) qui ne prête pas à confusion. (B.E.F.E.O tome XVIII, N° 3).

Tác giả Việt-sử-lược lầm Lạc-vương ra Hùng-vương vì đã liên-kết chuyện nước ta với 18 đời Hùng-vương của nước Sở, và vì lầm lẫn như vậy là một « vinh dự » (sic).

Nhưng nước Sở quả thật có 18 đời vua gọi là Hùng-vương không? Ông Nguyễn-Phương dẫn chứng Sử-ký và đếm từng Hùng-Dịch đến Hùng-Thông vừa đúng 18 đời. Thật là hùng hồn! Chỉ tiếc một điều là Sử-ký không chép đầy đủ chuyện nước Sở và ông Nguyễn-Phương lại không biết như vậy. Các vua nước Sở tuy thuộc họ Hùng nhưng không ai xưng là Hùng-vương mà cũng chẳng có sách nào gọi họ là Hùng-vương. Có Hùng-Dịch, Hùng-Nghệ, Hùng-Đán, Hùng-Thăng, nhưng không hề có Hùng-vương. Có Sở-Vũ-vương, Sở Văn-vương, Sở Trang-vương, Sở Cung-vương nhưng cũng không bao giờ có Sở Hùng-vương. Đã không có Hùng-vương, giòng vua ấy cũng không gồm 18 đời. Thật ra ông Nguyễn-Phương không biết đích xác có bao nhiêu đời vua Sở. Trong bài « Phương-pháp sử của Lê-văn-Hưu và Ngô-sĩ-Liên » ông mò-mẫm theo Albert Tschepe, cho rằng có 15 đời. Nhưng nếu chỉ có 15 đời, làm sao từ đó lại thành ra 18 đời Hùng-vương của sử Việt? Ông Nguyễn-Phương giải thích: « Ở giữa có một chỗ tranh dành chấp nối (sic) nên có lẽ vì đó mà tác giả đọc vào đã đếm ra được 18 đời » (1). Nghĩa là, theo ông Nguyễn-Phương, sử-gia Việt chẳng những dốt chữ Hán vì lầm chữ Lạc ra chữ Hùng, mà lại còn dốt toán nữa vì đếm 15 thành 18! Đến nay đọc Sử-ký, ông trịnh-trọng khám-phá ra

rằng «Hùng-vương nước Sở có 18 đời» (2) giọng văn của ông trở nên khẳng định hơn, say sưa hơn: Tác giả Việt-sử-lược « đầy óc mơ hồ » (3) đã đề cho « sự vật quay-cuồng lẫn lộn trong một giấc mơ vi-đại » (4)! Nhưng ông sẽ nghĩ thế nào nếu ông biết rằng vua Sở gồm có những 42 đời như ông Nguyễn Toại đã trình-bầy trong bài « Bàn về Hùng-vương » (5)? Có lẽ ông sẽ suy-luận một cách khác để tiếp-tục chứng-minh rằng Hùng-vương của ta bắt nguồn từ các vua Sở. Suy-luận như vậy trong luận-lý-học gọi là suy-luận cảm-tình. Kết-luận được đặt ra trước và có tính cách bất-di-dịch, người ta thay đổi tiền-đề để biện-minh cho kết-luận với bất cứ giá nào. Tuy nhiên dù có thay đổi tiền-đề đến vô-cùng vô-tận, suy-luận cảm-tình rút cục vẫn không phải là thứ suy-luận đưa người ta đến chân lý. Một nhược-điểm khác trong lập-luận của ông Nguyễn-Phương: làm sao tác-giả Việt-sử lược lại có thể liên-kết những sự-kiện cách-biệt nhau rất nhiều về không-gian cũng như về thời-gian? Ông Nguyễn-Phương đã tiên-đoán thắc mắc này của độc-giả. Hãy nghe ông giải thích: « Thiết-tưởng thắc-mắc này không cần nêu ra vì sự vật quay cuồng lẫn lộn trong giấc mơ vi-đại của tác-giả » (6). Lời giải-thích tuy ngắn gọn, tiện-lợi nhưng không thỏa-mãn lý-trí chúng ta vì nó không giải thích

(1) Đại-học tạp-chí số 30 tr 903.

(2, 3) B.K. số 197 tr 29.

(4) B.K. số 197 tr 31.

(5) Xin xem B.K. số 201 tr 34.

(6) B.K. 197 tr 31.

được gì hết. Núp sau giấc mơ của một người đã chết từ 6 thế-kỷ có khác gì núp sau ông Trời. Tại sao lại thế? Tại vì Trời sinh ra thế. Tại sao ông ta có thể viết như thế? Tại vì ông ta nằm mơ thấy thế. Đó là những giải-pháp dễ-dãi, lười biếng mà tinh-thần khoa-học không thể nào chấp-nhận.

Sau hết có gì là « vĩ-dại », có gì là « vinh-dự » trong sự lầm-lẫn từ vua Sở ra vua Lạc-Việt? Dưới con mắt kiêu-hãnh của Hán-tộc, người Sở cũng như người Việt đều là những giống man-di, mọi-rợ. Sự khinh-mạn của Hán-tộc đã khiến cho các vua Sở có mặc-cảm tự-ty đến nỗi chính Hùng-Cử phải bảo: « Ta là người man-di không đáng xưng hiệu thụy như ở Trung-Quốc » (1). Ông Nguyễn-Phương biết điều này, lẽ nào các sử-gia Việt thuở xưa không biết? Vậy thì « vĩ-dại » ở đâu, « vinh-dự » ở đâu khi bắt chước những kẻ man-di đầy tự-ti mặc-cảm? Nếu quả tình sử-gia Việt muốn đi tìm « vĩ-dại » và « vinh-dự » thì Hán-sử thiếu gì những trang vẻ-vang, oai-hùng, hà-tất phải loay-hoay đi tìm trong sử nước Sở.

Tóm lại giả-thuyết Lạc-vương của H. Maspéro tự nó vốn đã lung-lay và, biện-minh cho giả-thuyết ấy, ông Nguyễn-Phương chỉ nêu ra được những ước-đoán về tâm-lý sử-gia rất mơ-hồ, bẽ-tắc và vô-căn-cứ. Nhưng nếu ông Nguyễn-Phương tỏ ra khá giàu tưởng-tượng khi ước-đoán tâm-lý Thăm-hoài-

Viễn và tác-giả Việt-sử-lược, có bao giờ ông nghĩ tới giả-thuyết sau đây: Trường Viễn-Đông bác-cổ rất có thể đã hoạt động với một hậu-ý chính-trị thực dân cũng giống như trường-hợp Nam-Phong tạp chí. Nó nhằm thu hút nhân-tài Việt-Nam vào những công-cuộc khảo-cứu cổ-sử và dẹp bớt những suy tư về hiện-trạng nô-lệ của đất nước — những suy tư khởi đầu cho cách-mạng cứu-quốc. Với hậu-ý chính-trị ấy, H. Maspéro đã đưa ra thuyết Lạc-vương để dả phá truyền-thuyết Hùng-vương, một truyền-thuyết tượng-trưng cho tình đoàn-kết và lòng yêu nước thương nòi của dân tộc Việt. Chúng ta không phủ-nhận giá-trị của những công trình sưu-khảo của Trường Viễn Đông bác cổ cũng như chúng ta không phủ-nhận giá-trị văn-học của Nam-Phong tạp-chí. Nhưng chính-trị có thể lợi-dụng bất cứ lãnh-vực nào. Vậy nếu giả-thuyết nêu trên được chứng-minh thì phụ-họa theo Maspéro bằng những ước-đoán mơ hồ, vô-căn-cứ, tuyên-truyền cho thuyết Lạc-vương với một giọng độc-đoán, tin-điều đến độ mĩa-mai, mặt-sát cả tiên-nhân như ông Nguyễn-Phương đã làm đối với Ngô-sĩ-Liên — hành động ấy đối dân-tộc là ý-thức hay vô ý-thức? đối với quốc-gia là có công hay có tội?

TRẦN VIÊN

(1) B K. số 197 tr 30.

Hùng-Vương biểu-tượng thiêng-liêng của Dân-tộc Việt-Nam

...Mỗi Dân-tộc có một huyền-thuyết cao đẹp về tổ-tiên đề con dân coi là truyền-thống thiêng-liêng làm tiêu biểu cho một giống nòi, lập nên một quốc-gia có tinh-thần sắc-thái riêng của mỗi dân-tộc.

...Chỉ biết ngày nay, con người sinh ra trong một Quốc-gia, cùng một chủng-tộc, cùng một nếp sinh-hoạt, cùng một sắc thái và một truyền-thống oai-hùng đề hãnh-diện hay tủi-nhục tiếp nối từ khi có lịch-sử lập quốc. Trừ những kẻ phi Dân-tộc từ bỏ ngay cả sự dưỡng dục của cha mẹ, phủ nhận cả huyết hệ giống nòi, còn thì ai nấy cũng biết tôn thờ Tổ tiên khai quốc là biểu tượng thiêng-liêng của Dân tộc.

Người Nhật-bản có thần Thái-Dương,

Người Tàu có Ngọc-Hoàng, Việt-Nam có Hùng-Vương...

Cho nên mỗi một biểu-tượng thiêng-liêng của mỗi giống người là giếng mỗi kiến-tạo nên một Dân-tộc một Quốc-gia, một tôn giáo... Không nên vì quan-niệm riêng mà bài bác quan-niệm khác, hay nói cho rõ là cái dụng tâm của bà mẹ ghẻ cố tìm cách lường gạt đứa con chồng cho nó tin rằng chính bà ta mới là mẹ nó.

Vậy thì cái biểu tượng thiêng-liêng của Dân-tộc Việt-Nam là Tổ Hùng-Vương một niềm tin-tưởng sắt đá uy nghiêm không thể lay chuyển. Đó là cái mức lịch sử lập Quốc, Quy tụ giống nòi ta, cấu tạo thành Quốc-gia ta.

HÀ DUY DÂN

ĐÍNH-CHÍNH

Bài « Trở lại vấn-đề Hùng-vương hay Lạc-vương » BK số 205, trang 48, dòng 14-18 : « Bởi vì nếu sao chép là Lạc-vương, thì sử Việt hoặc phải chép Lạc-hầu, Lạc tướng với chữ Lạc viết sai, chữ Lạc thuộc bộ các ».

Xin đọc là :

« Bởi vì nếu sao chép thì sử Việt hoặc phải chép là Lạc-vương, Lạc-hầu, Lạc tướng với chữ Lạc viết sai, chữ Lạc thuộc bộ chuy ».

Đề tìm nguồn sông của dân tộc

L.T.S. Nhân cuộc góp ý sôi nổi về nguồn gốc dân tộc trên BK.TĐ. bạn Nguyễn Ngu Í có tìm lại được một bài của ô. Hồ Hữu-Tường cũng về nguồn gốc dân tộc đăng từ năm 1948 trên báo Tiếng Việt số 1. Bởi bài này ít người biết đến và mặc dầu xưa đến 17 năm mà xét vẫn chưa đến nỗi quá lỗi thời, nên bạn Ngu Í yêu cầu Tòa soạn đăng lại nguyên văn đề « những ý kiến của một kẻ đọc sử » — Hồ quân vẫn chỉ nhận mình là kẻ đọc sử — có thể giúp ích một phần nào các bạn đọc vẫn thường lưu tâm đến vấn đề nguồn gốc dân tộc của chúng ta chăng.

Cuối năm 1964, tại Hà Nội có xuất bản một quyển sách khảo cứu, nhan đề là « Nguồn gốc của dân tộc Việt Nam ». Tác giả quyển sách ấy là ông Đào Duy Anh, người đã chủ trương Quan Hải tòng thư, trước tác mấy bộ từ điển và quyển Việt Nam văn hóa sử cương.

Trong lúc cả dân tộc Việt Nam đang vươn mình đề lên một địa vị rạng rỡ hơn, và từ Nam chí Bắc phong trào thống nhất chạm phải những lý lẽ chia rẽ, họ cho rằng địa phương này, khối người nọ không phải là của Việt Nam, thì ai cũng muốn biết những lý lẽ ấy có căn cứ vào đâu. Cho nên đa số độc giả, cũng như học giả, ai cũng muốn đón đọc cuốn sách khảo cứu của ông Đào Duy Anh, đề tìm trong lịch sử

một vài tia sáng. Rất tiếc là khi in vừa xong, chưa phát hành, thì cuộc đánh nhau, tại Hà Nội ngày 19 tháng chạp 1946, nổ bùng ra, làm cho không ai được hân hạnh mà biết rõ ý kiến của Đào quân về nguồn gốc của dân tộc Việt Nam. (1)

Đối với vấn đề này, ngoài những ý kiến của Đào quân mà chúng ta chưa được biết, đã lưu hành lại hai giả thuyết, Giả thuyết thứ nhất cho rằng giống người mình từ Tây tạng di cư xuống, dõ theo sông Hồng Hà mà đến xứ này. ban đầu chỉ chiếm miền Bắc rồi lần lần Nam tiến. Giả thuyết thứ hai lại cho rằng người Việt Nam vốn là một bộ lạc Việt trong hàng Bách Việt ở Tàu, ở

(1) Sau, nhà xuất bản Thế Giới ở Hà-Nộ có tái bản (L.T.S.)

đón đọc giữa mùa thu năm nay

MẮT ĐẤT

tạp chí sáng tác văn nghệ

đấu trường của bọn trẻ tự động và ý thức nhất

chủ trương biên tập

NGUYỄN ĐỨC SƠN
(Sao Trên Rừng)

liên lạc 536/23 Trường Minh Giảng — Saigon

đọc theo bờ sông Dương Tử, mà di cư sang qua đất này, rồi cũng đi đường Nam tiến.

Các nhà viết sử của ta thấy đều dựa vào hai thuyết ấy.

Đề góp phần vào việc tìm tòi nguồn gốc của dân tộc Việt Nam, chúng tôi xin đưa ra một vài ý kiến.

NGƯỜI VIỆT NAM

Theo ý chúng tôi, những giả thuyết ở trên không có tính cách khoa học, mà chỉ dựa vào những câu chuyện thần thoại, những tích cổ truyền của thời tiền sử mà lại đứng có một phương diện của nhóm người gần với Tàu, và tiếp xúc với người Tàu, nghĩa là phương diện *chủng tộc*. Đã hơn hai mươi năm nay, các nhà xã hội học trên thế giới đã chứng minh rõ rệt rằng thuyết chủng tộc là hoàn toàn sai lầm và ngay đến Hitler cũng không dám bình vực nó đến triệt để.

Riêng người Việt Nam, chúng ta thấy rằng không có một chủng tộc thuần túy, mà người mình là kết quả của một cuộc xáo trộn của nhiều giống người, lai ra, lộn nhau, đã bao nhiêu đời. Chỉ nhìn sơ qua, cũng thấy rằng đồng bào ở miền Bắc có nhiều đặc điểm của người Tàu; ở vùng Quảng Ngãi, Bình Định, thì nước da ngăm nét mặt còn thấy rõ di tích Chăm; và ở Nam thì phảng phất giống người Cao Miên.

Điều ấy là dĩ nhiên, bởi vì xứ ta ở ngay một nơi giao tiếp của nhiều luồng di cư, thì làm sao mà có một chủng tộc thuần túy được?

TƯ TƯỞNG VIỆT NAM

Chúng ta không thể bảo rằng chúng ta là người phương Bắc, ở Tàu di cư xuống mà lần lần Nam tiến, vì một lẽ nữa, rằng tư tưởng của miền Bắc khác hơn tư tưởng của ta. Người miền Bắc khi thấy con ngựa có màu trắng thì tư tưởng họ chú trọng nơi *cảm giác chủ quan* của họ là trắng, trước hơn hết; rồi mới nghĩ đến bản tính của vật đứng ngoài họ tức là *khái niệm khách quan*. Thế nên họ nói rằng "*Bạch Mã*".

Đề chỉ người cha của họ thì họ nghĩ đến cái *chủ quan* trước hơn hết, nên họ nói chữ "*Ngã*" trước rồi họ mới nghĩ đến cái *khách quan* sau, mà họ nói "*phụ*". Tư tưởng Việt-Nam đi ngược lại, nên có tính cách phân tích mà đi từ khách quan đến chủ quan.

Mà nếu về phương diện tư tưởng ta khác với người Tàu, thì đối với các giống người Điện Biên, Xiêm, Cao miên, Chăm, v.v... chúng ta có chung một tính cách, mà nói xuôi "*ngựa trắng*" chứ không nói "*trắng ngựa*", "*cha tôi*" chứ không nói "*tôi cha*".

NGÔN NGỮ

Ở khít ranh giới nước Tàu, bị một cái văn minh chói lọi của đạo nho hấp dẫn, lẽ đương nhiên là ta mượn rất nhiều tiếng nói của Tàu. Nhưng mà, khi mượn như vậy, chúng ta ép tiếng Tàu theo một quá trình rõ rệt.

a) Khi tiếng ấy mới mượn, thì ta để nó theo mẹo luật của tiếng Tàu, nghĩa là cái lối "*trắng ngựa*".

b) Khi tiếng rất quen và đã thành tiếng của ta rồi, thì ta bắt buộc nó theo

mẹo luật của tiếng ta. Như người Tàu nói « Xã hội đích cách mạng », thì bây giờ ai cũng bảo rằng « cách mạng xã hội ».

Ta mượn tiếng Tàu nhiều lắm, hoặc mượn mà giữ mẹo luật cũ, hoặc mượn mà đổi mẹo luật, có khi đổi hình thức nữa (như tâm là lòng, lại cho ta thêm tiếng *tim*) làm cho số tiếng mượn ở Tàu nhiều quá, lẫn át hầu hết những tiếng chắc chắn là tiếng mẹ đẻ của ta (như : ẻo lả, oái oăm, ngấm nguyết, lim dim) những tiếng như thế, ai dám bảo là tiếng đơn âm được? Thế nên, khi những nhà khảo cứu ở Tây phương bảo rằng tiếng ta là một tiếng đơn âm như tiếng Tàu, thì chúng ta chớ nên tin vội, mà hãy giữ những quyền tự diễn, tìm những chữ không mượn ở Tàu, mà phân tích lại, rồi sẽ quyết đoán sau.

ÂM NHẠC

Âm nhạc là một thứ tiếng nói của một dân tộc, một thứ tiếng nói không dùng mồm, mà dùng nhạc khí. Âm nhạc của ta tuy chịu ảnh hưởng của âm nhạc Tàu rất nhiều, song có những tính cách đặc biệt, làm cho ta có thể nói rằng nó là kết cấu của những lối âm nhạc của những người sống trên giải đất này. Những điệu hò Huế, những giọng náo nê của bài vọng cổ, phải chăng là hồn âm nhạc Chăm để lại.

LỊCH SỬ.

Những nhà sử học sẽ bảo chúng tôi là nói bướng và không nhìn nhận một sự thiệt, là dân Việt Nam từ nhà Trần,

nhà Hồ, nhà Lê, nhà Nguyễn « đã diệt dân tộc Chăm đánh đuổi người Cao Miên mà Nam tiến » sao?

Những người ấy mới biết một mà không biết hai. Trong khoa sử học bất cứ một dân tộc nào trong thế giới, trải ngang qua thời phong kiến, muốn thống nhất dân tộc thì bộ phận này đánh nhau với bộ phận kia.

Ở xứ ta cũng không ngoài công lệ ấy. Nếu bảo người Chăm với người Việt nói hai thứ tiếng khác nhau, có hai tổ chức quốc gia khác nhau, thì hỏi vậy hai nước Ngô và Việt thời Xuân Thu ở Tàu không có tổ chức quốc gia khác nhau và không có tiếng nói khác nhau sao? Và mấy trăm năm lịch sử thời phong kiến ở Pháp có phải chẳng là những cuộc đánh lẫn nhau của những thái địa khác nhau, mà dân chúng đều nói tiếng khác nhau!

Người Việt đã tiêu hủy quốc gia Chăm nhưng không có tiêu diệt người Chăm. Người Chăm và người Việt đã đồng hóa với nhau, cũng như họ sẽ đồng hóa với người Cao miên về sau, để thành dân tộc ta bây giờ. Nền văn hóa của người Việt cao hơn nền văn hóa của người Chăm, người Cao miên, thì nền văn hóa ấy tồn tại. Nhưng cố nhìn một chút, sao khỏi thấy những dấu vết rành rành của văn hóa Chăm và Cao miên trong văn-hóa Việt ngày nay?

Thế nên lịch sử của dân tộc Việt Nam không phải là lịch sử của một cuộc Nam tiến. Trong giai đoạn đầu, những thổ dân bị một bọn người chinh phục từ Bắc kéo xuống. Bọn chinh phục này

là bộ lạc Lạc Việt nên khi thành công rồi thì tổ chức thành Lạc Vương, Lạc Tướng, Lạc Hầu, nhưng lại bị đồng hóa theo thổ dân, nói theo tiếng nói của thổ dân gọi « ngựa trắng » chứ không nói « trắng ngựa ».

Ở phương Nam cũng có một hiện tượng như thế. Thổ dân bị những người chinh phục Chăm, Khmer, từ ngoài biển kéo đến mà lập những tổ chức Chăm Khmer nhưng không diệt được bản chất của thổ dân.

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn thống nhất theo lối phong kiến, không khác nào như ở Tàu, ở Pháp hay bất cứ đâu đâu. Giai đoạn này chấm dứt với thời Tây sơn và ngay bây giờ cuộc thống nhất với hình thức mới hãy còn đang diễn,

Nếu có một quan điểm lịch sử không thiên cận, thì việc tìm tòi nguồn gốc

của dân tộc Việt Nam không nên dựa vào những chuyện truyền kỳ như là Âu Cơ đẻ ra cái bọc trăm trứng, cũng không nên dựa vào những giả thuyết hoang đường, về việc đoàn người di cư từ Tây tạng hay là Dương Tử Giang (bởi vì không phải là cả dân tộc Việt mà chỉ là một phần bé nhỏ kẻ chinh phục mà thôi).

Tìm nguồn gốc dân tộc Việt Nam ấy là tìm cái nền gốc, tức là đám thổ dân ở trên dải đất này, bị chinh phục, ở Bắc do Lạc Việt, ở Trung do Chăm, ở Nam do Chân Lạp, rồi lần lần đồng hóa.

Một bộ sử học viết theo quan điểm này mới thiết là một bộ Việt Nam sử. Bởi vì nó tả được sự cấu tạo và trưởng thành của dân tộc Việt Nam.

HỒ HỮU TƯỜNG

(TIẾNG VIỆT số 1 ngày 19-3-1948)

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TẠI NẠN GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT-LÃNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LÃNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG - TY BẢO - HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

Vốn : 8.750.000.000 Phạt Lãng

Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG
LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

GIẤY NÓI : 21.253 — 23.913

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES:

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*

Bàn thêm về

VẤN ĐỀ ĐÁNH TRẺ

• NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Mười năm trước, có lần tôi được gặp một nữ giáo viên rất lưu tâm tới Tân Giáo Dục, đã du học Âu Mỹ về. Cô hoạt bát, hiếu khách, nên câu chuyện kéo dài khá lâu. Tôi đề ý nhận xét thì thấy cô chưa có kinh nghiệm gì riêng cả, toàn là lặp lại ý kiến của người. Tôi đã lễ phép ba lần xin cáo từ, chủ nhân đã đưa tôi ra tới cổng mà câu chuyện cũng vẫn thao thao chưa dứt. Đột nhiên ở bên hàng xóm có tiếng đàn ông quát tháo, rồi có tiếng roi quất, có tiếng trẻ khóc. Nữ giáo viên nọ mặt đương tươi bỗng sầm lại. Cô bỏ dở câu chuyện mà thốt ra câu này tới nay tôi vẫn còn nhớ : « Đồ dã man ! Con nít chứ phải là thú vật đâu mà đánh nó ! » Cặp môi son của cô tru ra khi cô dẫn vào tiếng thú, cặp lông mày kẻ chì của cô cau lại, tôi thấy

sao mà dữ thế. Bao nhiêu cái duyên của cô biến đi đâu mất hết, và tôi chỉ còn thấy trên mặt cô toàn những nanh cùng mỏ.

Tôi hơi ngượng — tại sao lại ngượng, tôi cũng không hiểu nữa, cảm giác tôi lúc đó thật khó tả — tôi hơi bực mình, muốn đáp lại cô một câu, đại ý : « Bên Tây bên Mỹ ra sao tôi không biết, chứ trong xã hội Việt-Nam này, cha mẹ nào mà không có lần đánh con ? Ngay như chúng mình đây, hồi nhỏ ai mà khỏi bị đòn ? Không lẽ tất cả những cha mẹ đó đều là dã man, đều coi con như loài thú vật ». Tôi đã định đáp như vậy nhưng sợ phải nghe cô thuyết hăng giờ nữa, tôi đành làm thinh và nhân lúc cô còn hăm hăm ngó qua nhà hàng xóm, tôi cúi đầu chào rồi đóng.

Về giáo dục, chắc hẳn cô ấy học nhiều hơn tôi, nhưng dù cô ấy có dẫn lời của tất cả các nhà Tân giáo dục Âu Mỹ, từ Pestalozzi tới Dewey, Montessori, Decroly, vân vân ... để triệt để cấm đoán sự đánh trẻ, bất kỳ trong hình thức nào, để mặt sát tất cả những người đánh trẻ, bất kỳ trong trường hợp nào, thì tôi vẫn không tin rằng chủ trương của cô ấy đúng.

..

Tôi xin thưa ngay rằng nói vậy không phải là tôi bênh vực chính sách roi vọt và khuyên các bậc phụ huynh phải dũ đòn thì trẻ mới ngoan. Hồi nhỏ tôi đã học một trường có mười lớp mà tới bốn ông giáo dũ đòn, có ông dùng dùi trống, có ông dùng thước kẻ bằng dài hai thước, rộng một tấc và dày hai phân để «trị» học sinh và học sinh chúng tôi sợ một phép, nên các ông ấy rất ít khi phải «ra tay». Tôi đã có lần thấy một anh bạn học hiền lành, chỉ vì lỡ lời, thốt ra một tiếng mà chính anh ta không ngờ rằng không được nhã, tiếng «búi tóc» (tức búi tóc) mà bị một cụ Cử cụ học bạt tai đến nổi chảy máu mũi và lần ấy tôi đã bất bình, bốt lòng kính trọng nhà Nho đó. Và trong mười mấy năm tôi chỉ đánh con tôi có ba bốn lần, hai lần qua cơn giận rồi, tôi hối hận đến rớt nước mắt; trong năm sáu năm tôi chỉ cú đầu đứa cháu tôi có một lần, lần nó cao hứng đi chơi không cho nhà hay, làm cho cả nhà nhốn nháo lên đi tìm nó tại khắp các ti Cảnh sát Đô thành, mười một giờ khuya mới gặp được nó ở nhà một người bà con.

Không, tôi không muốn đánh trẻ. Mà có ai muốn đánh trẻ không nhỉ? Nhưng bảo đánh trẻ là dã man, là coi trẻ như loài thú, thì nhất định là phản đối. Lời đó sai. Ba tôi thường đánh tôi hồi nhỏ, lúc đó có lẽ tôi cũng có lần oán người thật, nhưng bây giờ tôi mừng rằng đã được sinh trong một gia đình nghiêm khắc, và tôi biết chắc rằng người không coi tôi như một con thú, trái lại là khác. Mà giả sử khi tôi dưới năm tuổi, người có cho tôi là một con thú thì cũng là có lý.

Tôi nhớ lại Anatole France đã tả đứa con gái của ông tên là Suzanne phùng mang trợn mắt lên, khi cào mặt đĩa để bắt con gà vẽ trên đó mà không được. Lúc đó ông thấy nó gần như một con thú. Tôi nhớ lại những con cháu của tôi, đứa nào hồi hai ba tuổi, đòi một cái gì mà không được thì cũng ngồi bệt xuống đất có khi nằm lăn ra, dẫy dụa, la hét. Không biết loài cọp con có dữ như vậy không, chứ những con mèo con, con chó con, con bê, con nghé hiền hơn chúng nhiều. Mà lớn lên con người nhiều khi có hơn gì loài thú đâu. Năm trước đây, hai tên lính, coi cọp báo không được, về nhà xách lựu đạn lại trả thù người bán báo, làm mấy người chết, hai chục người bị thương. Rồi người ta còn kể chuyện những kẻ chiến xáo gan của nhau để ăn nữa chứ! Cọp, sư tử, có loài nào tàn nhẫn với đồng loại như thế đâu. Vậy thì sao lại tự phụ rằng người không phải là thú vật? Đành rằng chúng ta hơn thú vật ở nhiều điểm: có hai tay, có ngôn ngữ, biết suy nghĩ ... nhưng chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng con người không

phải là thiên thần mà vẫn còn giữ nhiều thú tính.

Một ông bạn tôi có một đứa con gái mười một mười hai tuổi. Bà vợ có tánh hay nói, hay rầy con. Một lần nó tức bực quá, thốt lên một câu : « Má ác ôn, má chết đi ! » Không khí trong phòng bỗng lạnh ngắt. Ông bạn tôi lặng lẽ, tiến lại bạt tai cho nó một cái nên thân. Nó biết lỗi, thui thủi vào bếp và cả hôm đó nó không dám nhìn mặt ba mẹ nó nữa.

Một ông bác tôi được mọi người trong họ gọi là Phật Sống. Cụ hiền tới nỗi hồi nhỏ anh em chúng tôi tính nghịch có lần cầm một que đóm, châm lửa lên đốt chân cụ xem phản ứng của cụ ra sao. Cụ hốt hoảng rút chân vào, nhìn thấy chúng tôi, nhưng chỉ : « Hừ ! nghịch nào ! », rồi lại điềm nhiên như thường. Vậy mà có lần cụ đã vác gậy đuổi đánh người con trai của cụ chỉ vì cậu Tú (cổ học) đó đã tàn nhẫn với người vợ đương có mang. Một tuần lễ sau cậu Tú mới dám trở về nhà xin lỗi cha.

Trong hai câu chuyện đó thì người cha đánh con là dã man, hay người con là thú vật ? Riêng tôi tôi thấy con thịnh nộ của ông bác tôi lần đó rất đẹp.

Con người không thể không sống chung với nhau được, mà sống chung là có sự câu thúc, không thể phóng túng được. Dù văn minh tới mấy, có giáo dục tới mấy mà chưa tới được cái trình độ minh tiết của Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca, Ki Tô... thì ai cũng có những lúc gắt gỏng bất công hoặc hung dữ mà cha mẹ hóa ra khe khắt với con cái, con gái hóa ra vô lễ với cha mẹ. Tới một mức

nào đó cha mẹ có thể bỏ qua cho con được ; quá cái mức đó thì phải trừng trị, mà trong lúc giận dữ có đi quá cái lẽ phải cũng là chuyện thường. Còn con cái thì phải nhìn cha mẹ, nếu quá một mức nào đó, không thể bình tĩnh được nữa thì tạm lánh mặt đi, như vậy mới là phải đạo.

Tôi không biết ông hàng xóm của cô giáo tân tiến nọ đánh con vì lẽ gì, nhưng bảo ông ta là dã man thì quả là tàn nhẫn quá. Biết đâu chừng ông ta chẳng có nhiều nỗi khổ tâm mà người ngoài làm sao thấu được

xXx

Chúng ta thường có thói quá giản dị hóa vấn đề : hễ không phải thì là trái, không đen thì trắng, không tự do thì là độc tài, không văn minh thì là dã man, không là con người thì là con thú... Nhưng việc đời đâu phải giản dị như vậy : có biết bao trường hợp khác nhau, có biết bao nỗi lòng tế nhị, trong cái đại đồng có biết bao cái tiểu dị.

Chỉ đặt vấn đề : « Nên đánh con hay không ? », rồi trả lời rằng « có » hoặc « không », là có một thái độ nông nổi.

Đánh trẻ là là để dạy trẻ. Nếu có thể dạy trẻ mà không cần đánh thì quý nhất rồi, đỡ khổ thân cho trẻ mà cũng đỡ khổ tâm cho cha mẹ và ông thầy. Tôi cũng nhận rằng có những trường hợp không cần đánh mà trẻ cũng ngoan, nhưng những trường hợp đó tương đối hiếm, tỉ số chỉ là một phần mười, một phần trăm hoặc một phần ngàn. Là vì cần có nhiều điều kiện.

Trước hết đứa trẻ phải bẩm sinh ngoan ngoãn, dễ dạy. Thuyết của Rousseau, của Tolstoi cho rằng trẻ nào sinh ra cũng tốt, rằng thiên nhiên bao giờ cũng hoàn hảo, mà xã hội làm cho con người hư hỏng, thuyết đó theo tôi chỉ là một huyền thoại, trừ phi người ta hiểu tốt, thiện là biết hô hấp, biết bài tiết, biết cử động, biết bú và biết *thích* (chứ chắc đã là biết *yếu*) người cho bú. (1)

Cứ nhìn chung quanh, ngay trong gia đình mình, chúng ta cũng thấy có những đứa trẻ hiền lương, có những đứa hung dữ, có những đứa thích hoạt động, có những đứa chậm chạp,... tùy di truyền, tùy thể chất từng đứa.

Rồi lại phải có những bậc cha mẹ hay thầy dạy sáng suốt, tận tâm, có thì giờ để săn sóc trẻ từng li từng tí.

Sau cùng, cần có những hoàn cảnh tốt nữa : trẻ phải được đủ ăn, đủ mặc, được mọi người chung quanh âu yếm, không ai nêu gương xấu cho chúng bắt chước.

Đối với những đứa trẻ không có đủ những điều kiện đó thì đôi khi phải tạm dùng roi. Đánh trẻ chỉ là một lối tạo những phản ứng có điều kiện (điều kiện đó là cái roi) để chúng tập những thói quen nào đó, vào một khuôn phép nào đó. Cách đó tất nhiên là có phần bất nhân, nhưng nhiều khi hiệu quả mau mà chắc chắn. Tôi mong rằng sau này loài người văn minh hơn, quốc gia nào cũng có thể bỏ chừng một phần ba lợi tức vào sự giáo dục (ngày nay ngân quỹ dùng vào giáo dục chỉ bằng một phần mười, một phần hai mươi lợi

tức quốc gia), đào tạo được những bậc cha mẹ, ông thầy sáng suốt và cứ năm sáu đứa trẻ thì có một người hiểu tâm lý trẻ em, trông nom, lúc đó mới có thể triệt để áp dụng những lý thuyết Tân Giáo dục rất xác đáng của Montessori, Decroly... và may ra mới có thể bỏ hẳn sự đánh trẻ được. Còn trong hiện tình xã hội, cứ viện những lý thuyết Tân Giáo Dục đó ra mà cấm sự đánh trẻ thì không mấy người theo được, hoặc có theo thì lại theo bậy, cho trẻ phóng túng mà chúng sẽ hư thêm thôi.

Vậy đánh trẻ mà chúng sợ, biết sửa lỗi, lại không oán mình, không hóa ra mất hẳn cá tính, thì là việc không có gì đáng trách cả trong xã hội hiện tại.

Nếu đánh mà chúng vẫn không chừa, hoặc sinh ra oán mình hoặc hóa ra sợ sệt giả dối, thì là không có công hiệu, là vô ích, phải sửa đổi lối dạy, giao cho người khác hoặc một cơ quan nào đó trông nom, uốn nắn chúng.

Còn như giận cá chém thớt, vì có điều gì bức mình mà trút sự bức mình lên đầu đứa trẻ, đánh nó không phải là để sửa lỗi cho nó mà chỉ để cho hả cơn tức của mình, thì nhất định là một hành động xấu xa rồi. Nhưng trong trường hợp này tôi thấy thương cả người cha lẫn người con, không oán ai cả.

Đó theo thiên kiến, chúng ta phải phân biệt ít nhất là ba trường hợp đánh trẻ như trên ; trong mỗi trường hợp

(1) Những cái đó không tốt, không xấu, chỉ tự nhiên, thế thôi. Bảo nó là tốt thì cũng được, nhưng lại phải định nghĩa thế nào là tốt.

còn nhiều hoàn cảnh khác nhau cũng nên xét nữa, chứ không thể nhất thiết phán quyết một cách giản dị rằng tuyệt nhiên không nên đánh trẻ, rằng đánh trẻ là dã man, là coi chúng như loài thú vật.

Không tử bảo : « Đạo không xa người, cái gì người ta coi là Đạo mà lại xa người thì không phải là Đạo », nói cách khác là học thuyết nào cũng phải cận nhân tình. Lập ra một học thuyết là để giúp đời, tạo hạnh phúc cho cá nhân và xã hội ; vậy thì học thuyết đó phải hợp nhân tình đã, nếu trái nhân tình thì làm sao tạo hạnh phúc cho con người được ; nó lại phải thực hiện được trong những hoàn cảnh hiện tại, hoặc trong một tương lai rất gần ; sau cùng lại phải xét kết quả có bổ với công không, lợi có bù hại không ; nếu không đủ ba điều kiện đó thì học thuyết dù hay tới mấy, hợp « lô-gích » tới mấy, cao thượng tới mấy cũng là vô dụng.

Mà cái thuyết không được đánh trẻ đã không cận nhân tình (không hiểu nỗi lòng của phần đông người cha, nên mới nặng lời cho họ là dã man ; không hiểu cả tâm lý của trẻ, chúng không hoàn toàn là những vị thiên thần), lại không thực hiện được trong hiện tình xã hội như trên chúng tôi đã nói, mà nếu có đem ra thực hiện thì trong đa số trường hợp lợi bất cập hại. Gần đây các nhà giáo dục ở Mỹ đã nhận thấy rằng chính sách phóng túng của họ đối với trẻ nên sửa đổi lại, họ muốn :rở lại dùng kỷ luật như ở Anh Pháp. Vì họ thấy trẻ không ưa thái độ nhu nhược của người lớn, thích được đối

đãi một cách cứng cỏi nhưng công bằng và thân thiết.

xXx

Trở lên trên là xét về sự đánh trẻ trong gia đình. Còn tại học đường ? Ông Pestalozzi bảo thầy không được phép đánh trò vì (nếu tôi không hiểu lầm ông) giữa thầy và trò không có « không khi cảm thông thấu thía » như giữa cha và con. Coi bài « Một nhà đại giáo dục » của ông Thiên Giang (Báo Hồn Trẻ số 1 ngày 15-12-1964). Lời đó thật hồ đồ, không thể nêu lên làm qui tắc được. Tôi thấy đôi khi có sự cam thông giữa thầy và trò hơn là giữa cha và con, trong trường hợp đó thì thầy được đánh trò chứ ? Ông cũng mắc cái tật giản dị hóa vấn đề, không đề ý đến hoàn cảnh, đến tính tình của mỗi hạng trẻ, đến tuổi của chúng.

Bộ Quốc gia giáo dục của Pháp cũng triệt để cấm sự đánh học trò, từ hồi nào thì tôi không rõ, chắc là đã từ lâu lắm, và bộ Quốc gia giáo dục của ta cũng theo Pháp ; có thể nói rằng ở gần khắp thế giới, người ta đều theo chính sách đó. Sở dĩ vậy có lẽ là vì một số nhà giáo đã lạm dụng cái quyền đánh trẻ và gây nhiều sự xung đột giữa trường học và gia đình mà chính quyền muốn tránh những sự rắc rối đó. Nhưng khi cấm đoán như vậy, rõ ràng là chính quyền muốn trút bớt cái trách nhiệm đào tạo con em đi : chúng hay hoặc dở là trách nhiệm của gia đình ; học đường chỉ khuyên bảo, phạt (chứ không đánh) quá lắm thì đuổi đi, cha mẹ chúng làm sao thì làm, có muốn cho vào trại giáo huấn thì chính quyền sẵn lòng nhận, mà cái không khí trong trại ra sao, ai

cũng đã biết. Ông giáo ngày nay không chịu một chút trách nhiệm gì về học sinh của mình nữa, ngoài khu vực học đường; khác hẳn với các cụ đồ thời xưa: môn đệ dù lớn rồi mà có tội thì chẳng những thầy bị tiếng xấu lây — mà có khi còn bị tội lây nữa (như vậy cũng thái quá) Nhưng phép nước là một chuyện mà lòng dân lại là một chuyện khác. Luật lệ thì tuyệt đối cấm thầy không được đánh trò, mà trong các trường tiểu học, chẳng những bên ta mà cả bên Pháp, người ta vẫn thấy nhiều giáo viên bạt tai, cú đầu, khẻ tay học trò. Nhà cầm quyền biết dư chứ, nhưng vẫn làm lơ; cha mẹ biết dư chứ, nhưng đại đa số đã không lấy vạ làm phiền mà còn lấy làm mừng: “Xin thầy cứ đánh cho, ở nhà chúng tôi dạy nó không được.”

Tôi nghiệm thấy rằng những gia đình nền nếp luôn luôn kính trọng những ông thầy nghiêm khắc và có tư cách; chỉ bọn trọc phú bạo phát mới có thái độ bình con mà thừa kiện ông thầy. Pháp đình gặp những vụ kiện rất hiếm đó, thường bênh vực ông thầy; chỉ những giáo viên thực có lỗi nặng, đánh trò mà gây ra thương tích thì mới bị phạt; còn

như nếu đứa nhỏ quả có lỗi mà sự trừng phạt không gây thương tích thì kẻ đi thưa có thể phải nghe một bài học đích đáng là khác. Tôi còn nhớ mười lăm năm trước, một nhân viên Công an kiện một ông giáo đánh mắng con mình, bị một vị Thẩm phán người Pháp mắng cho rồi đuổi về.

Vậy là phong tục hoặc lòng muốn của dân đã sửa đổi được phần nào sự quá gắt gao (hay là quá dễ dãi?) của luật pháp.

Gần đây một tờ báo ở Huế nêu lên vấn đề kỷ luật trong học đường, đưa ra ý kiến này là kỷ luật ngày nay phải xây dựng trên nguyên tắc: thầy trò coi nhau như anh em; vì cái nguyên tắc “sư phụ” đã lỗi thời rồi. Nếu là ở tiểu học thì nguyên tắc đó hồng: các em chín mười tuổi trở xuống luôn luôn coi thầy cô như cha mẹ, chúng thích như vậy; còn nếu là ở Trung học thì đề nghị trên là thừa: trừ lớp đệ thất ra, ở Trung học tinh thần “sư phụ” đã mất từ lâu (phần lớn do tư cách của giáo sư) mà tinh thần huynh đệ cũng đã bị vượt rồi, hiện nay đã bắt đầu vào giai đoạn “bằng hữu” rồi cần gì phải hô hào nữa!

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Đã phát-hành:

Nghìn khuya

★ Thơ TƯỜNG-LINH

Mọi liên lạc xin do nơi:
75, Đường Lý-Trần-Quán — SAIGON

Truyện ngắn LÊ-TẮT-ĐIỀU

TRONG VÁN CỜ CUỐI

Chuyện của tụi tôi thiếu gì. Đề tôi kể một chuyện vừa xảy ra tại đây, cũng trong căn phòng này, cho ông nghe. Ông hỏi cả dãy ai cũng biết chuyện đó hết. Bởi vì, khi thằng Vạng chết, tất cả đều chạy đến nhìn mặt nó lần cuối và xúm lại an ủi Hai Ngôn.

Ông coi cái giường kê ở góc phòng. Đó, cái giường có một bệnh nhân nằm bất động và vẫn còn đang được tiếp máu. Chúng tôi gọi đấy là giường "ba khúc" vì nó được chia làm ba phần chính. Mỗi phần có thể điều chỉnh nâng cao, hạ thấp. Nhờ vậy, bệnh nhân thay đổi thế nằm cho đỡ khó chịu. Chỉ người nào bệnh nặng, nằm liệt, cử động khó khăn mới được nằm lên đó. Mấy ngày cuối cùng ở trên đời, thằng Vạng cũng đã bị dán chặt vào cái giường ấy. Hai Ngôn suốt ngày quanh quẩn bên giường, chỉ đợi thằng Vạng sai cái gì là tức tốc làm liền.

Hai Ngôn cao lêu đêu và đặc biệt có một cái cổ dài. Đầu hắn cứ lúc lắc luôn lại càng làm cho người ta thêm chú ý đến chiều dài cái cổ. Đầu hắn hớt trọc, chỉ còn những mẩu chân tóc lởm chởm xanh. Trong bộ quần áo bệnh nhân hắn có vẻ ngồ ngáo và xộc xệch như một tù nhân. Hắn có giọng nói đặc biệt hơi khàn hàn như người chớm bị khản cổ. Nhưng khi cần hắn cất cao giọng, tiếng hắn đột nhiên trong và sắc như tiếng một cô gái chưa ngoa.

Thằng Vạng người tầm thước, trắng trẻo, đẹp trai, vui tính. Nó có thể vui đùa ngay trong thời gian bệnh hoạn. Vạng ham đánh cờ vô cùng. Hai Ngôn cũng thế. Đó có lẽ là một trong những điều khiến hai người càng ngày càng thân nhau.

Cả hai cùng đưa về nhà thương một lượt vì đã bị thương trong cùng một trận đánh. Bệnh tình Hai Ngôn có vẻ nặng hơn thằng Vạng. Những mảnh gang nhỏ như hạt đậu ghim chi chít ở sườn, ở cánh tay phải hằn và còn điểm vài vết ở vai. Công việc lấy mảnh đạn ra phải chia làm nhiều chặng. Hai Ngôn chỉ biết nằm rên, đợi giây phút lên bàn giải phẫu.

Vạng kêu rằng nó bị thương trong ngực. Chắc ở trong đó có một thứ gì bị đập nát, hư hại nặng nề. Nó luôn luôn cảm thấy khó thở và đôi lúc ngực đau nhói khiến nó phải nằm dài ra thở dốc, mồ hôi toát đầm đìa, hai tay lạnh ngắt. Bác sĩ ghăm xong cho biết là nó sẽ phải chịu một cuộc giải phẫu khó khăn. Trong khi chờ nườ lên bàn mổ, Vạng tỏ ra khoẻ mạnh, không chịu nằm một chỗ. Nó đi la cà sang cả các phòng khác để kể lại trận đánh một cách say sưa.

Trong phòng, Vạng không phải là bệnh-nhân mạnh nhất, nhưng, thấy nó có chiều liên lạc với Hai Ngôn, chúng tôi giao cho hắn việc săn sóc anh này. Hắn nhận công việc và làm thật chu đáo. Mấy hôm đầu Hai Ngôn đau mê man đi, thỉnh thoảng hơi tỉnh, hắn chỉ nói khe được hai tiếng :

— Cảm ơn.

Bao giờ Vạng cũng trả lời :

— Thôi, nghỉ đi cho khoẻ.

Rồi, một buổi sáng, Hai Ngôn mở mắt trong một cảm giác thoải mái. dễ chịu. Các vết thương không còn hành hắn nữa. Hắn tươi cười như sắp sửa có thể đi lại bình thường được rồi. Thường thường bọn chúng tôi khi gần khoẻ hẳn đều có những cảm nghĩ giống nhau. Sau bao giây phút rã rời, hoảng hốt chống chọi với bệnh hoạn, chúng tôi chợt thấy mình vừa trở lại đời sống. (Trước thì lúc nào cũng như bị treo lơ lửng ở một địa ngục nào đó). Bệnh nhân thấy nắng đẹp hơn, cây cỏ tươi hơn và bầu không khí lành như cũng thơm tho, trong sạch hơn. Hai Ngôn nói :

— Chà ! khoan khoái, nhẹ nhàng quá.

Vạng cười :

— Làm gì chả nhẹ nhàng. Các bác sĩ gấp ở sườn anh ra hơn một kí lô sắt, gang đấy !

Hai Ngôn cũng toét miệng cười :

— Dữ vậy !

— Đã hết đau. Họ còn để lại cho anh ít miếng ở vai để làm kỷ niệm. Anh đi cầu không nghe miếng gang rút kêu loong coong sao ? Tôi nghi đạn vỡ tới ruột anh lận.

— Thôi, đừng dóc cha !

Hai Ngôn nhìn kỹ Vạng, chớp mắt, mỉm cười như cảm động. Hắn biết rằng Vạng là người vẫn sẵn sóc hắn, đồ phân, nước tiểu đi cho hắn. Đó là người, trong cơn mê sảng, không muốn nhìn thấy gì, hắn vẫn cố nói với anh ta hai tiếng cảm ơn. Bây giờ, hắn mới có dịp nhìn Vạng thật lâu, hắn nói :

— Thằng cha này đẹp trai ghê. Lĩnh trắng gì mà trắng như công tử bột.

Có lẽ sung sướng đến độ lúng túng vì câu khen ngợi, Vạng cụt hứng nói. Một bệnh nhân già nói đùa :

— Chú ấy thuộc loại lĩnh suốt ngày cọ rửa cầu tiêu, đánh chác gì mà đen. Coi tôi này, đi hành quân nhiều nên đen như ma-rốc.

Vạng cãi :

— Chưa chắc. Biết đâu bác là lĩnh nấu bếp, bị khói ám.

Hai Ngôn có vẻ không chú ý đến cuộc cãi vã lằm cằm giữa hai người. Hắn vẫn đắm đắm nhìn Vạng :

— Có vợ chưa mày ?

Vạng chưa kịp trả lời, bỗng dưng Hai Ngôn, như bị kích thích bởi bản tính đùa cợt sẵn có, ngoeo đầu, lên giọng cao :

— Anh ba ơi ! Anh có vợ chưa ?

Tiếng hắn trong trẻo như phát ra từ cuống họng, chỉ hơi có vẻ đánh đá, sắc nét hơn giọng một cô gái bình thường đôi chút. Cả phòng ngẩn ra, kinh ngạc, không ngờ Hai Ngôn có tài nói giọng nữ hay đến thế. Vài người bật cười to, khâm phục. Vạng hấp tấp trả lời :

— Anh có ba đứa rồi, muốn cưới thêm em là bốn.

— Thôi . . . sợ mấy chị kia tạt át-xít chết em.

— Khỏi lo. Anh sẽ đưa đầu ra hứng giùm cho.

— Thôi mà . . . dụ dỗ người ta hoài.

— Thôi mà . . . theo anh đi. Anh có lầu đề ở, anh có xe đạp, anh có viết nguyên tử Bic, anh có một đôi giày và hai đôi dép nữa.

Cuộc đối đáp giữa Hai Ngôn và Vạng cứ thế kéo dài làm cả phòng cười nghiêng ngả. Sự mâu thuẫn giữa giọng nói và khuôn mặt hắn có một vẻ hài hước đặc biệt. Mặt hắn xấu xí, dữ dằn, giọng nói thì trong trẻo, nũng nịu. Nhiều lúc chúng tôi có cảm tưởng là một cô gái vô hình ngoan ngoãn vừa đến phòng này.

Vở hài kịch bất ngờ, tuy không xuất sắc lắm vẫn khiến cho bọn tôi quên đau đớn, phiền muộn một phần nào.

Vì phải cố gắng vận dụng gân cổ để nói giọng con gái, Hai Ngôn mệt trước.

Vạng vội vàng đi kiếm nước cho hắn. Kể từ sáng hôm đó Hai Ngôn mới chính thức tham dự vào sinh hoạt vui nhộn của phòng.

Buổi chiều, hắn đã đi lại được và lần ra hiên đứng nhìn trời, ngắm cảnh. Có lẽ Vạng cảm thấy việc Hai Ngôn khỏe lại cũng nhờ công lao nó một phần, nó có vẻ thích thú. Vạng muốn diu Hai Ngôn đi lang thang trong bệnh viện, nhưng chúng tôi can. Nó sang phòng bên cạnh mượn một bàn cờ về và rủ Hai Ngôn đánh. Chỉ mười phút sau tài đánh cờ của Hai Ngôn đã làm cho cả phòng phục lẫn. Hắn đánh như rờn, bỏ ba, bốn lần chiếu bí, chỉ chặt quân. Quân của Vạng bị chém chặt thành hai chồng cao, còn mỗi ông tướng và đám tàn quân bốn, năm mống chạy quanh quân. Chúng tôi xúm quanh Vạng chỉ về, mách nước. Hai Ngôn không thèm nói gì, tiếp tục đi quân cho đến lúc bọn tôi cũng lắc đầu chịu bại.

Trừ lúc cất giọng con gái phải tạo nét mặt nũng nịu, duyên dáng cho hợp, bình thường, Hai Ngôn có nét mặt lừ lừ, tỉnh khô. Nhìn ai, hắn nhìn vào mặt người ta thật lâu. Đôi mắt hơi dại như mắt người kém thông minh, chậm hiểu. Khi nào đắc trí lắm hắn mới thò ngón tay vào lỗ mũi ngoáy khẽ vài cái và mỉm cười kín đáo. Miệng hắn rộng, lúc cười để hở rất nhiều răng. Thắng ván cờ, hắn cười, cái cười rộng rãi, hồn nhiên, không có một thoáng kiêu căng, chế riễu. Cả phòng không ai bức mình. Vạng bớt cảm thấy tài nghệ mình quá kém. Nó háng hái bày ván khác.

Đêm hôm đó, Hai Ngôn thức khuya, không phải để kêu rên mà để kể chuyện cho Vạng nghe. Đủ thứ : chiến trận, gia đình, tâm sự vụn. Thỉnh thoảng, Vạng lồm cồm bò dậy lấy cái ca nhôm kiếm nước cho cả hai uống. Họ nhắc lại các chi tiết trong trận đánh mà họ cùng tham dự nhưng mỗi người ở một vị trí khác. Gặp những đoạn cả hai cùng thấy giống nhau, Vạng nhắc đi nhắc lại một cách sung sướng.

Họ cùng hốt hoảng, tranh nhau nói, vẻ mặt nghiêm trang như hiện họ đang chiến đấu cạnh nhau trên trận địa. Từ hai cái miệng nói lia lịa của Hai Ngôn và Vạng đạn réo, súng nổ, bom rơi mù trời. Vạng lẩn lóc trên giường khoa chân múa tay để diễn tả cử chỉ của hắn lúc cầm súng bảo vệ đồn. Mãi cho đến lúc hắn làm rơi cái ca nhôm, một bệnh binh già giật mình tỉnh dậy, nổi giận, văng tục, cả hai mới khuyên nhau nằm yên ngủ.

Sáng hôm sau họ đã tỏ ra thân nhau như ruột thịt. Họ dùng chung các dụng cụ lật vật. Vạng đưa hai Ngôn vào phòng rửa mặt và giúp hắn lau rửa mình mẩy chân tay. Sau đó họ lại ngồi gật gù đối diện nhau trước bàn cờ. Hai Ngôn vừa đánh vừa chỉ bảo. Vạng thì mỗi lần nhắc một quân lên, sắp đi, lại ngược nhìn hai Ngôn xem anh này có cho là cách đi quân của mình đáng chê trách không. Giữa ván cờ thỉnh thoảng họ đôi giọng tạo một màn hài hước nho nhỏ : một chàng trai tán tỉnh một cô gái, hai vợ chồng cãi vã vì chuyện tiền bạc, ghen tuông v.v ..

Đến giờ các thân nhân của thương binh vào thăm, cả hai vẫn tỉnh khô, tiếp tục ngồi đánh cờ, đùa rờn với nhau. Một lần, có lẽ chợt chú ý đến những câu thăm hỏi ồn ào xung quanh, Vạng hỏi :

— Sao mấy bữa nay không thấy ai vào thăm anh ?

Hai Ngôn đưa tay xoa cằm :

— Tao đi giang hồ từ hồi nhỏ. Bà con xóm giềng biết gì mà thăm hỏi. Vợ con chưa có.

— Tôi cũng vậy.

Hai Ngôn hơi ngạc nhiên :

— Ông già, bà già mầy đâu ?

— Chôn hết rồi. Còn cái chuyện vợ con ...

Vạng ngồi thẳng người, co hai chân xếp vòng tròn, trịnh trọng xắn cao tay áo. Trên cánh tay trái hắn có xăm một hàng chữ xanh nhạt kéo dài từ bắp vai tới khuỷu tay: «Hận gái bạc tình». Phía trên hàng chữ là hình một con chim nhạn đang bay, phía dưới một trái tim với mũi tên xuyên ngang.

Hai Ngôn gật đầu :

— Nó thôi mày theo thằng khác ?

— Chứ không thì mang hận làm chi.

— Lấy nhau chưa ?

— Chưa.

— Vậy thì hận mẹ gì được. Mà ... mày đẹp trai bị gái cho tuột dù cũng kỳ há.

Vạng làm ra vẻ nghiêm trang vừa xóa bàn cờ nó sắp thua vừa kể câu chuyện tình bi đát của nó cho hai Ngôn nghe.

Những ngày sau, hai Ngôn càng ngày càng khỏe. Đôi lúc cao hứng, hắn còn dám xuống tấn hoa một đường đề chỉ cho Vạng vài thế võ. Vạng lâu lâu mới bị cơn đau trong lồng ngực làm cho tái người. Cả hai sống vui vẻ như những người mạnh khỏe quá nhân hạ.

Hai lần Vạng được đưa đến cửa phòng giải phẫu rồi lại bị trả về phòng. Vạng ngồi xếp vòng tròn, ngất ngheo giữa chiếc xe do hai người y tá đẩy. Ngực nó bị bôi thuốc đỏ như da con heo quay. Mặt nó hơi xanh xao vì lo lắng. Hai Ngôn lững thững đi hộ tống bên cạnh xe, an ủi Vạng, nói đùa cho Vạng bớt sợ. Nhưng thương binh cần cấp cứu được máy bay đưa về nhiều quá nên cuộc giải phẫu Vạng bị hoãn. Nó lại ngồi xếp vòng tròn cho người ta đẩy về. Hai Ngôn đón nó với nụ cười nửa như thất vọng, nửa như sung sướng.

Ngoài thú đánh cờ, cả hai thường giải trí bằng cách khoác tay nhau ra sân bay xem các thương binh được chở về. Họ nhập bọn với một số người khác vây quanh các thương binh còn khỏe để nghe kể về trận đánh mới. Không phải cả hai đều ham chuyện chiến trận. Thực ra, Hai Ngôn và Vạng chú ý theo dõi xem chàng nào hăng hái lớn tiếng kể chiến công nhiều nhất. Lúc được đưa từ máy bay xuống các thương binh chưa cảm thấy đau nhiều. Có người hai chân bị bó to tướng mà vẫn thản nhiên kể chuyện được. Nhưng chỉ một lát sau, các mảnh băng tạm bợ được gỡ ra. Vết thương bầm thối được rửa kỹ. Những mảnh da thịt nát được

gỡ rời khỏi xương, gân. Từng thớ thịt bị nứt nẻ. Lúc đó những người kẻ lẻ hăng nhất lại biến thành những kẻ kêu la dữ dội nhất,

Chọn được « nạn nhân » rồi, cả hai lếch thếch theo anh ta xuống phòng băng hoặc phòng mổ và đứng bên ngoài chờ. Phản ứng của mỗi người trước sự đau đớn một khác. Có người năn nỉ xin được chết. Có người vùng vẫy và to tiếng chửi.

Vạng và hai Ngôn ghi nhớ những trường hợp bi đát và về phòng kê lại cho mọi người nghe. Vạng thường giữ nhiệm vụ tường thuật vì nó nói có duyên, dễ làm mọi người cười. Nó đi từ đầu phòng tới cuối phòng, đề nhắc lại tấn thảm kịch.

Lúc đó, nét mặt nó đẹp đẽ, trong sáng, ngây thơ như mặt một đứa bé con. Hai Ngôn ngồi trên giường chăm chú theo dõi câu chuyện, lúc nào Vạng ngập ngừng, hẳn lên tiếng nhắc.

Ở góc cuối hành lang dãy phòng bệnh có một cây lớn cho bóng mát suốt ngày. Chiều nào cao hứng, cả hai kéo nhau đến đấy. Hai Ngôn đứng tì hai tay lên mặt bờ tường thấp còn Vạng thì leo lên ngồi vắt vẻo trên đó. Nó vuốt lại tóc, sửa lại áo, đôi mắt sáng long lanh nghịch ngợm. Khi có một cô gái nào đi qua Vạng nhồm lên gọi ới ới :

— Minh ới ! Anh ở đây mà. Lại đây mình.

Di nhiên cô gái biết bị trêu chọc, cúi đầu tiếp tục đi. Vạng làm bộ rên rỉ, nhăn nhó, than thở :

— Trời ới ! Cưng thương thằng cha nào rồi ! Sao anh ở đây mà không lại.

Nó quay lại phân bua với hai Ngôn :

— Anh thấy chưa ? Con gái bạc tình ! Vợ tôi nó bỏ tôi đi luôn rồi đó !

Lúc ấy, hai Ngôn thường có vẻ nghiêm trang, suy nghĩ, Hinh như hẳn không thú cái trò đùa kiểu này. Tuy nhiên, bao giờ hẳn cũng tìm được một câu trả lời làm vui lòng Vạng

— Chà ! Chắc vợ mày không thương chiến sĩ nữa. Thôi đem gả phứt nó cho dân vệ đi mày.

Buổi chiều ở bệnh viện thường buồn. Chúng tôi phải tìm nụ cười trong những trò vui vụn vặt nhất. Cả hai đã làm cho căn phòng ấm cúng và duyên dáng hơn. Hai Ngôn bắt chước giọng đàn bà và cất tiếng hát cũng khá hay. Vạng có thể dùng tây ban cầm đệm theo cả những bài tân nhạc lẫn cổ nhạc. Nếu không nhìn vào cái đầu lồm chồm tóc, cái mặt đen đũi xấu xí của hai Ngôn, chúng tôi có thể tưởng tượng là Vạng đang đàn cho cho một cô gái đẹp hát.

Thỉnh thoảng có một phái đoàn nào đó đến thăm chúng tôi đem đến quà bánh và những lời ủy lạo. Vạng và hai Ngôn đón tiếp họ một cách hững hờ. Vạng còn thì thầm vào tai hai Ngôn những câu phê bình, chỉ trích, hài hước đề cả hai kị

đáo cười với nhau. Người vào thăm được họ chờ đợi nhiều nhất là một bà phước già người Pháp. Bà nghe hiểu tiếng Việt rất lơ mờ. Câu tiếng Việt duy nhất bà có thể nói trôi chảy là :

— Con ơi ! Nếu đau đớn quá con hãy xin dâng nỗi khổ của con cho Chúa nhé.

Quà của bà chỉ có câu nói đó, nụ cười thương xót và vài cái kẹo nhỏ xíu. Bà đi đến các giường bệnh nhân nặng, nói câu an ủi duy nhất rồi xem xét các vết thương của họ. Giọng nói của bà lơ lớ, lạ tai. Các chữ trong câu mất hết dấu thường phải được nghe vài lần người ta mới hiểu bà nói gì.

Một tuần, ít nhất bà vào bệnh viện hai lần. Khi thấy thoáng bóng cái áo chùng thâm của bà hiện ra ở góc đường là Hai Ngôn và Vạng đã kéo nhau ra đứng ở cửa. Vạng reo lên như một đứa trẻ con :

— Quà của chúng con đâu mẹ ?

Hai Ngôn, như chúng tôi, cũng đều gọi bà là mẹ. Bà phước hấp tấp bước lên thềm. Bà luồn tay vào cái túi trong áo, lúng túng tìm kiếm mãi mới lôi ra được ba bốn cái kẹo xanh, đỏ bé tí. Vạng và hai Ngôn hớn hờ đón lấy món quà trẻ con đó. Thế rồi cả hai vừa nhai kẹo nhóp nhép vừa kể khổ. Vạng đứng trước hoa chân múa tay nói. Hai Ngôn đứng sau đặt hai tay và tỉ cầm lên vai Vạng. Thường thường Vạng nói hươu, nói vượn đủ thứ chuyện, chắc chắn bà phước không hiểu gì. Có lẽ bà tưởng nó đang kể chuyện bệnh trạng, bà chăm chú nghe. Dù Vạng nói trời, nói đất gì thì cũng không bao giờ bà bỏ đi giữa lúc nó đang nói. Câu chuyện luôn luôn kết thúc bằng lời an ủi lơ lớ của bà :

— Con hãy xin dâng nỗi khổ của con cho Chúa nhé.

Khi bà đi thăm các thương binh khác, cả hai cho tay vào túi áo lẻo đẻo đi theo cho đến lúc bà ra về.

Trong lúc cùng ngồi suy nghĩ về tương lai, Vạng khoe với Hai Ngôn rằng nó biết nghề chụp hình. Nó vẽ lên giấy những hình chẳng chịt để dạy hai Ngôn cách rửa hình. Cả hai hân hoan hy vọng rằng sau này, nếu phải giải ngũ, họ sẽ hợp tác với nhau làm nghề đó. Một hôm có phái đoàn báo chí đi cùng một ông lớn vào thăm bệnh viện. Vạng đi theo một chàng phóng viên trẻ, nhìn cái máy chụp hình của chàng ta với vẻ thèm thuồng. Cuối cùng nó cũng điều đình được với chàng phóng viên cho nó chụp một kiểu. Chính tay nó mở ống kính, định khoảng cách, định tốc độ lấy. Bấm xong, nó khoan khoái giảng cho hai Ngôn tất cả những kỹ thuật tân kỳ nó vừa sử dụng và tin chắc rằng đó là một trong những cái hình sáng, đẹp nhất. Hai Ngôn vừa nghe vừa gật gù thán phục.

Ngày Vạng được đưa lên bàn mổ thực sự cũng là ngày Hai Ngôn bị đổi sang phòng khác vì hẳn thuộc loại « bệnh nhân khoẻ » rồi. Đã quen với việc ngồi ngất nghe trên xe cho người ta đưa xuống phòng giải phẫu, Vạng không còn lo sợ nữa. Nó ưỡn cái ngực bị bôi thuốc đỏ lồm ra và nói với cả phòng :

— Tôi sắp được đưa đi làm thịt. Ai cần khúc nào, bao nhiêu ký thì còm-măng trước đi.

Cả phòng chúc nó gặp may mắn. Hai Ngôn lại lững thững đi hộ tống Vạng đến cửa phòng mờ.

Sau cuộc giải phẫu gay go, Vạng được xe xuống phòng lạnh. Hai Ngôn đi tha thần một mình suốt buổi chiều quanh đó lâu lâu lại dán mũi lên cửa kính nhìn vào phía trong khi hắn trở lại phòng, không để ai kịp hỏi, hắn nói :

— Mẹ nó ! Nằm ngay đơ như chết ! Hai chân thẳng tắp !

Ba hôm sau Vạng mới được rời phòng lạnh. Người ta cho nó nằm trên cá ghế « ba khúc » ở góc phòng. Mặt nó xanh, hốc hác. Thân thể nó như teo hẳn lại. Lâu lâu nó mới mở mắt ra nhìn, rên khẽ vài câu cần thiết rồi lại nhắm mắt ngủ li li.

Mặc dầu phải ở phòng khác, hai Ngôn cũng kiếm đâu được một chiếc ghế vải đem đến nằm cạnh thằng Vạng và săn sóc nó. Mỗi lần Vạng ngóc cổ dậy uống sữa được hơi nhiều một chút là hai Ngôn đã sung sướng ra mặt.

Buổi chiều hôm Vạng có thể tự mình đứng dậy đi năm sáu bước được hai Ngôn liền cài võ om xòm với hai bà đưa cơm. Đến giờ ăn, hắn đến chỗ xe cơm và thân nhiên đứng chọn những trái cây dành để ăn tráng miệng ngon nhất. Thấy Hai Ngôn đã lấy đủ phần của hắn mà còn nhặt thêm, một bà chặn lại :

— Phần anh chỉ có thế. Đừng lấy của người khác.

— Tôi lấy phần cho thằng bạn.

Bà kia nhìn hai Ngôn nghi ngờ :

— Thiệt không ?

Và bà ta vẫn chặn tay Hai Ngôn. Tự dưng, hắn đỏ mặt, nổi xung.

Hắn hét lớn :

— Không thiệt ! Không có thiệt mẹ gì hết ! Thằng này nói dối đó.

Hắn chửi thề, cởi phăng hết cúc áo, chĩa cái ngực và cái sườn chỉ chít sọc ra :

— Cái bản mặt tôi thế này mà chị tưởng tôi thèm nói dối hả. Nó đi uỳnh trợn bị mồ nằm gần chết. Tôi lấy giùm nó mấy trái này chị tiếc sao.

Người đàn bà ngẩn ra, chịu thua. Hai Ngôn ôm một gói lớn đồ ăn tráng miệng về để cạnh Vạng :

— Ăn, mày.

Hắn đứng đóng lại khuy áo :

— Ăn một chút cho khỏe.

Vạng chỉ nhắm nháp vài miếng rồi lắc đầu. Hai ngôn bực bội :

— ... mẹ ! Thằng này yếu xìu. Dở quá !

Thế rồi, một buổi sáng, hình như Vạng cũng mở mắt với một cảm tưởng là mình đã khỏe rồi. Da nó chưa trở lại màu hồng hào nhưng nụ cười đã tươi tắn, đầy đủ. Hai Ngôn bắt gặp nụ cười đó và mừng rỡ hỏi:

— Mày khỏe rồi hả Vạng?

Vạng vươn vai:

— Khỏe rồi.

— Hết đau chưa?

— Gần hết.

— Đỡ quá. Mấy bữa mày rên, tưởng mày sắp chết, rầu thấy mẹ.

Vạng nhìn hai Ngôn rồi nhìn ra ngoài trời. Hai Ngôn quay cho đầu giường Vạng cao lên. Cái nhìn của Vạng tươi sáng, hào hứng, yêu đời. Nó hỏi:

— Làm gì giờ?

— Thôi mày. Nằm yên cho khỏe.

— Nằm yên chịu gì nổi.

— Mày còn yếu. Bác sĩ cấm...

— Đánh cờ đi.

Hai Ngôn ngần ngại, nhưng có lẽ sự hăng hái của Vạng đã khiến hẳn yên bụng. Hẳn đem bàn cờ đến. Xoay giường cho Vạng, kê lại ghế cho mình. Vạng nhắc từng quân cờ đặt vào vị trí, nâng niu như đối với một vật kỷ niệm. Bàn cờ bày xong. Hai Ngôn nói:

— Ta nghi mày còn yếu!...

Vạng không trả lời, nhắc một quân gỗ cách lên bàn cờ, dứt khoát, mạnh khỏe. Hai Ngôn, có lẽ vui mừng vì sự bình phục của bạn, tươi cười rút hết cả hai chân lên ghế.

Như thường lệ, mới nhập cuộc được một lát, quân bên Vạng đã bị chém la giết. Nhưng hai Ngôn cũng đề hờ nhiều nước và mất khá nhiều quân. Vạng ngồi thẳng dậy, tiếp tục đánh. Một lần, hai Ngôn vừa chặt quân mã của Vạng thì hẳn thấy đối phương nhả mặt vắn nhẹ mình một cái. Mặt Vạng hơi xanh hơn. Hai Ngôn hỏi:

— Mày đau?

Vạng vuốt nhẹ trên vết mổ và vẫn chăm chú nhìn vào bàn cờ suy nghĩ:

— Không có làm sao đâu.

Hai Ngôn nhìn đăm đăm vào mặt bạn, nhắc:

— Xuống tượng.

Vạng ngán ra, xuống tượng rồi vội xua tay:

Hai Ngôn nhặt hai quân xe, một quân pháo của hần bỏ qua một bên nói :

— Ta triệt hạ hết vũ khí nặng, vũ khí nguyên tử nghe. Quân lực đôi bên đồng đều rồi nghe.

Vạng đi thêm mấy nước thì có vẻ uể oải. Mặt nó xanh hơn. Cái nhìn của nó hững hờ, bớt chăm chú. Rồi, thỉnh linh, nó nằm bật ngửa ra giường một bàn tay đặt lên ngực, trán lấm tấm mồ hôi, nó nói nhỏ :

— Thôi mệt quá, anh cho tôi mượn cây đàn.

Hai Ngôn nhoài người ra với cây đàn tây ban cầm ở giường kề cận và đặt nhẹ lên bụng Vạng. Vạng lướt năm ngón tay trên dây đàn. Âm thanh ngừng nửa vởi. Cả thân hình nó vụt nảy lên như tất cả các bắp thịt chuyển động bất ngờ cùng một lúc. Nó ngóc đầu dậy, nhìn hai Ngôn, há miệng định nói. Từ cái miệng há, từ trong hai lỗ mũi Vạng, máu tươi trào ra, chảy thành dòng.

Hai Ngôn kêu rú lên và chúng tôi đồ xô lại. Tôi vừa gạt cây đàn, bàn cờ sang một bên vừa gào ông thương binh già :

— Bác Tư chạy đi gọi ông y tá trực mau.

Ông già nhảy khỏi giường ôm cánh tay bằng bó, chạy vụt ra cửa. Hai Ngôn vừa kêu trời vừa nắm chặt hai cánh tay run bần bật của Vạng. Vạng vắn mình như chỉ muốn lao ra khỏi giường. Tôi đỡ đầu nó, nâng lên. Hai bên thái dương nó đã lạnh toát.

Máu vẫn ồng ộc tuôn ra từ mũi, từ miệng nó như tất cả tim phổi nó đã tan thành máu rồi. Vạng ngệt lên, có lúc mũi nó như sủi bọt. Cái nhìn đăm đăm nửa kinh hoàng, nửa dại khờ của nó làm cho tôi lạnh mình. Tôi nói như rên :

— Trời ơi ! Làm sao ? Nó ngệt thở rồi.

Hai Ngôn quỳ thụp ngay xuống giường, kê miệng vào lỗ mũi thẳng Vạng. Hần ghì chặt thẳng ban và hút ra từng bùm máu, nhổ bệt ngay xuống bên giường. Mặt mũi cả hai đều be bét máu. Có lúc Vạng sặc lên một vài tiếng như sắp thở được. Nhưng máu từ trong lồng ngực nó vẫn tiếp tục tuôn ra, bít hai lỗ mũi nó, tràn vào đầy miệng hai Ngôn. Khi ông y tá trực chạy tới thì đôi mắt thẳng Vạng đã dại hần. Ông y tá xem xét rồi lắc đầu. Hai Ngôn vùng nắm lấy hai vai xác thẳng Vạng lắc mạnh, kêu tên thẳng này ăm ỉ, tưởng như làm vậy thì trái tim bất động trong cái xác sẽ hoạt động trở lại.

Lúc người ta đưa xác thẳng Vạng đi, hai Ngôn còn ngồi ngẩn ngơ trên chiếc ghế bố, giữ nguyên cái mặt nhóp nháp, đỏ lòm...

Bây giờ, hai Ngôn đã rời khỏi bệnh viện. Tôi không rõ hần trở về đơn vị hay đã xuất ngũ. Cái giường "ba khúc" đã có bệnh nhân khác đến nằm. Thật chả còn một dấu vết gì của hai tên ấy. Chiến tranh làm cho bộ mặt các bệnh viện luôn luôn thay đổi

Ông là nhà báo, chắc ông đã đi nhiều nơi, thấy nhiều chuyện, câu chuyện tôi vừa kể có lẽ giản dị và sơ sài quá phải không? Thực ra ở bệnh viện người ta chỉ tìm thấy sự đau đớn cùng cực và những sự tương trợ, những tình bạn chân thành nhất. Nếu muốn tìm hiểu về các thứ đó, ông nên đi thăm tất cả các phòng ở đây. Có hàng mấy trăm phòng! Khi đi hết ông trở lại từ phòng đầu, ông sẽ lại thấy nhiều điều mới lạ... Ông đừng ngại, bọn người sinh hoạt chơi vơi giữa sống và chết chúng tôi luôn luôn quý những cuộc thăm viếng. Họ sẽ không dấu ông điều gì đâu...

LÊ TẤT ĐIỀU

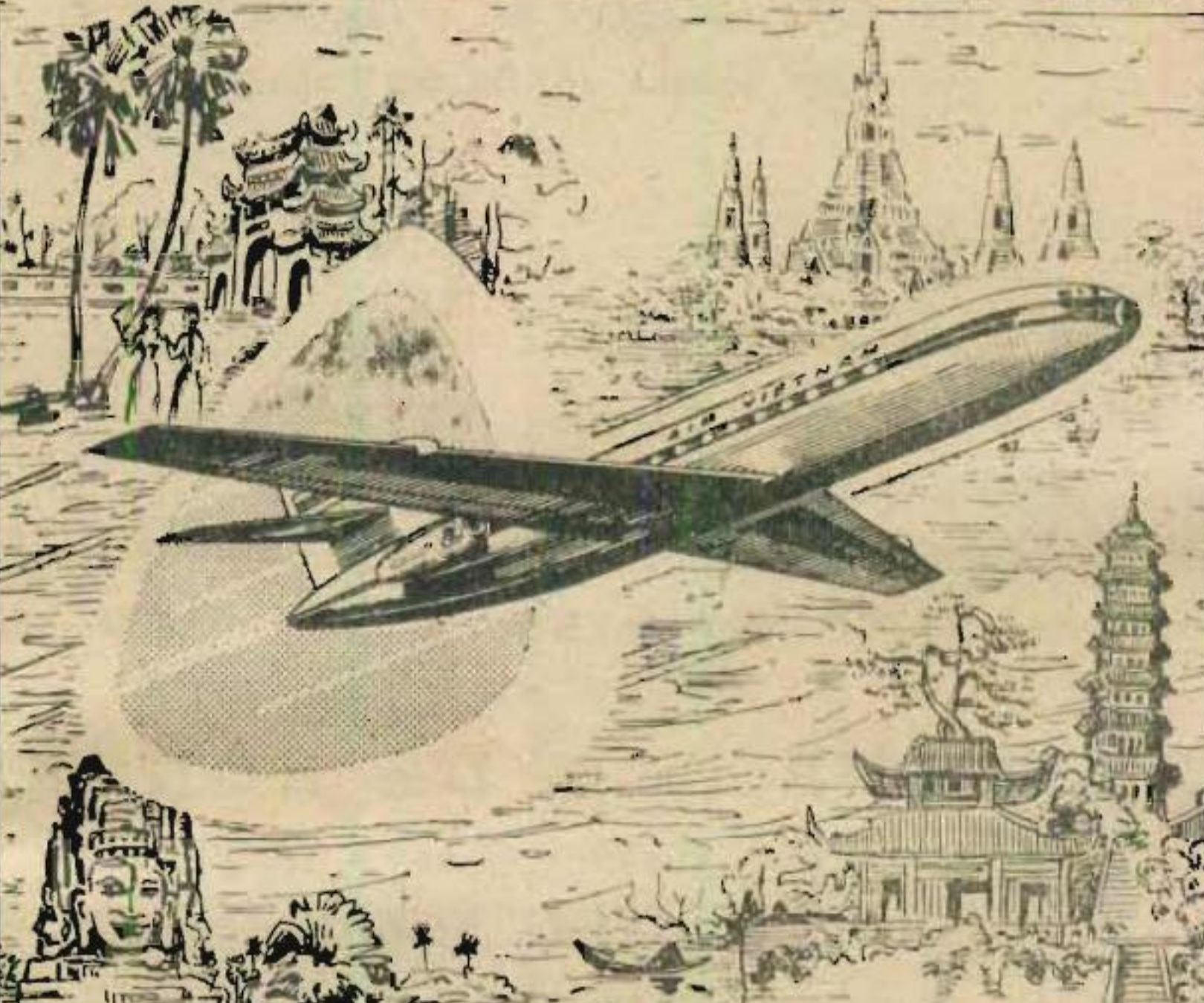
V
I
Ệ
T

N
A
M

H
À
N
G

K
H
Ô
N
G

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG TRONG ĐÔNG-NAM-Á



3 SAIGON-PHNOMPENH-BANGKOK
(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

3 SAIGON-HONGKONG
(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

2 SAIGON-KUALA LUMPUR-SINGAPORE
(Mỗi Thứ Tư và Chủ Nhật)

bằng **DC-6B** và *Caravelle*
PHI-CƠ PHẦN-LỤC TRẮNG-LỆ NHƯ THẺ-GIỚI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé tại các hàng du lịch hay:

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

ĐIỂM MỸ THUẬT SAIGON HT. 21 62421 625 21 626

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 129

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

TRUYỆN 3 KỶ :

TÚY - HỒNG

Xin coi từ B.K. số 204)

tóc mai nghìn năm

Lưỡi ới, ta muốn cắn mi. Thôi tim ngừng đập, phổi dừng thở và dạ-dày dừng tiêu hóa nữa. Bất cứ thuốc gì nuốt nhiều cũng tự-tử được cả. 30 viên ký-ninh. 45 viên Optalidon. Vài chai thuốc nước. Tôi ngồi dậy đi chân đất men theo bóng tối bên tủ trang-diềm sục-sạo mò mẫm tìm giữa những chiếc hộp phấn tròn một cái ống tuíp dài đựng thuốc viên. Rốc hết ruột ra chỉ đếm được 6 viên đun vào miệng với ngụm nước lạnh. Thuốc gì không biết, điều kinh, cúm cảm hay sốt rét thương hàn không biết. Hai vũng mắt ngập nước trào ra như hai cây đèn sắp cháy. Mười tiếng đồng hồ cân nhắc rồn-rảng. Sinh hoạt nội-tâm chết giấc, người tôi chênh-vênh không một cảm-giác máy động, không một phản-ứng gì-rả. Óc-não cứng đờ, thần-kinh đứt đoạn hoang-mang. Tôi réo tên tôi, tôi ôm tôi, tôi khóc cho tôi, đến khi cơn khóc dịu lại thì phản ứng trời dậy đầu liên là sự phản tỉnh. Con ngốc ới mi là cái con đại đời số một. Tôi ới tôi ới mi là cái tôi đau sót bản nát loạn cuồng nhất trong những cái tội con gái. Rồi đời mi sẽ không có đêm tân-hôn, rồi tật bệnh sẽ ngấu-nghiến nhai mi và nỗi cô-đơn to như ruộng đồng trùn trợn cuộc đời, vá lấp kiếp sống. Mãi mãi làm con gái, thành tinh trong kiếp con gái. Cuộc đời tán-tận lương-tâm, xã-hội lênh-bềnh tội ác sẽ đốt cháy tôi như khói hương như đèn sáp. Biết van xin ai ra tay ân xá cho quá - khứ một lần thả rong tội lỗi...

nỗi mình em là quá, nó không chịu nổi gia đình bà con cô bác đâu. Ngay như má và chị nó còn coi thường... Nếu em thương nó thiệt... em nên rủ nó trốn đi... Chị tin nó sẽ nghe em, chị hiểu nó hơn hết...

Xuyên qua vệt sáng, Diệp cố gắng nhìn chị Lệ như muốn nhận định những biến về tôi qua gương mặt nhập nhòa tan biến trong một giọng nói khác lúc trước. Buổi sáng già êm, không cử động, như vườn tược lắng tiếng, giọng nói mở ngỏ và ôm ấp một không gian cất dấu trong dĩ vãng, Trí, Trí. Diệp nhìn thấy Trí bằng cặp mắt và trí tưởng của chị Lệ; Diệp nhìn thấy tôi qua những kỷ niệm thơ ấu của hai chị em. Nhưng tôi đâu còn nơi đó nữa, tôi không phải là cái bóng quá khứ được phóng lớn. Cả chị Lệ nữa, chị cũng không hiểu được gì hết. Tôi... tôi.. là sự không thể trở thành... tôi không thể vươn tới một hình thù nào rõ rệt... chỉ là sự di động vô giác của một sinh vật bầy nhầy... Diệp hoang mang trong thế giới được vẽ bằng tiếng nói bập bênh, thế giới của những hình bóng mập mờ đã xuất vong khỏi những người sống. Diệp tự nhủ: đó là Trí, đứa em của chị Lệ, những ngày chị em hòa thuận; Trí không có người bạn nào khác hơn là chị, Trí không có giấc mộng nào khác hơn là giấc mộng chung chia sẻ giữa hai người trong không gian mát của khu vườn vây quanh nhà mà mỗi gốc cây, mỗi bóng dâm là một vùng rộng hoang vu... Cho đến ngày, phải, cho đến ngày... Tiếng trẻ khóc mê dưới vông, bà ngoại nó ru hờ... (Ví dẫu... ơ... cầu ván đóng đinh... ơ... ù... ơ Cầu tre lắc lẻo... ù... ơ... gập ghình... ù... ơ khó đi... ù... ơ...)

— Em tin chị đi... Rủ nó đi trốn thiệt xa, xa hết mọi người. Chỉ còn em với nó, em sẽ chiếm được nó hoàn toàn. Đừng cho nó ngó thấy một dấu vết quá khứ nào... Nó cần như vậy, em à. Chị không gạt em đâu. Em còn ở đây, em không khi nào giữ nổi nó... Chị biết một ngày kia rồi nó cũng bỏ đi một mình... Tốt hơn là em theo nó trước... Diệp à.

Chị Lệ tiến tới đứng tựa vào bàn học, mặt lộ vượt khỏi vệt nắng xuyên và bị như cắt lìa khỏi thân bay trong nắng mờ ảo của vùng trên ánh sáng. Hai mắt chị cũng mở lớn như hai mắt Diệp, hai người đàn bà thôi miên lẫn nhau. Chị Lệ lại ngoắt Diệp bước tới. Diệp nghĩ mình phải tới gần hơn nếu muốn nhìn cho rõ, tiến sâu vào trong cái hành lang chật chội vang động những bước chân của tôi đã qua đó rất lâu để đuổi theo cho kịp. Chị Lệ cầm ở trên tay tấm hình của Thuận, tấm hình lúc trước được đặt chéo trên chồng sách cao Diệp đã thấy ở xa và ngỡ là hình chị Lệ. Chị đưa cho Diệp coi và hỏi:

— Em biết người trong hình này không.

Diệp sững sờ ngó trân người đàn bà lạnh lùng thanh thoát một lúc, một người đã chết từ lâu ngó lại cõi dương, tưởng như quên lửng hân gương mặt thân quen. Diệp mang tấm hình lại ngồi xuống giường mắt nàng dần dần nhòa đi chỉ thấy lấp lánh trên mi những mồm nắng li ti chớp lóe, ngực bóp siết, cổ đặc nghệt.

Mãi sau Diệp mới kêu được : Chị Hai.. Chị Lệ dịu dàng vuốt ve mái tóc Diệp, nhắc nhở :

— Ai đó em ?

— Em thật không ngờ...

— Ai đó em ?

— Chị Thuận...

— Ai ?

— Em biết. Chị không biết được. Chị Thuận...

— Ờ, rồi sao ?

— Chị Hai ..

Diệp lau nước mắt, ngó lên nhìn thấy tôi giống chị Lệ, Chị Lệ hao hao như Thuận, vẻ buồn phiền u uẩn được bôi xóa kỹ, dấu kín trong vài nét nhỏ mờ hồ trong khóe nhìn, nét môi, vùng trán, bên cánh mũi. Diệp thấy chúng tôi đều lạ mặt với nàng, đối địch với nàng và nàng lẻ loi trơ trọi. Chị Lệ gỡ tấm hình trong tay Diệp, đặt trả về chỗ cũ, những ngón tay Diệp tự động muốn giữ chặt khung kính có góc sờn bên nhưng lại tự động rời ra. Diệp ngó theo gương mặt thân nhiên vô tri thu nhỏ, chập chờn như cách xa lắm — khoảng cách đo bằng ánh sáng — và tự nhủ : chuyện gì vậy ? Chuyện gì xảy ra quanh tôi, thắt buộc tôi như Định mệnh... (Định Mệnh, nỗi cô độc tuyệt đối. Định Mệnh sẽ khuất bóng khi mình hết đơn lẻ) Và Diệp ngó trở lại chị Lệ tìm trong mắt chị những ý nghĩ đích thực.

— Chị Hai... em khổ quá...

— Em tính sao ? Diệp...

Diệp không tính được, Diệp nghe tiếng chân má đi lên gần nghe tiếng má chát chứa sự kinh sợ : Tụi bay làm gì trên này ? Hai... mà không được xúi biều tầm bậy, tầm bạ nghe... không, tụi con nói chuyện chơi, chị Lệ nói. Má tần ngần an ủi Diệp : Đề má thử nói với nó... má thử nói với nó... Biết đâu nó không nghe lời má. . Bà không tin tưởng chút nào trong giọng nói của bà. Bác ưng con, con khỏi lo phần bác ; cần nhất là nó... đề bác nói. Diệp vẫn ngồi im, cúi gằm mặt xuống, còn chị Lệ không nhúc nhích ; bà chờ đợi trong không khí ngọt ngào mỗi lúc như muốn đẩy bà ra ngoài. Bà đưa mắt cho chị Lệ dòm chừng Diệp nhưng bà vẫn không thể bỏ đi.

— Đề con đưa Diệp ra đồ. Má coi chừng con Liễu dùm con. Đi em.

Suốt từ đó, Diệp cử động thất thần, không nhớ tưởng. Nàng đi bên chị Lệ, nghe loáng thoáng những câu nói của chị, trí óc bị hút xoáy vào một điểm xa vời ngoài cõi thức. Diệp không khóc, không ghen ngào, thân xác nhẹ bồng như khói.

Diệp bỗng nói, trời khỏi một vùng sương mù của đáy thân : Chị Hai à... em phải tỉnh... em không chịu thua... Chị Lệ nắm lấy bàn tay của Diệp dẫn đi, một tay quơ tạt theo những hàng lá bên đường. Chị kể về một đứa nhỏ tên là Trí, những điều có lẽ chính tôi cũng đã quên lãng hoặc không hay biết... Trí, Trí... Diệp gọi thầm... tôi sẽ phải đi tới cùng, dù sao tôi cũng phải đi tới cùng... Đứng trên bến nhìn sang châu thành, lần thứ nhất trong đời Diệp cũng có cảm tưởng quen thuộc của tôi : người và vật thường ngày giáp mặt thuộc về một cõi khác, mình ở một cõi khác, chốn chân không mình rớt xuống hun hút không có gì cản giữ được... Phải thế chăng ? Phải chăng người ta thực sự trưởng thành khi tách lìa khỏi sự vật thân yêu giả dối, ném mình vào cõi mộng lung phải tự biến cải cho phù hợp hoặc phải hóa kiếp để thích nghi. Diệp dậm chân bước xuống đò, chị Lệ còn níu lại nhìn nhau như một lời ước hẹn.

— Có sao sang cho chị hay nghe Diệp ?

Lang báo tin cho tôi nay mấy bữa Diệp nghỉ không tới trường, dường như có người dưới Sài gòn lên coi mắt Diệp. Một tên kỹ sư du học ở Pháp mới về nước, cả trường đều bàn tán sôn sáo về chuyện đó. Tôi nói : Vậy hả ? Có gì lạ đâu... Lang ngó tôi như một quái vật, không đoán xét được tình ý của tôi : Mày nói thiệt hay dối... Tan vỡ sau ? Thiệt chứ. Trước sau nó cũng lấy chồng chứ, ăn chung gì. Tôi rớt thêm la de vào ly của Lang. Chúng tôi ngồi trong một quán cóc ở bến xe đò, buổi sáng ồn ào đông đúc ; bàn bên cạnh ông quận trưởng cảnh sát châu thành ngồi uống cà phê với đứa con gái út, chừng mười một mười hai tuổi vừa đọc tiểu thuyết trong nhật báo vừa ăn điểm tâm. Con nhỏ già khăng đang chăm chú đọc, miệng nhai bánh mì, kể cho ba nó nghe về bước gian truân mới của nhân vật nó theo rồi hằng ngày. Ông quận trưởng Cảnh sát hỏi sang chuyện trong trường từ ngày con ông Pháp được giải ngũ về, việc xích mích giữa hai bố con. Trong cái châu thành nhỏ bé, buồn tẻ này, người ta chú ý dò xét lẫn nhau như con nhỏ ham đọc tiểu thuyết, đăng đàn từng ngày. Tôi lớn lên ở đây, dần dà rồi tôi cũng để lại cho người ta một tiểu sử làm câu chuyện kể trong quán nước, buổi tối quanh mâm cơm hay những khi họp mặt người ta đã chán không muốn dòm thấy nhau nữa. Một mối tình tan vỡ. Phụ nữ tham vàng. Trước hết là bọn học trò trong trường phanh phui, sau tới người lớn. Diệp sẽ bị nhìn như kẻ phụ bạc và tôi như kẻ khốn nạn đáng xót thương, tôi đọc rõ trong mắt Lang những điều ấy. Những ý nghĩ của kẻ khác tuy thế cũng len lén xâm nhập vào tôi và cũng làm tôi đau đớn phút chốc.

Tôi mong ước, chờ đợi ngày Diệp tự ý lìa bỏ tôi, nhưng tôi vẫn buồn, dường như trong thâm tâm tôi vẫn hy vọng một điều mơ hồ nào trói buộc Diệp lại với tôi. Diệp phải sống cuộc đời của nàng như tôi tiên đoán và tôi chìm đắm ngập lặn trong nỗi hoang mang dồn dập của tôi. Diệp không thể đổi khác, cũng như tôi, tình yêu còn lại như nỗi bất lực chua cay. Lang cười riếu : Không rõ kỹ sư thiệt hay giả... hẳn tưởng nói như vậy để an ủi tôi. Tôi chỉ cười, không biết nó nhìn

nụ cười thế nào, tôi ngó thấy mặt hắn trùm một vẻ trang nghiêm thương xót của kẻ từng trải già dặn. Đàn bà như vậy đó, không khi nào họ hiểu được hạnh phúc. Thường tôi đồ quạu khi phải nghe những câu triết lý loại ấy nhưng lúc đó tôi bình thản không mấy may xúc động : Nói chuyện khác, đi... Lang bận công chuyện phải về trường. Hắn đi gần tới bên chiếc xe máy dựng bên hè, bỗng lại kêu : Trí, còn quên chuyện này. Hắn trở lui tới đứng bên, ghé vào tai tôi thì thầm : Ông Hoanh bị bắt rồi .. biết chưa ? Tôi ngừng lên bắt gặp cặp mắt Lang dò xét, hắn nghĩ rằng tôi vẫn còn hoạt động với ông Hoanh. Coi chừng, ông bị bắt cóc, gia đình kiếm mà không biết bị giam ở đâu. Tôi đáp lững lờ : Vây hả ? Lang đi khỏi, tôi ngồi lại một mình, nghe mặt mũi bứt rứt vì hơi rượu bốc nóng. Tôi quên hết mọi ý định trong ngày. Ngồi trên đồ, trở về nhà tôi nghĩ Diệp bỏ tôi càng chứng tỏ tôi không phải là của Diệp, không phải của bất cứ người nào. Có gì đáng thắc mắc đâu ? Tôi đã nghĩ đúng, tôi chỉ còn mình tôi trong sự lựa chọn kiếp sống. Trong bữa cơm má tôi vô tình gợi chuyện và thấy tôi ngồi im không biểu lộ thái độ phản đối, bà đã vụng về hỏi : Con có tính lấy vợ không ? Con có thương đứa nào không ? Chị Lệ liếc tôi đợi phản ứng, một lát thấy tôi vẫn cắm cúi ăn như không nghe, chị nói : Thằng tàn nhẫn, nó biết thương ai ! Má tôi chỉ kịp la : Hai... tôi đã liếng bề chèn cơm vào vách nhà, miệng văng ra tới sân, lớn tiếng : Tôi không cần ai lo cho tôi. Không muốn cho tôi ở nhà này nữa thì tôi đi. Rồi tôi bỏ lên giường nằm. Phía sau má tôi rầy chị Lệ và tôi nghe chị khóc thút thít trách má chỉ bình tôi để cho tôi khinh chị, coi thường chị.

Gặp Diệp tôi không nghe nàng thổ lộ gì hết. Diệp tươi cười vui vẻ hơn, nàng muốn chọc tôi. Lúc sắp chia tay, tôi thản nhiên hỏi : Ông kỹ sư của em thế nào ? Diệp đáp : Em chưa thấy mặt. Mà ăn thua gì tới anh mà anh hỏi, anh đâu cần. Tôi cố cười : Anh hỏi chơi cho biết. Bao giờ thì dám hỏi ? Diệp lập nghiêm : Em cũng không rõ. Chắc cũng còn lâu. Em nghĩ còn ngày nào mình cứ yêu nhau ngày đó, đừng tính gì hết, phải không anh ? Chuyện đâu nó vô đó, không có gì thay đổi. Tôi hỏi : Sao mình không từ biệt sớm cho rồi ? Diệp cười : Sớm hay muộn đối với anh có quan hệ gì đâu. Còn em bây giờ em hiểu, em cũng không cần. Dù em có lấy chồng em vẫn còn yêu anh... Tiếng cười lạnh lạnh giả tạo. Tôi trực cảnh Diệp đang toan tính mưu mô gì sau lưng tôi. Tôi ngó Diệp và lần đầu tiên tôi thấy nàng dữ tợn khác thường. Mái tóc xỏa bay trên một nền trời vàng hoen, chúng tôi đứng trên một bãi cỏ may ngoài đồng trống, mắt sáng như cặp mắt mèo, môi hé nửa vờ như khiêu khích, ngực dướn thẳng đưa lên cao, hai cánh tay dang ngang về sau gấp lại đuôi bắt những lọn tóc gió... Em có thể... cho anh... tất cả, em cũng không cần mà. Mắt Diệp lim dim như rình rập cử động của tôi.

Và nàng lại cười, một vài nốt cao ngắn, thét rồi em cũng muốn điên khùng như anh.

(còn tiếp)

THANH TÂM TUYỀN

... Còn một chút này.

Đó là quyển thơ « *Có những bài thơ I* » của tôi, mà một số đã từng ra mắt bạn đọc trên Bách Khoa từ lâu, và mới đây trên *Hòa Đồng*.

Từ thuở nhỏ, tôi đã bất bình vì những cái trái tai gai mắt khi đọc chữ quốc ngữ : âm *i* khi viết với *i*, khi viết với *y* ; ráp vần, thì đang *ca, cã, câ* lại qua *ke, kê, ki*, rồi trở lại *co, cô, cơ, cu, cừ* ; *ga, gã, gâ, nga, ngã, ngâ*, lại *ghe, ghê, ghi*, để trở lại *go, gô, gơ, gu, gư, ngo, ngô, ngơ, ngu, ngư* ; v.v...

Lớn lên, tôi để *i* tìm tòi, hiểu được nguyên nhân vì sao, và tôi đã bực nhiều khi thấy bao nhiêu đề nghị cải cách chữ nước nhà — có từ đầu thế kỷ — vẫn bị chìm trong thờ ơ lạnh-nhạt.

Cho nên, tôi tha-thiết được in đưa con... thơ đầu lòng này bằng chữ đã sửa đổi cho hợp lí hơn..., cho thống nhất hơn — chỉ với tập thơ này thôi — nghĩa là :

âm *i* chỉ viết với một chữ *i*
âm *g* (ơ) chỉ viết với một chữ *g*
âm *gi* (ơ) chỉ viết với một chữ *j*
âm *b* (ơ) chỉ viết với một chữ *b*

âm *c* (ơ) chỉ viết với một chữ *c*
âm *ng* (ơ) chỉ viết với 1, 2 chữ *ng*
âm *kh* (ơ) chỉ viết với một chữ *k*
âm *ph* (ơ) chỉ viết với một chữ *f*

Nghĩ rằng thơ đề ngâm, thì truiện *Ciêu* có in bằng chữ Nôm hay chữ Quốc ngữ — thông thường, hay cải cách, hay cách mạng — thì cái hình thức biểu thị cái áo choàng ngoài này, chẳng làm jảm giá trị của nó,

Người ta in thơ đề bán, đề tặng hay đề... đốt, tôi nay in tập thơ đầu này, đề... chia với những bạn nào đã mến thương tôi, trực tiếp hay qua thi văn. Nghĩa là xin các bạn muốn có tập thơ « *Có những bài thơ, I* » vui lòng cho tôi biết tên và địa chỉ. Nhiều, tôi in ti bô, ít tôi in rô-nê-ô. Năm chắc con số, tôi sẽ tin các bạn hay đề các bạn chia đều tồn fi và cước gởi bảo đảm. Mong ở tấm lòng cảm thông của các bạn để tôi được thấy thực hiện một lần — chỉ một lần thôi — cái *i* ngu nhỏ nhỏ con con của mình.

Jữa năm Rắn 1965

Ngũ Í Nguyễn Hữu Ngự

Hộp thư 339 — Sài Gòn

Trong loại sách khảo luận của THỜI MỚI (bìa sách có lẫn gạch màu vàng), có bán tại các hiệu sách :

* **Tiểu thuyết hiện đại** (Tràng Thiên) giá 42đ * **Các trào lưu của tư tưởng hiện đại** (của André Maurois — Tràng Thiên dịch, đang in lại lần thứ ba) giá 20đ. * **Văn học Nga-xô hiện đại** (của Tràng-Thiên) giá 20đ. * **Tạp Bút** (của Võ-Phiến) giá 32đ.

Thanh - Tâm - Tuyền

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LÂY

PHẦN THỨ HAI

2 | Con Liễu đã ngủ được đặt nằm trên võng, giữa ba người đàn bà ngo ngoe không hiểu phải làm gì thêm. Má có lẽ còn thồn thức cầm vạt áo chấm mắt, Diệp loay hoay với cái nón lá ôm trên đùi. Chị Lệ? Diệp ngược mắt cầu cứu chị. Chị xỏ tung mái tóc, rồi bới lại, đó là thói quen của chị từ ngày con gái mỗi khi gặp trường hợp khó xử. Và chị cất tiếng cười khỏ lấp sự bối rối. Mái tóc rít nặng, nồng mùi dầu dừa trong buổi trưa nắng đầu thềm soi tấm áo bà ba trắng ửng hồng, dưới đáy túi áo dấu một bông lan úa héo rã cánh nhưng nức hương. Tiếng cười vô tội riêng mình nghe vang trên những đường xóm quen thuộc chị và tôi đi qua.

— Em khờ vậy. Ai biểu em yêu nó. Em không tìm hiểu nó...

— Hai, nói tầm bậy hoài.

Má đứng lên, đi ra lu nước, xối rửa mặt. Chị Lệ ngoắt Diệp theo mình lên nhà trên. Diệp đi vào một vùng tối mát hơn mà đồ vật ần náu im lìm như không được dùng đến. Diệp đứng lại giữa nhà, nhìn quanh, ngó lên bàn thờ cha tôi, ngó vào trong khu vực riêng biệt của tôi nhận rõ được lần ranh vô hình của cái thế giới tôi thiết lập. Bốn cây cọc mùng ở bốn góc giường mọc như những ý nghĩ dựng không và Diệp chú mắt vào vệt sáng đậu vắt ngang mặt giường, vệt sáng xuyên chéch ngấn chia chỗ đứng của chị Lệ và Diệp.

— Em thương Trí thiệt không?... Nếu em thương nó thiệt, em có gan bỏ nhà theo nó không? Em không hiểu thằng đó nó thù ghét gia đình, nó thương

Tại mình, mình phá mình. . Nếu mình không cho phép thì chẳng ai đủ thâm-quyền phá mình Tôi phá tôi. Buổi chiều có tiếng hát Sara Montiel khóc não-nuột, khóc cho tôi hạ huyết đời con gái. Tôi còn chi tôi còn chi trong thân-thể thiếu-phụ, chỉ còn lại xác phàm, xác phàm đang rên-rỉ, đang nức-nở tự bào chữa, tự minh oan... đổ lỗi. Thôi thôi hãy lau nước mắt cho mình, hãy vuốt ngực, ấn mình nằm xuống ngủ đi và ngày mai hãy đem mình đi dạy học. Trời ơi, nếu có thể ăn vạ, la hét, gào, tru lên trong đêm rộng cho đã nư, cho hả giận. Tình yêu ngày hôm nay đục lênh chắt sinh-lý, lợn-cợn cặn bã xác thịt, đàn bà cũng hoang như đàn ông. Hoang vầy-vùng và hoang thụ-động.

Hai giờ khuya rồi, giờ này Vinh đang vũ dưới ánh đèn bên hông những người đẹp trí-thức và rượu mạnh, lời hay tâm tình trào ra như bọt nước. Tôi đã bị thù-tiêu đời con gái và cuộc đời từ nay sẽ mãi mãi bỏ ngỏ và thôi không thêm sửa-sang tư-bồ nữa, ra sao thì ra, đến đâu thì đến. Thù căm gan, thù ấp-ủ trong tim. Mỗi thù không thể trả nổi, không thể tiết-lộ ra ngoài, không lưu truyền được cho con cháu và không thể nhờ ai báo hộ cho mình được. Mỗi thù căm nín bẹn bằng những kỷ-niệm bền xinh, những giao thoa liều-linh của xác thịt và hồn phách, những chiếc hôn ướt ăm ắp hoài vánh môi. Sự căm hận mới đầu bủa lan khắp thể-tích tình-cảm rồi dần dần kết tụ thành ung nhọt tương-tư. Và tôi sẽ thù cả tôi nữa.

Mắt khóc nức-nở, hàm răng cắn nghiến mớ tóc, tôi ngồi bệt xuống đất đập đầu vào ghế. Lưỡi chua lè, hơi thở ảm, trán nóng, tay run báo hiệu cơn sốt. Súng nổ gần cửa sổ : bây giờ có những trận chiến chỉ cách Huế 6 cây số và con người đang hoảng-hốt sống ở giữa cái nhân thành phố. Tôi lên giường vòng tay nằm ngủ, không dám nằm nghiêng để chỉ nghe tim đập mà thôi. Tôi thương quá tim tôi mềm rung động mỏng chịu đựng. Tôi sâu-sắc, tiết-kiệm, đảm-đang nhưng đại chuyện tình như những người đi tu đang-dở nửa chừng bị đuổi ra đời. Thời gian bước nhanh trên 4 tiếng đồng hồ. Thân thể ấp-ủ cơn sốt dữ cuồng, phản ứng mãnh liệt của 6 viên thuốc tây, trán và mép ươn mồ hôi, chất não trong xương sọ ngọ nguậy cơn đau điên, tôi nghe cả ngàn tiếng côn-trùng hợp ca trong hai rãnh thính-giác. Từng chấm li-ti trên mặt lưỡi dần dần biến thể nở thành từng mụn ghẻ hình hoa mimosa. Bao nhiêu nước miếng dành cho mimosa nở tròn nên tôi khát nước vô kè. Cơn sốt cuồng mãnh là những nhát búa bổ từ đầu mình đến tay chân đau đón mỗi nhừ. Mạch huyết cầu đỏ ối văng tung toé. Tôi uốn vặn cơ - thể từng khớp xương kêu răng - rắc, gân cốt là những dây thừng ngâm nước đang nhão ra. Đau tôi vô cùng. Tôi áp tay lên tấm ngực mỏng, ngực mỏng thông - minh rồi nằm sấp mặt úp lên gối. Một lát nghiệm ra rằng nằm sấp là tướng nằm của những kẻ chết chém, tôi vội vàng xoay thân hình mấy vòng một lả. Bộ tiêu-hóa sôi réo bào mỏng lòng ruột. Cuống họng khô và tôi thêm một lu nước lạnh. Chiếc trán bốc hỏa, đầu đông đặc những đất sét và trong cơn sốt ngất lịm, con thỏ ý - thức mang chiếc tên vụt trốn chạy mất tăm. Anh Vinh anh Vinh dấu chân thỏ ngang đây hết rồi, tôi lạc lối giữa rừng già gào lên ai-oán. Chuông nhà thờ vọng hồi 5

giờ sáng, tôi xốc áo dầm bừa lên gai nhọn lao đầu chạy đến gốc cây Anh-trào, nhìn vào căn nhà thủy-tinh trong vắt bít kín bốn bề. Vinh và Lan đang ngồi ngủ gục trên chiếc chiếu bện bằng lá trầu, tôi trợn mắt húc đầu vào bức tường gương sắt bén rách sứt da thịt, máu chảy xuống đầm đìa, một miếng thịt mắc vào gương kéo theo mảng da đầu lủng-lẳng chùm tóc rối. Lan giật mình mở mắt vác mũi chủy nhọn đâm thốc vào ngực tôi. Tôi rút một mảnh thủy-tinh làm gương xông tới múa kín bốn mặt chống đỡ túi bụi. Hai người đàn bà giao-tranh cười lên the-thé dầm rách tơi-tả chiếc chiếu bện bằng lá trầu. Tôi nghiêng rặng xốc kiếm đâm nát như một góc chiếc chiếu. Trầu với cau ! ba mươi năm trót đại làm thân con gái đợi mãi chờ hoài chẳng có bóng dáng ma quỷ nào lễ-mễ mâm trầu cau xin hỏi cánh tay mình. Tôi muốn bằm vụn những buồng cau, muốn hái tất cả những trứng cau non ném xuống biển già cả. Mũi chủy của Lan rối loạn, tôi xô-dạt Lan chạy và đến chỗ Vinh ngủ gục đưa cao thanh gương chém mạnh xuống, Vòng kiếm bỗng nặng nghìn cân và tay tôi run và mắt tôi nhắm. Mẹ... mẹ chỉ võ-trang cho con gái tinh-thần nội trợ, tôi chỉ biết đồ bánh khoai, bánh bèo, làm mứt me, kho cá nấu cơm chứ không hề chọc huyết gà huyết vịt để hôm nay gân sức can - đâm cầm gương đâm hòng kẻ đã làm chết đời mình.

Thù rưng rưng, thù không báo được. Lan xông tới xòe móng tay nhọn cuốc xới thịt da mặt tôi và nhổ rứt hết vạt tóc mai vô tư đại khờ trên trán tôi. Ôi tóc mai non mềm lướt-thước sợi ngắn sợi dài, sợi nào cũng trinh-nguyên chung-thủy và nghìn năm chưa tìm được một người con gái chung tình như tôi. Tôi tầm thường không cửa, không tài, chỉ có một khối tình. Và tôi phục, mến, thương tôi chỗ đó. Trả lại tóc mai cho đầu, tôi không chịu làm người con gái mà vùng trán trống trơn bạc-bẻo không có những cọng tóc mảnh-tương buông thả. Tôi thương chàng là tôi thương tôi, Tôi hú lên hãi hùng, Vinh choàng tỉnh hấp tấp xô tôi ngã ngửa lấy chân dẫm lên ngực. Tôi rú Vinh Vinh, đừng xúc phạm ngực, đừng xúc-phạm bầu sữa nóng của con tôi sau này. Tiếng hú dài chát-chúa đồ võ không-gian tôi nghe như thân-thể ở trên cao đang rơi mạnh xuống đất. Tôi rớt xuống và tỉnh ra trên giường. Con dị-mộng nặng nề tức-tưởi là quá-khứ, mồ-hôi thoát ra áo quần ướt mát là hiện-thời. Hết rồi anh ơi hết rồi Vinh ơi mấy năm tình-ái dằng-dặt. Tiếng mè không của thằng bé khốn-đốn buổi mai kiếm sống chiều đi đến trường. Đầu óc nặng như niền sắt khó nhấc cao khỏi gối nhưng tâm-hồn tôi bây giờ yên-ôn nhẹ nhàng. Tôi tránh nghĩ đến giới-hạn lu-mờ giữa tình bạn và tình yêu khi Vinh xóa bỏ chữ chị để kêu tôi bằng tên Hoài ơi. Và tôi đã phản ứng ngọt bùi con nít hồn nghe, gọi mình bằng chị Hoài chứ !

Sáng trời chuyền qua khe cửa sổ lá sách. Nghe rõ 6 giờ và nằm nín một khắc rồi tôi miễn-cưỡng ngồi lên. Đầu tóc tê u-ám và khô sở, buồn ngủ quá, đau mắt quá.

Mùi xà-phòng Camay nồng ngát nóng bỏng đôi mắt bệnh, tôi chuôi cả cái mặt trợn nhầy dưới vòi nước xối ào cho đi hết lớp mồ-hôi mặn nhờn cơn sốt dị mộng đầu sáng.

Mẹ mua mì điềm-tâm xong cầm chổi quét lá khế rụng

Tôi vốc một nắm hạt hạnh-nhân cho vào cối đá giã dập ra rồi trút vào siêu nước sôi trên hỏa lò đặt cạnh bàn trang-diềm. Tôi ngồi xuống. Khuôn mặt đàn-bà trẻ-con trong gương ứ-đọng nỗi buồn lớn ử ê chán chường, tôi quệt kem chà mạnh xuống cò. Bụi phấn tỏa nhẹ bay tròn làn hơi mù thơm mờ ảo, có hai con mắt nâu đen nhìn bàn tay chà mãi đôi má ốm trong gương. Chiếc lược đồi mồi chải gỡ trẻ-tràng mở tóc quấn tự-nhiên cho món-tóc rụng hằng ngày gần bó bám rối vào răng. Siêu nước hạnh-nhân sôi réo nhiều lần rền đặc, tôi nhấc xuống, vội-vã ra ngoài tủ ăn lấy hai trứng gà khê đập vỡ chặt lấy ngò đỏ đánh nhuyễn với mật ong, một múi chanh, 2 muỗng beurre tây, đem vào khuấy đều mấy thứ với siêu nước hạnh-nhân lọc sạch bạch bã. Đó là món nước điềm-tâm uống dặm với bánh sen tán của những người con gái se-sua nhàn rồi. Tôi nún cả chiếc bánh vào miệng ngòm-ngòam, nuốt lấy nuốt để chất chứa hỗn-hợp vàng quánh rền đặc rồi chăm chú nhìn gương vẽ dài đuôi mắt nâu đậm. Một lượt phấn hồng mỏng vì đêm qua không ngủ. Đặt bông phấn xuống bàn, mở bánh ra ăn và nâng ly uống rồi lại cầm bông phấn lên thoa chăm đồng đều khuôn mặt. Nhai nuốt, đánh phấn. Cô giáo mặc nhanh áo lụa mỡ gà, quơ vài nhát lược lên tóc rồi vội-vã đi ra điềm-đạm ngồi lên xe nghiêm-trang và lạnh-lùng. Chiếc xích-lô, ghề nệm chạy bằng bánh là đơn-vị buồn thiu êm-ái của xứ Huế đàn bà sang trọng.

Cổ và hai cánh tay mát lạnh, vùng trán âm ỉm bàn tay sờ trong cơn sốt ngằm, tôi bức-rút đi dưới hàng hiên học-trò tay ôm xấp giấy dầy cộm tài-liệu thi cử. Ê cô vào phòng ni cô. Cô đáng mê quá. Cô ni hiền lắm tụi bay ơi: Tôi ghéch mặt lên cao đón những làn gió hỗn tạp vào ý-thức mê-hoảng. Học-trò ngày nay đang thọc tay xáo trộn cả guồng máy chính-trị; có ra gì lũ người đi dạy. Tôi khoan-thai ngược cái nhìn trí-thức tìm sổ phòng lạnh-lẹ đi vào phát giấy, ký tên kiểm-soát phiếu thí siuh.

Những cây phượng già thổi gió vào phòng thi. Một thành phần người trẻ gấu hoang ngồi dưới, cô giám-thị ốm nhỏ ngồi trên. Ba chiếc áo nhà binh trần-trở không ngừng, năm người con gái không ngồi yên lặng như búp bê. Viên đại-úy cuối phòng dựa lưng ra sau móc cái nhìn chỉ huy lên cô giám thị nhỏ nhoi. Tên con trai ngồi bàn đầu nắn nắn cánh tay gân guốc, tuốt giày gát chân lên ghế kiêu ngồi ăn giỗ, bạnh mồm nói chuyện oang oang, tiếng cười hỗn xược văng ra khiến tôi ngửa miệng nói :

— Ngắm anh một chạng rồi hông muốn đi dạy nữa.

Ngó lại người thí-sinh quân-nhân vẫn cái nhìn sống-sượng tức tởm da thịt tôi. Nhưng thôi đừng ngó người ta nữa để thấy người ta nhìn mình.

Tiếng trống mở đề, anh giám thị đi chung xé phong bì chia hai đi phát. Tôi trở về bàn cầm đề thi liếc qua. Tôi muốn ngồi mãi chỗ nhất định này và muốn nhắm mắt. Hai con mắt ngu dại nhìn nhiều người đàn ông mà chỉ thấy một người. Không có cuộc tuyển-lựa hai người. Tôi cắn môi, cắn tiếng khóc. Thôi đôi môi từ

đây rồi những chiếc hôn rồi, đôi môi khô già gượng-gạo từ chối lớp son óng mượt se sầu. Từ nay thếp son vào cho môi ngon. Tôi có phải là người con gái có tâm-hồn mốt-meo xấu-xí không ? người có tâm-hồn là người đẹp cao-cả nhưng tâm-hồn nằm chằng nào trong thân-thể ? Còn mãi, thọ mãi nhưng tâm-hồn là gì ? Trừu-tượng quá !

Tiếng vỗ bàn của người nam giám-thị giật mình tôi. Lũ thí sinh cướp giật bản nháp và làm bài chung, một thằng đỡ giúp đỡ được chín mười thằng trong một phòng. Bất kể rút tài-liệu gian lận phạt treo bút hai năm không thi là làm điều bất công. Thằng học trò nào cũng gian cả và hầu hết giám-thị đều dui. Ai làm gì mặc ai, tùy ý, bòn-phận giám-thị là đi hầu thi, đi chạy giấy.

Thân-thể rã rục tôi chỉ muốn một cái giường. Giường là đồ vật tội lỗi nhất trong những đồ vật. Muốn ngủ quá, ý-thức chảy tràn trong cơn mê thiếp đông dài, tôi gục mặt giữa hai bàn tay xương mỏng.

Người thư-ký vào hỏi bộ trình thư và ghi sổ vắng. Bàn tay hẩn cầm bút khô cằn nhưng linh-hồn của bàn tay đó là chiếc nhẫn vàng không mặt nặng-nề. Nhìn người ta mà phục mình chịu cô đơn giỏi. Sợ quá... Rồi tôi sẽ lấy chồng và không tuyên-bố gì cả ? ? Ba mươi tuổi rồi, lấy chồng, để con, biết có sống đến sáu mươi tuổi nhìn con trưởng-thành.

Cảnh làm bài tập thể trắng-trợn, những cử-động tham lam cướp giật, ánh mắt gian tà của lũ thí-sinh khiến tôi đâm ác-cảm với người nam giám-thị đi chung !

— Anh là đàn-ông sao không chịu la lên một tiếng.

Tôi lờ lờ. Cô giáo trách thầy giáo như vậy thì nữ sinh cũng sẽ trách nam-sinh : Anh là con trai sao không quay.

Những lần coi thi song song với một ông thầy dữ dữ mình thấy khoẻ ra và tin-tưởng ; nhưng hễ nạt-nộ đẹp yên được thí-sinh rồi thầy sẽ cảm-hứng bắt chuyện với cô ngay. Tôi vòng tay chậm-chậm đi quanh phòng nhìn thiên hạ áp-dụng đủ mách khéo phương tiện để có bài nạp. Đưa con gái ngồi sau lấy tay nhọn chích mãi lưng tên con trai phía trước. Tôi tiến đến trước mặt y-thị dẫn giọng :

— Ngày thường người ta tán-tĩnh mình thì cụp mặt ngoe-nguầy, tại sao vô phòng thi lại cứ muốn túm lấy người ta.

Huế hôm nay không hiền nữa, Huế là một góc Sài-gòn và gái Huế bên tả ngạn sông Hương hoang nghịch hơn gái miền Hữu-ngạn. Tôi đi chậm rãi đến cửa sổ mốc thếch bụi bặm nhìn qua trường Đồng-Khánh. Hai ngôi trường đỏ nam nữ rẽ đôi — ngày xưa nghiêm lạnh — Cách nhau có con lộ nhỏ chấp nối một chặng đường chuyển xe đò Bến-ngự — Đông-ba. Những chiếc cửa sổ mở là những con mắt đề hai trường nhìn nhau. Giờ ra chơi những con mắt đó đối thoại bằng âm thanh

luyện ái ờn loạn : anh yêu em — em yêu anh — anh lấy em — em lấy anh — đồ mất dạy.

Si l'amour n'est que mensonge tôi rên trong tiếng hát ử ử và nghiêm ra rằng văn chương cũng như âm nhạc có thể là những tôn giáo mà tín đồ là kẻ viết văn, đặt nhạc. Riêng tôi là một tín đồ ngoan đạo ái tình. Tôi quay lưng nhìn vào lớp. Thiên hạ đã lắng dịu phần nào cúi xuống chăm chỉ chép bài. Ba thí sinh quân nhân còn lo lắng hỏi thăm láng giềng từng bừng. Kỳ thi lành ít dữ — Quan niệm của thí sinh và cũng là quan niệm của giám thị. Tôi lê gót đi vài vòng quanh lớp chán ngán trăm bề. Nguồn vui cuộc đời là có việc làm say sưa và tìm thấy người đẹp để yêu. Khổ cực cho cái nguồn vui cô đơn khó đạt đó. Thôi nên nhét tư tưởng ấy vào mục lời hay ý đẹp cho trang báo đừng có chỗ nào để trống.

— Cô bày cho câu này khó quá.

Giòng dương điện nào giật thót người cô giáo, bàn tay thô bạo của người thí sinh quân nhân đang nắm gọn lỏn bàn tay gầy bé của tôi. Bàn tay gầy bé của tôi bạo nhiều lần ngon lành nằm yên trong bàn tay xâm lấn của Vĩnh. Ai có quyền nắm giữ tay tôi, ai có quyền xúc phạm da tôi.

— Cô bày cho câu này bí quá.

Ánh mắt hiểu học, cố gắng của người thí sinh quân nhân đeo lon đại úy nhìn tôi van nài, bắt buộc và dễ sợ. Tôi rã rụt :

— Buông ra ngay. Tôi kiện tới bộ Quốc-phòng nghe không ?

Tôi tức tưởi trở về chỗ ngồi tìm chai dầu thoa lên thái dương, lên trán mũi lưỡi. Tôi nghe như có luồng gió lớn thịnh nộ cuốn lốc cát bụi, mái tranh cả sợ run rầy, gió gào trong vườn cây đau xót xé rách tước những tàu lá chuối ươn hèn. Thần kinh tôi, tâm hồn tôi cũng bở như lá chuối.

Kỷ-niệm chỉ còn là giẻ rách. Hoa Mimosa là mụn ghẻ.

*
*
*

... « *Mãi cô-đơn khiến người đàn bà đi dạy đã tự phong mình là sư-nữ Hoài ơi ta nghĩ rằng em chưa dám sống hoặc em chỉ sống giả sống kịch. Bởi đó đời em khô và dòn chỉ một thoáng thất bại cũng đủ vỡ lở. Lúc này học-sinh bãi khóa liên-miên, em nghĩ ngại nhiều chắc em béo lên. Sao không hề viết thư cho anh...*

Thanh-niên ngày nay nghĩ đến cái chết vội quá. Mầm chủ bại... »

— Lên đây chị Hoài chị Hoài lên đây.

Nhét vội thư Vĩnh vào kẹp bàn, tôi theo Thùy lên nhà trên gặt đầu chào bác đưa thư. Mẹ và các em tết bác bữa tiệc ngọt. Dĩa bánh phồng tôm kích-thích hạch nước miếng, tấm đông sương bảy màu óng-ả nằm vắt ngang chiếc khay bạc trông

như hình cái mống. Thùỵ cầm bình sứ rót nước trà mạn sen nguyên chất ra cái ly to lớn, cho vào bảy thìa đường cát mịn, vài muống rượu rum và vắt thêm mười giọt chanh tươi. Diệu khuấy đều ly trà ngon ngọt thơm ngát đó rồi rót ra từng tách nhỏ mời mọi người. Bác đưa thư cầm phiến động sương pha sữa trắng nuốt như bông buri đưa lên môi nhai tiếng nói :

— Mấy cô và bà cho ăn luôn... hậu quá. Chúc các cô bắt đầu từ ngày mai sẽ nhận được vô số thư xanh, thư tím, thư hồng, thư bảo đảm, vô số bưu phiếu, điện tín và quà tặng của nhiều chàng trẻ tuổi 4 phương.

Diệu lạnh chanh :

— Chị Hoài sắp có chồng bác đừng chúc bậy.

Người đưa thư hỏi :

— Ông Vinh phải không ?

Tôi tái mặt. Mẹ ngạc-ngác. Diệu cười ré :

— Thăng Cu đó nếu chị Hoài lấy chồng sớm thì đáng cho chị đẻ ra thôi.

Nương nói mau như tiếng chim chèo-bẻo :

— Chị Hoài, chị Thùỵ chứ mả thì khỏi thư với từ. Khuất mặt là hết tình. Có nhớ nhung thì phải cố gắng bấm bụng đề nguyên trong lòng thôi... viết thư là tời.

Thùỵ hứ một cái :

— Tại sao tời?... Con nhỏ làm bộ quá... ta ghét nhất đũa mô cổ tình cô đặt cá-tính đề yêu cầu người ta chú-ý đến. Nương chúm môi ấn sâu má lõm động tiền:

— Cần phải làm bộ họa may có người ngó ngó, nếu không e nguội, e siu mất... không làm bộ như chị Hoài suýt nữa ế chồng... may mà anh Quang...

Nương đang lớn và đang đẹp, hai má bánh sữa lấm-tấm vài hạt mụn dậy thì vì vậy hể ở nhà là hấn chấm vàng chấm nâu lên mặt.

Nương chúm miệng tiếp:

— Bác bác chị Hoài sắp lấy anh Quang.

Người đàn ông sẽ cho tôi cái tên đề làm bà là đại úy Quang. Người đó đã đánh tiếng dạm hỏi tôi và cha mẹ nhận lời với nụ cười. Làm học-trò thì trọt, nhiều keo, làm nhà giáo hăm-hiu bướng bỉnh, hôm nay tôi mới làm cha mẹ hết lo và cười. Người đóng kịch đã thành-công nên mnốn giữ mãi nụ cười trên môi hai khán-giả sinh-thành.

Nhan sắc là mắt đẹp miệng đẹp, ngực to ; những đũa em gái hờn tôi chỗ đó nên đi dỏm và năng chụp hình. Tôi sống lãnh-dạm uề-oải buông trôi thả dãi trong lười biếng cầu-thả. Không suy nghĩ, không nhìn thành-phố, chỉ biết nhắm mắt

ngủ. Cô giáo già không duyên gặp đâu nói đó, gặp đâu cười đó. Mỗi tuần một lá thơ mê thương hời-hợt của Vinh khiến tâm hồn tôi lao-xao nổi sóng, phá ngang sự thanh-bình giả-tạo trên trán mặt môi miệng.

Hôm nay cũng như ngày mai, bao giờ tôi cũng buồn và lười. Vì đường nét tâm-tính cố-hữu của hầu hết gái Huế là lười.

Nương vắt chanh vào chén, pha nước chùm-kết, sửa-soạn khăn lược rồi bắt ghe dài cho tôi nằm gội đầu. Thuê Nương mười lăm đồng với điều-kiện gội không được rụng tóc. Mớ tóc khô quăn khó gỡ, khó cào lồm-xồm như cái chồi tránh nhưng nhúng nước thì teo-teo tóp như đuôi mèo. Hương kể lè :

— Bên chợ Bến-Ngự gội xo đồng chẳng ra cái thá gì cả... phương-pháp gội đầu của mỗa xếp sòng... Sách báo giải-trí lành-mạnh, khăn thơm và lương tâm nhà nghề... ở Bến-Ngự hẳn cho nằm gội trong cái chòi tre bần thiú mùi cá, cửa ra vào mở tan hoang, thiên-hạ đi ngang thấy mình nằm chinh lnh... như nằm cho cô mụ hương thôn phá thai.

Mười ngón tay móng nhọn quơ gãi xào-xạc ngang dọc trên lớp da đầu nhạy cảm giác, tôi mê-thích chí trong sự thỏa-mãn gọi là đã ngứa. Người phụ-nữ siêng-năng dăm-đang mấy đi nữa đến khi phải vòng ngược đôi tay tắm gội lấy tóc mình cũng tròn cũng ngại. Nỗi vui sướng ngấm tràn cơ-thể là kỳ-thác đầu lâu cho kẻ khác. Bao nhiêu cực nhọc ray-rứt phiền-toái phút đó tiêu ra hơi hết, người đàn-bà cảm thấy mình được săn-sóc nuông-chiêu ! Gãi đúng trăm ngàn chỗ ngứa tâm-lý và siêu-hình. Hạnh phúc mua với giá rẻ đó giúp đôi mắt lúu-riú tìm giấc ngủ. Tôi khoắc-kheải mong chờ một bàn tay vuốt tóc và hai bàn tay ôm đầu nhưng người đàn-ông chỉ có hai bàn tay chinh-phục. Ôi vật đất hoang-sơ tiêu-diệu mong chờ phân-màu ủ bón là làn da thịt con gái lạnh-lùng run rẩy. Vinh ơi, mắt em nồng tình, môi em nao nao cầu khấn, ngực em muốn to ra mà không được Vinh ơi.

Nương vẩy nước chanh lên mớ tóc ướt cho chất chua thấm sâu từng kẽ ngón rồi xả lại lần chót với nước ấm. Tôi gọi Thủy đến khám-nghiệm và chứng nhận rằng đầu đã sạch mới ngồi lên cho Nương sấy tóc. Bên ngoài thiên-hạ xi xào rằng chị em nhà này mê nhau, quảng-cáo tăng-bớt nhau ăm-i. Những người bạn gái cùng máu mủ ruột thịt vây quanh nhau khiến tôi không thiết-tha giao-thiếp với chung-quanh. Cho như vậy là đủ rồi. Tôi giao tôi cho các em : Nương gội đầu thuê, Thủy may áo thuê và Diệu chấm luận Quốc văn mười bài một đồng rưỡi.

Thủy lấy bàn chải kéo mảng tóc mảnh-tương xuống trán tôi và dọn đuôi tóc thành ụ cao. Một chút nữa thôi. Quà sẽ đến nhà trình-diện. Phút ra mắt đầu tiên của người đàn ông sẽ đem đặt người con gái lên dốc cao khó xử của đường cong cuộc đời.

Tôi mang áo dài ngồi đợi một lát khá lâu Quang mới đến. Cha mẹ là hai kẻ mưu-toan trọng tội trong việc hôn-nhân của con.

Tôi có cảm tưởng mình đang vốc ăn từng nạm muối sống với chuỗi chát và phải nuốt hết cả nước lẫn bã muôn vàn con kiến chích đốt da đầu, muôn vàn vỏ chuỗi dưới chân đi, tôi tủi hổ, tôi bẽ mặt cuống-cuống. Quang là viên đại úy đã cầm tay tôi trong phòng thi ! Cũng đầu tóc lính chưa cao năm phân, cũng cái nhìn khốc-liệt, non thơ, nặng-nhọc. Tôi đẩy nghiêng gót giày tiến lên ngồi xuống trên ghế tiếp khách vất chân chữ ngũ treo cái nhìn trên trần nhà.

— Chắc đại úy thi đỗ ngay kỳ đó.

Bàn tay cầm súng rờ rịt thành ghế :

— Dạ... dạ và đi hành-quân ngay.

Rồi không nói chi nữa chờ nhau đưa đầy câu chuyện, chờ nhau cười nụ rã rời, dự-định là mây trên trời. Ruồi đậu trên mép Quang. Chàng đại-uý nâng tờ báo ơ-hờ cúi xuống, tôi trầm-ngâm lạc lõng. Có 6 viên thuốc đi vào bao-tử, có cơn sốt cuồng say, giấc mơ dữ-dẫn, tôi đã vuốt tóc mai trước trán và nhận mình là kẻ chung-tình. Kỷ-niệm đã rách rồi tương lai cũng chỉ là núi giẻ. « E mình không lấy chồng được » tư-tưởng đột-ngột đó húc vào tâm-tư tôi loạng-choạng, bủn-rủn... Sợ sao ? Hoài ?... Tôi nghe tiếng Thảo hỏi cứng và nhớ nụ cười của hân. « Ngồi im để ta coi tướng cho... Này vết buồn đọng trên má rung rung hai giọt lệ thiên-nhiên này... là hai chấm ruồi mọc đối xứng nhau qua chiếc mũi... đó đó nước mắt chảy xuống qua hai nốt ruồi nằm đợi đó, nước mắt qua đó, hai nốt ruồi « thương phu trích-lệ » đó mà ». Mặt Thảo tròn và trắng như trái thanh-trà đã bóc vỏ, tôi lơ lơ trông thấy hai gò má mũi cao, hai gò má phản đối màu phấn hồng của Thảo.

— Nếu có hai kẻ vô-duyên với nhau nhất trên đời... có lẽ là anh với tôi... nhưng anh đừng lo... tôi sẽ giới thiệu giúp anh một nơi.

— Dạ... dạ... thôi thì trăm sự xin nhờ chị.

31 - II - 64

TUÝ - HỒNG

Nhà xuất - bản

SÁNG - TẠO

ĐÃ CHO PHÁT-HÀNH :

- BẾP LỬA
- VỠ BỜ
- TIẾP NỔI

của Thanh-Tâm-Tuyền
của Doãn-Quốc-Sỹ
của Trần-Thanh-Hiệp

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Thi sĩ
Vũ - Hoàng - Chương
với hội nghị Văn-Bút
Quốc-Tế lần thứ 33
tại BLED (NAM-TU)

(đặt dưới quyền bảo trợ
của Thống - chế TITO)
Khai mạc ngày 1 - 7 —
bế mạc ngày 7 - 7 - 65



*Quang cảnh hội nghị Quốc-tế
Văn Bút họp lần thứ 33 tại Bled*

Tôi tìm gặp nhà thơ Vũ-Hoàng-Chương tại nhà riêng ở đường Phan-Đình-Phùng vào một buổi tối. Sau khi ghi chép xong những tài liệu về cuộc Hội nghị Quốc-tế Văn-Bút lần thứ 33 tôi mỉm cười hỏi : « Ông có đọc thấy trong tờ nhật báo Quyết-tiến « Thả vẹt » rằng ông bị khám xét rắc rối tại phi trường Orly (ở Pháp), phải nhờ một ông Hàn-lâm nào đó can thiệp ông mới thoát... » Nhà thơ họ Vũ phá ra cười : « Làm gì có chuyện ấy ! Chắc họ « nói đùa cho vui » ấy mà ! Chứ tôi đáp phi cơ Qansas của Úc-đại-lợi (Australie) từ Thái-Lan, rồi hạ cánh xuống La-

mã (Rome), thì qua Orly thế nào được ! » Tôi cười và hỏi tiếp : « Thế thì, từ phi cảng Tân-sơn-nhất sang nước Cộng-sản Nam-Tu, ông có gặp trở ngại gì không ? » Ông Chương nhìn tôi rồi nhăn mặt lắc đầu : « Ờ hay ! kể làm gì chuyện đi đường ? » Có gì quan trọng đối với cuộc hội nghị đâu mà ông hỏi cho mệt ? » Tôi vẫn cười : « Có chứ ! quan trọng lắm chứ ! Không có cuộc hành trình làm sao ông đến được Nam-tu là một nước Cộng-sản để hội nghị. Nhất là cuộc hành trình của ông đã vượt lần mức thế giới tự do, sang khu vực Cộng-sản ; có đi có về đảng

hoàng, khác hẳn những vụ vượt tuyến. Chuyến đi hiểm có của ông, dù những tay tỷ phú có muốn du lịch cũng không sao được toại nguyện.” Ông Chương lại cười :

« Vậy ông ghi nhé ! »

« Tôi lên phi cơ Air Việt-nam lúc 14g ngày thứ sáu (2/7/65) : 2 giờ sau đến Bangkok, tạm trú ở khách sạn Tocadeo ; nửa đêm tôi lên phi cơ Qansas của Úc-đại-lợi, tới La-mã (Rome) đúng 8 sáng hôm sau. Vừa đáp xuống phi trường Rome, tôi liên lạc với sứ quán Việt-nam bằng điện thoại và được đón về trung tâm thành phố Rome. Đến sứ tôi gặp liền ông đại sứ Nguyễn-Dương-Đôn nhờ ông liên lạc gấp với tòa đại sứ Nam-Tur tại Rome đề xin chiếu khán vào nước họ. Nhưng sứ quán Nam-Tur trong “mùa nghỉ hè” đóng cửa ngày thứ bảy, họ bảo phải chờ đến sáng thứ hai. Mà thứ hai mới gặp ông đại sứ họ thì chưa chắc đến thứ ba đã được chiếu khán chưa ? Ông nhớ là hội nghị đã khai mạc cách đây một hôm nhé ! Tôi đành phải về trú ở khách sạn Santa Chierra. May quá, ngay chiều hôm ấy, tôi được tin ông đại sứ V. N. đã liên lạc được với ông đại sứ Nam-tur, và nhất định sáng thứ hai sẽ có đủ giấy tờ đi Nam-tur. Suốt ngày hôm ấy tôi đi thăm những thắng tích La-mã theo các chuyến xe du lịch, đề đỡ sốt ruột đợi chờ.

« Sáng thứ hai, tôi đến sứ quán, được chu toàn mọi việc, đến 14g55 hôm đó tôi đã lên phi cơ Air Jugoslav của Nam-tur tại Rome đề 17g đến phi trường Zagreb (trong lãnh thổ Nam-tur). Họ khám hành lý rất kỹ, sau đó họ đóng dấu

nhập cảnh vào giấy thông hành của tôi. Khoảng hơn một tiếng đồng sau, phi cơ này lại cất cánh và tới Belgrade (thủ đô Nam-tur) lúc 20g40, đang khi trời mưa lớn. Tôi cũng đội mưa vội ra ga xe hỏa lấy vé đi về BLED. Bây giờ lại đi ngược về hướng Rome đến 500cs đường tàu hỏa. Lúc phi cơ ghé Zagreb, tôi có xin đi xe ca đến BLED cho gần, nhưng họ nhất định không cho, họ bảo phải đến Belgrade mới được xuống. Tàu chạy lúc 23g50, đến 8 sáng mới đến tỉnh Ljubljana, phải đi một đoạn đường xe hỏa 50 cs nữa mới tới BLED. Nhưng ở đây đã có đại diện của hội nghị chức sẵn đề tiếp đón đại biểu các nước. Tôi nhờ họ gọi dây nói về báo tin tôi đã đến, và yêu cầu thượng quốc kỳ Việt-Nam Cộng-Hòa tại hội trường. Xin nói thêm rằng trước đây đã có một bức điện tin do tôi nhờ tòa đại sứ Việt-nam đánh đi từ Rome, cho hội nghị biết sẽ có đại biểu Việt-nam tới. Sau đó, tôi lại lên xe hỏa từ Ljubljana đề tới ga Lesce-Bled ; ga này cách thành phố BLED chừng 15 cs, tôi phải đi bằng xe ca (du lịch) đến chỗ hội nghị vào lúc 9g45 (ngày 6-7-65). Cũng vừa khi phiên họp hôm ấy sắp khai mạc. Tôi làm mọi thủ tục của hội nghị : đóng 16 dollars cho ban tổ chức, đưa bài diễn văn của tôi cho nọ quay ronéo ; kiểm điểm việc cờ Việt-nam Cộng-hòa tại hội trường (đã treo rồi).

« Trước khi vào hội trường, tôi được đeo một “dấu hiệu đại biểu hội nghị” màu xanh lá cây.

« Có 50 phái đoàn được ghi tên. Cộng tất cả trên 200 người tham dự. Hội

trường rộng lớn ; kiến trúc theo lối tân kỳ của Âu-Mỹ ; không khí hội nghị tuy trang trọng nhưng vẫn sôi nổi và cởi mở. Trong số các đại biểu Văn-bút, tôi được gặp lại các vị đã quen từ trước : Ông Doszy (Úc-dại-lợi) đã gặp trong hội nghị "các nhà văn Á-châu" năm 1964 tại Bangkok ; ông Utamsi (Congo) đã gặp ở hội nghị "Thi ca Quốc tế" năm 1959 tại Knokke (Bỉ) ; bà Clara Hammericha (Đan-mạch) cũng đã gặp tại hội nghị Bangkok ; và ông Roger Caillois (Pháp) đã từng sang Sài-gon. Á-châu thiếu đại biểu của các Trung tâm Văn-bút : Đài-loan, Hồng-kong, Phi-lật-tân. Mã-lai ; Thái-lan, Diễn-diện, Pakistan.

« Phái đoàn đông nhất là Nam-tư, trên 40 người ; rồi đến phái đoàn Pháp, Hoa-kỳ, Anh-các-lợi (mỗi phái đoàn trên 30 người) chỉ có Việt-nam và Tích-lan, mỗi quốc-gia đều chỉ có một đại biểu.

« Tôi đến vừa gặp lúc hội nghị đang thảo luận chủ đề « Thông Cảm Giữa Tác Giả Và Độc Giả. » Phiên họp ngày hôm ấy đặt dưới sự điều khiển của Jan Parandowki trong phái đoàn Balan (Pologne) ; đề thảo luận chủ đề chính ấy, có các tiêu mục :

1) Văn chương hiện nay có thật là đang trải qua một cơn khủng hoảng chẳng ? Sự thông cảm trở nên khó khăn, nếu có, giữa người viết và người đọc, thì lỗi có thuộc người viết chẳng ?

a) Bằng những cách nào nhà văn phân tích và định chất xã hội hiện kim ? Trước sự tràn ngập của các việc xảy ra trên thế giới, nhà văn phải đối phó ra sao ? Thái độ nhà văn đối với thực

tế, với lịch sử hoặc với xã hội có khác gì trong quá khứ chẳng ?

3) Địa vị của văn chương riêng tây ? Nhà văn có quyền bịa đặt và phổ biến một thế giới riêng và sáng tác chỉ do nhu cầu cá biệt của riêng mình hay không ?

« Sau đó, hội nghị phân từng nhóm nhỏ để thảo luận các tiêu mục nói trên, được gọi là Hội thảo bàn tròn (Round Tables). Các quyết nghị sẽ được phổ biến ngày hôm sau.

« Hôm sau, chủ đề thảo luận là : « Văn Chương Và Sự Phổ Biến ». Phiên họp hôm nay đặt dưới quyền điều khiển của Yves Gandon (trong phái đoàn Pháp Có các tiêu mục :

1) Có sự khác biệt căn bản giữa văn chương của các nước tiền tiến và các nước hậu tiến không ? Hoặc giữa các nước có ngôn ngữ phổ biến rộng rãi, và các nước có ngôn ngữ bị giới hạn chật hẹp ?

2) Hậu quả của sự gia tăng lớn lao về phổ biến tin tức và sự trao đổi văn hóa đối với cả hai thế giới : giới độc giả và giới nhà văn hiện nay (sự hiểu biết nhiều hơn trước kia về mọi phương diện) có nguy hiểm gì không ? Thí dụ văn chương trở thành độc điệu, mang tính cách sản xuất cơ khí ; hoặc cảm hứng địa phương bị tiêu trầm đi ? Hoặc những ngôn ngữ eo hẹp bị hi sinh để các ngôn ngữ trở thành phổ quát ?

3) Có thể nào hiểu được văn chương nước ngoài mà không cần đến nguyên bản không ? Nghĩa là chỉ căn cứ vào các bản dịch có đủ không ? (1)

«Trước khi phiên họp chia thành nhóm đề Hội thảo bàn tròn như thường lệ, đại biểu Việt-nam đứng lên yêu cầu được đọc diễn văn và phổ biến các tài liệu (về văn chương) của phái đoàn Việt-nam đã nhờ văn phòng hội nghị quay ronéo đề phát cho các đại biểu và các nhà báo quốc tế. Ông Yves Gandon (chủ tọa phiên họp) yêu cầu chỉ được phát biểu ý kiến trong vòng 5 phút ; vì số đại biểu chưa lên nói có trên 20 quốc gia » (đại biểu Nhật-bản, cho đến khi bế mạc vẫn chưa được nói). »

Nói tới đây, Vũ-Hoàng-Chương trao cho tôi bản tiếng Việt bài diễn văn ông đọc tại Hội nghị Văn Bút Quốc tế bữa đó :

Mở đầu bài diễn văn, nhà thơ rào đón rất văn chương về trường hợp phải dùng ngôn ngữ khác tiếng mẹ đẻ tiếng Pháp để trình bày ý kiến và chào mừng hội-nghị. Sau đó Ông nêu lên mối thiện cảm giữa 2 dân-tộc Việt-nam và Nam-tư — cùng chung một thành ý trên 3 chiều hướng : yêu hòa bình, tôn sùng thi ca, và kinh tởm thù ghét mọi thứ đô hộ, mặc dầu dưới hình thức nào.

Đề cập đến vấn đề chủ yếu của hội-nghị « Người cầm bút và xã hội hiện kim », nhà thơ V.N. nhắc lại mấy vần điệu ca dao V.N. :

Người ta đi cấy lấy công

.

Trời êm bề lặng mới yên tâm lòng
và nêu lên cái triết lý thấm đượm trong đó để rồi kết luận : « Trong xã hội hiện kim đầy rẫy những tiếng động cuồng khấu và sát nhân, lẽ tự nhiên

giới nhà văn phải có bổn phận đem « Trời êm bề lặng » « về cho nhân loại ».

Sau đó Vũ-hoàng-Chương lại nhắc đến một khúc điệu dân ca Nam-Tư mô tả một thiếu phụ ôm con nằm ngủ ở dưới gốc cam, mà không ai dám đánh thức. Bà mẹ chỉ khẩn cầu nôi « cơn gió núi » đừng cánh hoa cam rụng xuống mà lay tỉnh nàng.

Theo vị chủ tịch Văn bút Việt-Nam thì thiếu phụ đang ngủ chính là hình ảnh Hòa-Bình Thế-giới và giới văn nhân phải thể nhập vào « cơn gió núi » mà gọi nàng Hòa-Bình thức giấc.

Tác giả « Hoa Đăng » còn nhắc đến nhà thơ Nam-Tư nôi danh Davitcho, đã hiến thân cho cách mạng, nhưng cũng đồng thời tranh đấu cho địa vị con người trong cách mạng. Chủ trương, thái độ của nhà thơ này là điểm tựa cho đoạn kết thúc bài diễn văn của ông :

« Con người phải được tự do, luôn luôn tự do ; mọi cuộc xâm lăng phải chấm dứt, bất kể chúng được nguy trang khéo đến đâu ! Các dân tộc phải có quyền tự định đoạt số phận ; nhân loại phải sống yên vui, trong hòa bình toàn diện và đích thực dựa trên những tình cảm cao quý chứ không phải trên phương sách biến người thành máy hoặc hạ thấp nó xuống hàng nô lệ ! »

Khi tôi đọc xong bài diễn văn, Ô. Chương cho biết thêm là : « Cuộc hội nghị lần thứ 33 của Văn-bút Quốc-tế đã được bế mạc vào lúc 2 giờ chiều ngày 7-7-1965, sau khi Ô. Roger Caillois (đại diện UNESCO) tuyên bố rất hài lòng về kết quả của hội nghị.

Trả lại bài diễn văn cho tác giả
tôi hỏi thêm :

HỎI : Xin ông cho biết về cuộc
phỏng vấn của những nhà báo bên
ấy ; ông đã trả lời họ những gì và
ông có nhớ tên các nhà báo ấy
không ?

ĐÁP : Có chứ ! Salzburg, Vienne,
Graz (các nhà báo này đều ở Áo và ở
Đức). Họ vây tôi có trên 20 phút, họ
phỏng vấn và thu trực tiếp vào máy ghi
âm (magnétophone). Họ hỏi nhiều vấn
đề linh tinh xoay quanh thời cuộc Việt-
Nam. Nhưng tôi đã khước từ bằng câu
nói : « Tôi sang đây với nhiệm vụ về
văn hóa, xin được phép trả lời các ông
ở phạm vi ấy ». Bấy giờ họ mới
chịu hỏi :

HỎI : Tình hình sáng tác ở Việt-
Nam ra sao ? Có được tự do tư
tưởng không ?

ĐÁP : Ở nước chúng tôi sáng tác hoàn
toàn tự do ; nhưng vấn đề phổ biến tác
phẩm thì chật vật vì tình trạng chiến
tranh...

HỎI : Nước ông có nhiều văn sĩ
nổi tiếng không ?

ĐÁP : Ở nước chúng tôi có rất nhiều
nhân tài. Nhưng sự nổi tiếng còn lệ
thuộc vào vấn đề ngôn ngữ. Ngôn ngữ
của các nhà văn ấy có phải là thứ ngôn
ngữ được truyền bá rộng khắp hay
không. Do đó, tiếng Việt-Nam chúng tôi
không thể phổ biến bằng các thứ tiếng
Anh, Pháp ; thì lẽ dĩ nhiên các nhà văn
trong nước chúng tôi không thể sánh

tìm đọc

ĐẤT-SÔNG

nguyệt-san nghị luận văn học
của lớp người ý thức hiện đại

được với các nhà văn Anh, Pháp, Mỹ
về vấn đề nổi tiếng.

HỎI : Tác phẩm trong nước ông có
được dịch ra ngoại ngữ nhiều không ?

ĐÁP : Trước đã có, như truyện Kiều
của cổ văn hào Nguyễn-Du ; nhưng gần
đây thì Trung-tâm Văn-bút Việt-Nam
đương trù liệu dịch một số tác phẩm
Việt ra Anh và Pháp ngữ. Riêng tôi cũng
có một tập thơ được dịch sang Anh,
Pháp ngữ rồi.

HỎI : Các ông có dịch tác phẩm
của Tây phương không ?

ĐÁP : Có chứ ! Chúng tôi đã dịch
thơ của thi hào Lamartine, truyện của
Honoré Balzac, kịch của Shakespeare,
Corneille ; và gần đây là các tác phẩm
của Ernest Hémingway, William Faulk-
ner, Albert Camus v.v...

HỎI : Thử đọc một đoạn đã dịch ra
tiếng nước ông xem thế nào ?

ĐÁP : Đây là mấy câu trong bài Le
Lac của Lamartine :

Trôi đi mãi con thuyền phiêu mạn
Khoảng đêm dài vô hạn bơ vơ
Mênh mông xa bến lạ bờ
Bỏ neo dừng lại một giờ được
chẳng ?

HỎI : Còn về thi ca cổ điển, ai nổi tiếng nhất trong nước ông ?

ĐÁP : Cổ văn hào Nguyễn-Du với tác phẩm Truyện Kiều làm bằng văn vần ; đã có nhiều bản dịch sang Anh và Pháp ngữ, từ thời tiền chiến.

HỎI : Xin tóm tắt tác phẩm ấy và đọc cho nghe thử mấy câu bằng tiếng của nước ông ?

ĐÁP : Đây là câu truyện kể cuộc đời luân lạc của một thiếu nữ tài hoa bạc mệnh v.v...

Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
(tôi ngâm 6 câu tắt cả)

HỎI : Ở nước ông có phong trào văn chương nhập thể (littérature engagé) không ?

ĐÁP : Dân tộc Việt nam vốn yêu hòa bình, chuộng tự do, nên từ xưa đến giờ chỉ thích văn chương thuần túy. Nhưng nếu cần, văn dùng văn chương để tham dự các phong trào đấu tranh ; chẳng hạn như phong trào chống thực dân Pháp, và gần đây hơn là phong trào tranh đấu chống làn bão của chiến tranh phá hoại.

HỎI . Thanh niên nước ông có đọc nhiều về thuyết hiện sinh không ?

ĐÁP : Có chứ ! Nhưng họ có quan niệm khá cao về bôn phận, nên khi nào đất nước cần đến họ, là họ sẵn sàng bỏ hết, nhất là những thứ triết thuyết gây hoang mang mà chẳng dẫn dắt họ đi đến đâu cả !

Chờ tôi ghi xong, ông Chương lấy tờ báo in bằng chữ Nam Tư (nhật báo

Đelo tức là Travail), chỉ cho tôi xem chỗ cột báo nói về Hội nghị Văn-Bút Quốc-Tế tại Bled. Rồi ông nói :

— Tờ nhật báo này xuất bản tại Ljubljana, phát hành ngày 8-7. Ljubljana là thủ phủ miền Seovénie, được coi như cố đô của Nam-tur, tờ Đelo có nhiều độc giả nhất xứ này. Tôi không đọc được chữ Nam-tur, phải nhờ một bà đồng hành biết chữ Pháp, dịch sang Pháp ngữ cho tôi ; một đoạn trong bài ấy đại ý như sau :

... « Hôm nay, thi sĩ Việt-Nam Vũ-
« Hoàng-Chương cũng đã phát biểu ý
« kiến, mặc dầu ông có đến chậm đôi
« chút. Ông kêu gọi các văn hữu Nam-tur
« và chứng tỏ với họ một thiện cảm sâu
« rộng. Sở dĩ có thiện cảm này là vì cả
« hai dân tộc cùng chung một quan điểm
« văn hóa, nhất là thi ca của hai nước
« đều chống chiến tranh, chống xâm
« lược dưới mọi hình thức nhằm thực
« hiện một nền hòa bình đích thật ở
« khắp mọi nơi ».

Tôi lại hỏi : « Còn các tờ báo của những ký giả phỏng vấn ông, sao ông không tìm mua vài tờ về làm kỷ niệm ?

Ông Chương lại cười : « Gấp về quá ! Và lại họ xuất bản tận bên Áo, bên Đức kia mà. Tôi đã có dặn các phóng viên (sau khi họ phỏng vấn) là họ sẽ gửi về Saigon cho tôi những số báo ấy. Chờ xem ! »

Saigon 26-7-65

LÊ PHƯƠNG CHI

15 NGÀY TIN TỨC

● Oanh tạc miền Bắc

Những mục tiêu oanh tạc vẫn như cũ, nhưng trong 2 tuần qua, Yên Bái là nơi bị dội bom nhiều lượt hơn cả (kho quân nhu, ga xe lửa, đường xe lửa, cầu...) vào các ngày 11, 13, 19, 20, 22 tháng 7). Đài radar Mũi Ròn cũng bị oanh tạc hai lần ngày 16-7, hai lần ngày 17-7, một lần ngày 19-7...

Truyền đơn được rải nhiều lần (các ngày 12, 13, 15, 18, 20 tháng 7) tại nhiều nơi: Vinh, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Ninh Bình, Phát Diệm, Nam Định, Chợ Bờ (Hòa Bình), Yên Bái v.v... Riêng ngày 20-7, 3.400.000 truyền đơn được thả xuống Hà Nội, Hải Phòng và 8 thị trấn ở Bắc Việt.

Sáng 24-7, một phản lực cơ H.K. Thunderchief đã bị bắn rớt ở Bắc Việt phi công được cứu thoát và buổi chiều hôm đó một phản lực cơ F.4C Phantom có lẽ bị hỏa tiễn « địa không » của Bắc Việt bắn rớt trong phi vụ oanh tạc xưởng chế tạo chất nổ: Lang Chi.

Ngày 27-7 46 phi cơ H.K. đã phá 2 dàn hỏa tiễn lưu động của Bắc Việt tại một địa điểm cách Hà-nội 64 cây số và bị rớt 3 máy bay trong phi vụ này.

*
* *

● Chiến sự tại miền Nam

Trong 6 tháng vừa qua H.K. đã thiết lập được 6 cứ điểm quan trọng trên lãnh thổ V.N.C.H.: Đà Nẵng, Chu Lai, Qui Nhơn, Cam Ranh, Phan Thiết, Vũng Tàu.

13-7: 4000 quân Mỹ đã đổ bộ lên Cam Ranh (đệ nhất sư đoàn bộ binh, chiến đoàn 2) có nhiệm vụ phòng vệ một kho đạn đang được xây cất.

14-7: Một tiểu đoàn bộ binh Mỹ thứ 2 gồm 1000 binh sĩ tăng viện cho Biên-Hòa và tổng số binh sĩ Mỹ tại Biên-Hòa lên tới 6000.

*
* *

Nhiều cuộc tấn công của V.C. đã bị đẩy lui như các trận đánh vào Bộ chỉ huy Tiểu khu vùng chợ Bà Rịa (15-7) vào 5 tiền đồn của quận lỵ Sơn Hải (17-7), các vụ pháo kích vào những đơn vị thuộc sư đoàn I bộ binh Mỹ phòng thủ vòng ngoài căn cứ không quân Biên Hòa (liên tiếp 3 đêm 19, 20, 21-7).

17-7: Hành quân tại Vĩnh-Bình: 21 V.C. chết.

20-7: V.C. tấn công trại Lực lượng đặc biệt Bù Đốp đã bị lực lượng trú phòng chống cự lại anh dũng và sau cuộc giao tranh ác liệt mà cả hai bên đều tổn thất nặng về nhân mạng, V.C. phải rút lui để lại một số vũ khí và 28 xác chết quanh rào.

21-7 : Một đơn vị V.C. tấn công quận lỵ Xuyên Mộc đã bị chống trả mãnh liệt và phải rút lui bỏ lại vũ khí cùng 22 xác, trong có 1 Tiểu đoàn trưởng.

22-7 : Pháo đài bay B-52 lại dội 500 tấn bom xuống khu rừng có V.C. tại Bình-Dương.

24-7 : Cuộc hành quân « Thần Phong » khai thông quốc lộ số 19 nối Qui Nhơn với Pleiku đã khai diễn ngày 16-7-65 và hoàn thành nhiệm vụ ngày 24-7-65 và 3000 tấn thực phẩm và nhiên liệu đã được chuyển vận lên tiếp tế cho đồng bào Cao nguyên.

*
* *

● Tin tức quốc nội

11-7 : Mít-tinh tại Hà Nội về buổi lễ xuất phát « Lữ-đoàn chí-nguyên-quân Bắc-Việt ».

12-7 : Tân Hội đồng Đô thành khai mạc khóa họp đầu tiên.

16-7 : Đại tá Phạm Ngọc Thảo, người cầm đầu cuộc đảo chánh ngày 19-2-65 chống Đại tướng Nguyễn Khánh, đã bị bắn trọng thương và từ trần trong đêm 16-7-65.

16-7 : Phái đoàn H.K. gồm 65 nhân viên do Ô. Mac Namara, Bộ trưởng quốc phòng H.K. lãnh đạo và 3 phụ tá : Đại sứ H. Cabot Lodge, Đại tướng E. Wheeler và thứ trưởng ngoại giao Leonard Unger, đã tới Saigon sáng 16-7-65 và rời Saigon chiều ngày 20-7-65.

20-7 : Mít tinh kỷ niệm ngày Quốc Hận 20-7-65 tại Vận động trường Cộng Hòa, biểu dương lực lượng toàn dân đoàn kết đề chuẩn bị giải phóng miền Bắc. Một bản tuyên ngôn của Chính phủ V.N.C.H. tố cáo những hoạt động xâm lược miền Nam và vi phạm hiệp định Genève của V.C. và T.C. trong 11 năm qua, và kết luận. « Việt-Nam Cộng-Hòa không những sẵn sàng hy sinh để bảo vệ chính nghĩa tự do, mà còn sẵn sàng tiếp tay với đồng bào miền Bắc để giải phóng toàn thể đất nước thoát khỏi sự áp bức của Cộng sản vô tổ quốc, vô nhân đạo ».

19-7 : Sắc luật 004/65 ngày 19-7-65 được ban hành, quy định hình phạt tử hình và cấm cố : những kẻ phao tin thất thiệt liên hệ đến vật giá tích trữ trái phép chuyển ngân phi-pháp, xuất nhập cảng vàng trái phép v.v... Những vụ hối lộ, hối mại quyền thế, biển thủ công quỹ, vi phạm nghĩa vụ quốc gia, phản nghịch, thân Cộng và Trung lập, còn đồ sẽ bị Tòa án quân sự mặt trận xét xử.

24-7 : T.T. Chủ tịch UBHP họp báo đề trình bày kết quả 1 tháng hoạt động của nội các chiến tranh về các vấn đề : Tiếp tế trừ gian, tài chánh, (tăng thuế xa xỉ phẩm, giảm chi). y tế, (phòng thăm bệnh miễn phí, chần-y viện bài lao), giáo-dục (giải tỏa lớp trưa), xã hội (giúp định cư 195.000 đồng bào về tạm cư 400.000 đồng bào tỵ nạn C.S.), ngoại-giao, thông-tin, nội-vụ quốc phòng...

26-7 : Đại-hội Chương-trình Giáo-dục khai mạc tại Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc Sài-gòn.

● Tin tức thế giới.

Ông Davies, nghị sĩ Anh, được mời sang Hà-nội hồi 7/7 không tiếp xúc được với các lãnh tụ cao cấp của V.C. lại trở về, tới Luân Đôn sáng 14/7.

Ông Adlai Stevenson, Đại-sứ Mỹ ở L.H.Q. đột nhiên từ trần tại Luân-Đôn ngày 14/7, ngày 19/7 Ông A. Goldberg, Chánh án Tối cao Pháp-viện đã được cử thay thế Ông Stevenson ở chức vụ nói trên.

Ông Lý-Thừa-Văn, cựu Tổng-Thống Đại-Hàn vừa từ trần ngày 19/7 tại Honolulu.

Ông André Malraux, Tổng-trưởng văn hóa Pháp, tới Bắc-Kinh ngày 20/7.

Mariner IV, phi-dạn của H.K. được phóng lên không trung ngày 28-11-64 đã tới gần Hỏa-tinh ngày 14-7 và chụp hình chuyển về trái đất từ ngày 15-7.

Zond III, một phi-dạn của Nga mới được phóng lên gần đây, ngày 19-7-64, sẽ xoay quanh mặt trời với những nhiệm-vụ khảo-sát về không gian liên hành-tinh. 2 ngày trước đó, 17-7, Nga cũng đã phóng lên không-gian 5 vệ-tinh từ một hỏa-tiên duy nhất và một vệ-tinh lớn nhất từ trước đến nay nặng 12 tấn rưỡi : Proton I.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.